

BỘ PHÁP BẢO: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG BÊN THẦY CHÚNG CON HỌC ĐẠO

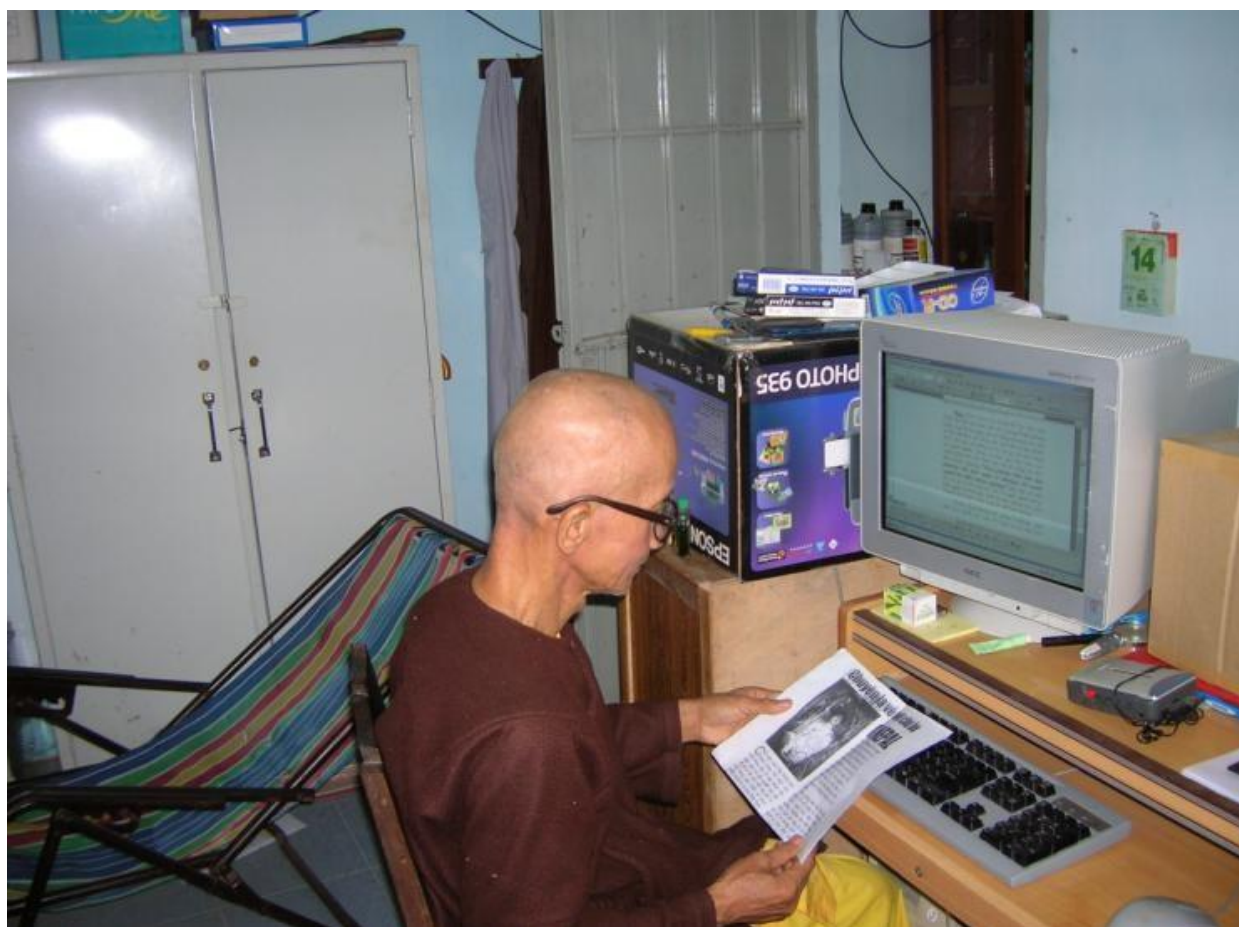
ĐƯỢC TRÍCH LỤC TỪ KINH SÁCH TU VIỆN CHƠN NHƯ,

DIỄN ĐÀN, TRÊN MẠNG, ĐẶC SAN & TÂM KÝ

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG

Bên Thầy Chúng Con Học Đạo

(TẬP HAI)

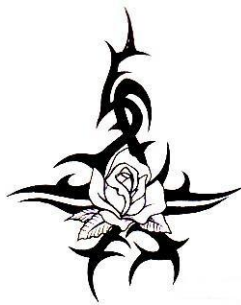


(Thầy trả lời câu hỏi trên mạng về việc cậu bé Ấn Độ 16 tuổi ngồi Thiền
6 tháng không ăn uống! Là lỗi tu sai lạc Đạo Phật)





*Thành Kính Tri Ân
Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc
Người Đã Cho Phật Tử
Chúng Con
Cái Nhìn Chánh Kiến...*



Lưu Ý: Kinh Sách Pháp Bảo Nền Ấn Tống Truyền Bá Lưu Hành, Để Xây Dựng Đạo Đức Nhân Bản Giải Khổ Quần Sanh – Nếu Thủ Giữ Hoặc Làm Rách Hư Là Tự Đoạn Mất Hạt Giống Đạo Đức Giải Thoát Trong Những Kiếp Vị Lai!

NỘI DUNG TRÍCH LỤC TẬP HAI Trang

Đức Phật xác định pháp môn tu tập giác ngộ – 05

Tâm không phóng dật – 08

Tâm khó trị – 09

Lời dạy cặn kẽ – 11

Nhìn lỗi mình – 24

Bờ bên này, bờ bên kia – 26

Những pháp môn con ghi ra đây đã đủ chưa? – 31

Định vô lậu câu hữu với ngũ uẩn – 32

Định vô lậu câu hữu với tứ niệm xứ – 36

Định vô lậu câu hữu với tứ chánh cần – 41

Định vô lậu câu hữu với nhân quả – 42

Định vô lậu câu hữu với tứ diệu đế – 44

Định vô lậu câu hữu với tứ vô lượng tâm – 89

Định vô lậu câu hữu với tứ bất hoại tịnh – 90

Định vô lậu câu hữu với định niệm hơi thở – 91

Định vô lậu câu hữu với pháp bất tịnh – 91

Định vô lậu câu hữu với thập nhị nhân duyên – 92

Chánh niệm trên tứ niệm xứ – 94

Tỉnh giác trên tứ niệm xứ – 95

Giới luật và tri kiến trong tứ niệm xứ – 97

Tứ niệm xứ là ngọn đèn soi sáng là chỗ nương tựa... – 98

Người tu tứ niệm xứ là những người tối thượng... – 99

Người mới tu tập vẫn tu tập pháp tứ niệm xứ – 100

Tứ thánh quả đều do tứ niệm xứ mà thành – 101

Ác nghiệp – 103

Khiếp đảm và sợ hãi – 104

Chứng quả Alahán – 106

Cây gai – 107

Lòng Tin – 114

Phụ Lục – Niềm tin và giới đức – 116

(HẾT TẬP HAI – XIN ĐỌC TIẾP TẬP BA



(Tăng Ni & Tu Sinh dự buổi giảng ở Tổ Đường TV Chơn Như)



ĐỨC PHẬT ĐÃ XÁC ĐỊNH PHÁP MÔN TU TẬP GIÁC NGỘ

LỜI PHẬT DẠY

“Với pháp này Ta đã chân chánh giác ngộ, Ta hãy cung kính, đánh lễ và sống y chỉ pháp ấy”.

CHÚ GIẢI:

Trên đây là lời dạy của Đức Phật. Vậy với pháp này là pháp nào? Mà Ngài đã xác định và quả quyết chắc như vậy: “Ta đã chân chánh giác ngộ?”

Xin thưa cùng các bạn! Đức Phật muốn giới thiệu với chúng ta pháp môn mà Ngài đã tu chứng quả thật sự giải thoát, đó là pháp môn “Giới, Định, Tuệ”. Tại sao chúng tôi lại biết nó là pháp môn Giới, Định, Tuệ?

Thưa các bạn! Chúng ta hãy căn cứ vào lời di chúc và Bát Chánh Đạo tức là ĐẠO ĐẾ. Đạo Đế là một chân lý trong bốn chân lý của Đạo Phật. Đã là chân lý thì nó là một pháp môn hay nói cách khác nó là một chương trình giáo dục đào tạo bất di bất dịch của những pháp môn tu tập giải thoát thật sự, làm chủ sanh, già, bệnh, chết không ai có quyền thay đổi được. Nó là con đường dẫn chúng ta đi đến nơi giải thoát hoàn toàn. Nó là tấm bản đồ chỉ rõ đường đi để chúng ta theo đó tiến bước mà không còn sợ lầm đường lạc lối. Nó là chương trình giáo dục đào tạo những người có đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình khổ người. Nhờ đó chúng ta đạt đến mục đích tối hậu, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Hiện giờ Đạo Phật có rất nhiều pháp môn của ngoại đạo xen vào, khiến cho chúng ta không biết phân biệt pháp môn nào chân chánh thật sự của Đạo Phật.

Nếu chân lý “Đạo Đế” không có thì chúng ta biết căn cứ vào đâu để xác định pháp môn tu hành chân chánh của Phật Giáo. May mắn thay! Đức Phật đã sáng suốt, khi Đạo Phật xuất hiện ra đời, Ngài đã dự đoán biết tương lai về sau ngoại đạo sẽ dìm Phật Giáo và diệt Phật Giáo bằng con đường pha trộn chánh pháp và tà pháp lẫn lộn, khiến cho người đời sau khó phân biệt tà, chánh. Cho nên, bài thuyết giảng lần đầu tiên của Đức Phật được gọi là chuyển pháp luân, chính là “Pháp môn Tứ Diệu Đế”. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý của Đạo Phật bắt đầu có từ đây, khiến cho mọi người thông suốt thân phận của con người, tức là thông suốt thế giới quan và nhân sinh quan như thế nào đúng và như thế nào sai.

Căn cứ vào chương trình giáo dục đào tạo đức hạnh nhân bản - nhân quả của Phật Giáo (Đạo Đế) có tám lớp (Bát Chánh Đạo), chúng ta phân ra làm ba cấp tu học: (Giới, Định, Tuệ).

1- Từ lớp Chánh Kiến cho đến lớp Chánh Tinh Tấn là giai đoạn thứ nhất tu tập GIỚI LUẬT. Tu tập Giới Luật giai đoạn một có giáo trình tu học thuộc về pháp môn TỨ CHÁNH CẦN. Tứ Chánh Cần gồm có: Định Vô Lậu, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Sáng Suốt và Định Niệm Hơi Thở. Định Niệm Hơi Thở gồm có: 18 đề mục tu tập.

2- Lớp Chánh Niệm là giai đoạn thứ hai tu học GIỚI LUẬT trên Pháp môn TỨ NIỆM XỨ. Tứ Niệm Xứ gồm có Tứ Niệm Xứ tu học trên Tứ Niệm Xứ; Tứ Niệm Xứ tu học trên pháp Thân Hành Niệm.

3- Lớp Chánh Định là giai đoạn thứ ba tu tập THIỀN ĐỊNH. Thiền định có tên là TỨ THÁNH ĐỊNH. Tứ Thánh Định gồm có:

Sơ Thiền - Nhị Thiền - Tam Thiền - Tứ Thiền.

Khi nhập Tứ Thiền xong thì ngay đó tuệ Tam Minh xuất hiện cho nên Tuệ Tam Minh không tu mà có. Tại sao vậy?

Chúng ta hãy lắng nghe lời Phật dạy cho kỹ: “GIỚI SANH ĐỊNH, ĐỊNH SANH TUỆ” để khỏi bị tà giáo lừa đảo.

Như vậy con đường tu tập của Phật Giáo xác định rất rõ ràng, không thể tà giáo ngoại đạo xen lẫn, pha trộn vào được. Vì nó là một chương trình giáo dục đào tạo đức hạnh làm Người làm Thánh. Vậy mà, Giáo pháp của Đạo Phật hiện giờ toàn là giáo pháp của ngoại đạo mới kỳ lạ. Chương trình giáo dục đào tạo không còn nữa, Giáo trình giáo án lộn xộn không lớp lang thứ tự chỉ còn là một tạng kinh hỗn tạp; một tạng giới không nêu rõ giới đức, giới hạnh, giới hành, còn tạng luận thì luận trên trời dưới đất khiến cho người tu tập chẳng biết đường, như lạc vào trong rừng sâu.

Nhìn lại giáo pháp Đại Thừa và Thiền Tông thì chúng ta phải giật mình và phải cúi đầu thán phục các bậc Tổ Sư Bà La Môn. Họ thật là khéo léo tuyệt vời, đưa giáo pháp của mình, biến thành giáo pháp của Đạo Phật mà tất cả vừa là cư sĩ, vừa là tu sĩ của Phật Giáo đều là những người có học thức, kể cả người có trình độ kiến thức Tiến sĩ, vậy mà không hề có một người nào hay biết. Mãi cho đến hôm nay, nếu chúng tôi tu tập không thực hiện được lời dạy của Đức Phật thì

muôn đời ngàn kiếp không còn ai vạch trần ra được cái sai này, cái khéo léo xảo trá rất tinh vi này, biến Đạo Phật thành đạo Bà La Môn mà không hề ai biết. Và lại, tín đồ Phật Giáo lại còn tiếp tay với Bà La Môn làm mất đường lối, chương trình giáo dục đào tạo tu học đạo đức chân chánh của Phật Giáo mà không ai để ý. Thật là đau lòng. Phải không các bạn?

Kính thưa các bạn! Pháp môn của Phật giúp cho mọi người tu tập giải thoát tuyệt vời như vậy. Thế mà bây giờ, nhìn lại tu sĩ Phật Giáo chẳng còn gì là tu sĩ Phật Giáo, chỉ là những tu sĩ Bà La Môn phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới. Nghĩ đến đây chúng tôi xúc động vô cùng, thương cảm người cha lành đã hy sinh cả cuộc đời mình, để lại cho đàn con những lời dạy tâm huyết. Thế mà bây giờ còn gì đâu! Biết làm sao hỡi các bạn!? Chỉ còn lại một mớ ngôn ngữ học danh học lợi ngoài đầu môi chót lưỡi để lừa đảo thiên hạ sống trên mồ hôi nước mắt của mọi người. Thật đáng trách phải không các bạn?

Khi Đức Phật tu tập xong và tìm thấy sự giải thoát thật sự, Ngài dùng những lời dạy và hành động (Quỳ xuống đánh lễ giáo pháp) hết sức chân thành và yêu thương loài người tận trong đáy lòng sâu thẳm: “TA HÃY CUNG KÍNH, ĐẢNH LỄ VÀ SỐNG Y CHỈ PHÁP ẤY”. Lời dạy này gây cho chúng ta một lòng tin sâu sắc; lời dạy này làm cho trái tim chúng tôi rung động trước lòng yêu thương vô bờ bến của đấng cha lành.

Hôm nay chúng tôi tu hành xong đọc lại những lời dạy này, chúng tôi xúc cảm không cầm được giọt nước mắt của mình. Vì nghĩ đến lòng thương yêu như trời biển của Đức Phật. Lòng yêu thương ấy không thể lấy gì mà so sánh được. Nhạc sĩ Y Vân so sánh lòng thương yêu của mẹ đối với con như biển Thái Bình: “Lòng mẹ thương con như biển Thái Bình rạt rào...”. Nhưng lòng thương chúng sanh của Đức Phật dù đem bốn biển so sánh cũng không sánh được.

Ngài cung kính, cúi đầu đánh lễ và sống y chỉ pháp ấy, khiến cho chúng ta không bao giờ quên được ơn nghĩa này. Không quên được ơn nghĩa này thì phải luôn luôn nhớ đến **“GIỚI, ĐỊNH, TUỆ”**.

Chỉ có “Giới, Định, Tuệ” mới giúp chúng ta làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi; chỉ có **“Giới, Định, Tuệ”** mới giúp cho chúng ta tu tập không còn sợ tu sai pháp, lạc vào tà pháp của ngoại đạo. Ngoài giới luật ra không còn giáo pháp nào dạy chúng ta tu hành giải thoát chân chánh nữa.

Hỡi các bạn! Các bạn nhớ ơn Phật thì các bạn hãy mạnh dạn chỉ thẳng những gì sai không đúng giáo pháp của Phật giáo; những gì không đúng giới luật của Phật để chấn chỉnh lại Phật Giáo thì đó là các bạn đã đền đáp ơn Phật.



TÂM KHÔNG PHÓNG DẬT

LỜI PHẬT DẠY

“Này các Thích tử, đâu phải là nửa tháng! Ở đây đệ tử của Ta trong 10 đêm 10 ngày, trong 9 đêm 9 ngày, trong 8 đêm 8 ngày, trong 7 đêm 7 ngày, trong 6 đêm 6 ngày, trong 5 đêm 5 ngày, trong 4 đêm 4 ngày, trong 3 đêm 3 ngày, trong 2 đêm 2 ngày, trong 1 đêm 1 ngày sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần như lời Ta dạy, vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống 100 năm, 1.000 năm, 100 trăm ngàn năm, được cảm thọ nhất hướng an lạc. Vị ấy có thể chứng được quả Nhất lai, quả Bất lai hay quả Dự lưu, không có sai chạy”.

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh trên đây đã xác định được tầm quan trọng của tâm không “phóng dật” như thế nào? Các bạn có biết chăng?

Nếu các bạn tu tập giữ gìn tâm không phóng dật, chỉ có một ngày, một đêm thôi, mà các bạn có thể sống 100 trăm ngàn năm được cảm thọ nhất hướng an lạc và các bạn chỉ còn có một kiếp này mà thôi (nhất lai), không còn trở lui kiếp làm người nữa.

Tâm không phóng dật là mục đích tối hậu của Phật Giáo trên đường tu tập giải thoát. Tâm không phóng dật là một trạng thái tâm bất động. Bất động không có nghĩa là ức chế tâm. Tâm bất động với phương pháp như lý tác ý xả tâm ly dục ly ác pháp. Tâm bất động với Chánh tư duy tìm đạo lý có những công đức gì thì nên che dấu, không được phô bày, nhưng có lỗi lầm nào thì nên phát lồ sám hối. Tâm bất động với phương pháp ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp. Tâm bất động với cuộc sống không làm các pháp ác, luôn làm các pháp thiện tức là sống đời sống không làm khổ mình khổ người, khổ chúng sanh.

Tu theo Phật Giáo chẳng có chi nhiều, chỉ có tâm bất động, tức là tâm không phóng dật như lời Phật đã dạy ở trên đây.

Đã có nhiều bài pháp nói về tâm không phóng dật, nhưng bài pháp này Đức Phật đã xác định cho chúng ta thấy rõ thời gian tu tập chỉ có một ngày một đêm tâm không phóng dật thì vị ấy có thể hưởng cảm thọ nhất hưởng lạc 100 trăm ngàn năm.

Sự lợi lạc lớn như vậy cho đời sống của chúng ta, có sao chúng ta không tu tập? Đời sống luôn luôn lúc nào cũng lo lắng, sợ hãi về đói khát, lạnh nóng; lúc nào cũng lo lắng sợ hãi về bệnh tật, khổ đau; lúc nào cũng lo lắng về sự vô thường sống chết.

Cuối đoạn kinh này Đức Phật đã kết luận bằng những câu hỏi: “Này các Thích tử, như vậy không được lợi ích cho các ông sao? Như vậy khó được lợi ích cho các ông sao? Vì rằng trong đời sống liên hệ đến sự sợ hãi về đau khổ, trong đời sống liên hệ đến sự sợ hãi về chết. Có khi nào các ông thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần?”

Thưa các bạn! Lời Phật dạy trên đây là nhắc các bạn. Đời đâu có gì là hạnh phúc, toàn là khổ đau. Phải không các bạn?

Vậy, sao các bạn không chịu tu tập mà còn ham chi thế tục. Đời có gì là hạnh phúc đâu mà bám lấy, không chịu bỏ xuống.

Chỉ có một đêm một ngày các bạn Thọ Bát Quan Trai giữ gìn tâm không phóng dật mà thọ hưởng hạnh phúc an lạc 100 trăm ngàn năm. Như vậy các bạn nghĩ sao? Chọn đời hay chọn đạo? Tu dễ hay tu khó các bạn ạ! Khó dễ là tại nơi tâm của các bạn, chứ con đường tu hành nào có khó dễ ở đâu? Chỉ có bền chí như người mài sắt thành kim “Chí công mài sắt có ngày nên kim”. Phải không hỡi các bạn?



TÂM KHÓ TRỊ

LỜI PHẬT DẠY

“Tâm phàm hay dao động

Khó chế, khó nhiếp phục

Kẻ trí khiến tâm chánh

Như thợ khéo nắm tên”. (Kinh Pháp Cú 33).

CHÚ GIẢI:

Tâm con người rất khó chế ngự, chế ngự tâm là một việc làm hết sức thiện xảo, phải biết rõ đặc tướng, hành tướng, nhân tướng của tâm mình, thì mới uốn nắn nó được. Cho nên, tất cả pháp môn của Đạo Phật là những phương pháp huấn luyện tâm, muốn huấn luyện tâm cũng giống như người huấn luyện voi, cạp, chó, ngựa, v.v...

Huấn luyện tâm thì chúng ta phải dùng ý thức. Ý thức tác ý để chế ngự, để nhiếp phục, để dụ dỗ và để dẫn dắt nó theo lộ trình thiện pháp. Tâm chúng ta như con trâu rừng hoang dã, rất khó trị. Như chúng ta cũng thấy, những nhà huấn luyện voi, cạp, chó, khỉ, vượn, heo, dê, ngựa, chim, v.v... làm xiếc. Loài vật hoang dã còn huấn luyện được hướng là tâm chúng ta. Phải không các bạn?

Đường đi không khó mà khó chỉ vì lòng người còn ham dục lạc thế gian, không bền chí.

Chúng ta nên đọc kỹ lại bài “Định Niệm Hơi Thở”, thì sẽ thấy đó là một phương pháp dẫn và dụ tâm.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại kinh Tứ Niệm Xứ, thì sẽ thấy đó là phương pháp vừa nhiếp phục vừa dụ tâm.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại kinh Thân Hành Niệm, thì sẽ thấy đó là phương pháp vừa tỉnh thức cũng vừa tạo lực tâm.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại bài kinh Song Tầm, thì sẽ thấy đó là phương pháp ngăn ngừa tâm ác.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại bài kinh An Trú Tầm, thì sẽ thấy đó là phương pháp đoạn diệt tâm ác.

Nếu chúng ta hiểu rõ mỗi pháp mà áp dụng mỗi tâm niệm thì kết quả ngay liền như Đức Phật đã nói: **“*Pháp Ta không có thời gian, đến để mà thấy ...*”**. Đúng vậy, chỉ có những người tu sai pháp tức là tu tập ức chế tâm thì không thấy mà thôi, hay tu tưởng thế giới siêu hình thì mới có thời gian vô lượng kiếp.



LỜI DẠY CẬN KẾ

LỜI PHẬT DẠY

- “1- Tất cả pháp lấy dục làm căn bản.*
- 2- Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi.*
- 3- Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi.*
- 4- Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ*
- 5- Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ.*
- 6- Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng.*
- 7- Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng.*
- 8- Tất cả pháp lấy giải thoát làm lối cây.*
- 9- Tất cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập.*
- 10- Tất cả pháp lấy Niết Bàn làm cứu cánh.”*

(Tăng Chi Kinh tập 4 trang 382).

CHÚ GIẢI:

Trước khi muốn hiểu đoạn kinh này thì chúng ta cần nên hiểu như thế nào cho đúng nghĩa lý của nó, để biết cách áp dụng vào cuộc sống hằng ngày thì mới mong thấy sự giải thoát. Nếu chúng ta không hiểu hoặc hiểu sai lệch thì sự tu tập của chúng ta không có kết quả mà còn tai hại cho sức khỏe.

- **Lời Phật dạy thứ nhất: “Tất cả pháp lấy dục làm căn bản”.** Muốn hiểu biết cho thấu đáo thì cần phải hiểu các từ trước tiên. Vậy tất cả pháp nghĩa là gì? Tất cả thì các bạn đều hiểu nghĩa rồi, còn danh từ pháp thì các bạn phải hiểu như sau đây: Pháp gồm có ba phần:

- 1/ Về vật chất
- 2/ Về tinh thần
- 3/ Về cảm thọ

Về vật chất chỉ cho vạn hữu; về tinh thần chỉ cho tâm niệm; về các cảm thọ chỉ cho sự đau khổ của thân.

Trong đoạn kinh này Đức Phật đã xác định các pháp lấy gì làm gốc? Và biết gốc của các pháp để làm gì?

Như câu thứ nhất Phật dạy: **“Tất cả pháp lấy dục làm căn bản”**. Vậy dục và căn bản là gì? Dục là lòng ham muốn, sự ham muốn; căn bản là gốc rễ, cội nguồn. Giải nghĩa chung của cụm từ ngữ này là: Tất cả các pháp đều do gốc ham muốn sinh ra.

Chân lý Đạo Phật đã xác định và thẩm nhuần lý “dục” này (Tập Đề) nên Ngài chủ trương ly dục, diệt dục. Vì dục là nguyên nhân sanh ra muôn thứ khổ đau trong cuộc đời này hay nói cách khác là nơi tập hợp mọi sự khổ đau.

Chữ pháp ở đây nghĩa quá rộng rãi, nên các bạn nghi ngờ và tự hỏi: **“Gốc cây kia cũng có dục nữa sao?”**

Hỏi như vậy, các bạn đã lầm, chỉ biết có loài động vật là có dục, còn loài thảo mộc là không dục. Loài thảo mộc vẫn có dục như loài động vật vậy. Các bạn có thấy một cây to lớn tàn lá che phủ cây nhỏ không? Cây nhỏ nghiêng mình tránh tàn cây lớn. Đó không phải là dục sao? Đổ một đồng phân gần gốc cây, bao nhiêu rễ đều hướng về đồng phân, như vậy cây cũng có dục chứ! Vì thế Đức Phật nói: **“Tất cả pháp lấy dục làm căn bản”**.

Vì vậy, nghĩa chữ Pháp rất rộng rãi, mênh mông, vô cùng, vô tận, nó chỉ cho vạn hữu và mọi sự việc, mọi tâm niệm đã khởi, mọi cảm thọ đang xảy ra trong đời sống hằng ngày của các bạn như trên đã nói. Bạn có biết chăng?

Tất cả pháp ở đây còn có nghĩa là tâm niệm, là các cảm thọ, là các pháp trần của bạn, mỗi tâm niệm của bạn dù thiện hay ác khởi lên đều do dục cả. Vì vậy, Đức Phật xác định: “Tất cả pháp lấy dục làm căn bản”. Thấu hiểu nghĩa như vậy, nên lúc tu tập Tứ Niệm Xứ giai đoạn đầu, khi có một niệm khởi thì chúng ta dùng Chánh Tư Duy quán xét niệm ấy tận cùng và biết ngay niệm ấy sinh ra đều do gốc dục. Mục đích tư duy quán sát là để không làm theo dục. Không làm theo dục, tức là ly dục.

Thưa các bạn! Như các bạn đã biết “dục” là nguyên nhân sinh ra muôn thứ đau khổ (Tập Đề). Vì thế, khi có một niệm khởi lên trong tâm là mau mau quán sát tư duy đuổi ra cho khỏi tâm, nói cách khác là không làm theo tâm dục là ly dục.

Các bạn nên lưu ý: Chỉ có tâm thanh thản, an lạc và vô sự, hay nói cách khác là tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là tâm không có dục, ngoài ra tất cả mọi pháp nào dù thiện hữu lậu hay ác đều do gốc dục sinh ra cả. Cho nên người tu sĩ và người cư sĩ lúc nào cũng cần đề cao cảnh giác từng niệm, cũng như lúc tâm không niệm, vì tâm không niệm nhưng thân lại có niệm. Vậy niệm của thân là gì?

Như đã nói ở trên: đau nhức, ngứa ngáy, mệt mỏi, tức lói, v.v... là niệm của thân các bạn ạ! Những pháp này xảy ra trên thân cũng đều do gốc dục cả. Khi thân bị đau nhức thì các bạn đừng sợ hãi. Bởi vì Đức Phật bảo: “Tất cả các cảm thọ đều vô thường, vô ngã, không phải là ta, không phải của ta.” Vậy cảm thọ không phải là ta, là của ta, tính chất của nó vô thường vô ngã thì ta sợ gì. Phải không hỡi các bạn?

Khi chúng ta biết rõ được gốc của các pháp là dục, nhưng gốc dục không phải là ta, là của ta thì ta làm gì mà sợ hãi, mặc kệ nó, nó có làm gì được ta đâu mà sợ. Vì ta với nó là hai kẻ xa lạ. Khi hiểu rõ được gốc dục như vậy thì tất cả sự đau khổ trong ta đều được hóa giải khiến cho ta hoàn toàn sống an vui và hạnh phúc. Vậy, biết gốc của các pháp thì đỡ chúng ta biết mấy. Nhưng chúng ta cũng phải biết cách đuổi các pháp ác đó đi để thân tâm chúng ta lúc nào cũng được an vui thanh thản. Vậy đuổi nó bằng cách nào đây?

Chúng ta chỉ cần tác ý: “Tâm thanh thản an lạc và vô sự, đừng sợ cảm thọ, nó không phải là ta, của ta, nó là người xa lạ hãy đi, đi! Không được ở trong thân ta” hoặc ta tác ý như sau: “An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra” hoặc “Thọ phải đi, đi! Thân phải an tịnh. Tôi biết tôi đang đi kinh hành”.

Các bạn cứ nhớ kỹ, luôn bám cho thật chặt vào hơi thở hoặc thân hành ngoại thì cảm thọ sẽ đi mất. Cảm thọ đi mất tức là dục đi mất. Cảm thọ dục ở chỗ nào? Dục ở chỗ đau gọi là dục đau. Cho nên hết dục là hết đau, tức là lìa gốc dục của các pháp. Cho nên **“Tất cả pháp lấy dục làm căn bản”**.

- **Lời Phật dạy thứ hai: “Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi”**. Trong lời dạy này chúng ta có cơ sở để hiểu biết danh từ tất cả pháp là nghĩa gì? Ở đây Đức Phật đã dạy tất cả pháp là tâm niệm của chúng ta. Tại sao chúng ta lại biết chắc như vậy?

Bởi vì, trong lời dạy thứ hai Đức Phật đã xác định rõ ràng: “Tác ý làm sanh khởi”. Tác ý là pháp thuộc về ý thức. Pháp thuộc về ý thức, tức là tâm niệm, ý niệm. Mỗi niệm trong tâm là mỗi pháp. Cho nên mỗi niệm trong tâm đều lấy tác ý làm sanh khởi. Tác ý có hai cách:

Tác ý sinh khởi ác pháp

Tác ý sinh khởi thiện pháp

Tác ý sinh khởi ác pháp là tác ý dục tham, dục sân, dục si...

Tác ý sinh khởi thiện pháp là tác ý ly dục tham, ly dục sân, ly dục si...

Cho nên, người tu hành theo Phật Giáo để cầu sự giải thoát thì không bao giờ tác ý dục tham, dục sân, dục si... Đây là những pháp đau khổ, là con đường dẫn đến khổ đau, là con đường đưa đến địa ngục. Do đó người tu hành cần phải ngăn chặn và chấm dứt con đường này, chỉ tác ý ly dục tham, ly dục sân, ly dục si... Đây là pháp thiện, là pháp chấm dứt sự đau khổ, đây là con đường giải thoát chân chánh của Phật Giáo. Các bạn cứ suy ngẫm, có đúng như vậy không?

Bởi vì, tác ý mà khổ đau sinh khởi đến với chúng ta và cũng do tác ý mà hạnh phúc, an vui, vĩnh cửu đến với chúng ta. Thế chỉ có một pháp tác ý mà sinh khởi hai góc độ như vậy thì chúng ta hãy chọn góc độ nào để tác ý đem đến sự an lạc, yên vui. Phải không các bạn?

Hay nói cách khác theo kinh Pháp Cú:

“Tâm dẫn đầu mọi pháp Tâm chủ, tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư ô nhiễm Khổ não sẽ theo ta

Như xe theo vật kéo”.

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư thanh tịnh

Hạnh phúc sẽ theo ta

Như bóng không rời hình”. (Kinh Pháp Cú).

Từ một câu kinh ngắn gọn “Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi”. Biến thành một pháp tu tập tuyệt vời mà kết quả giải thoát thật sự, như lời Đức Phật đã nói: **“Pháp Ta không có thời gian đến để mà thấy...”**

Cho nên người tu hành mà không hiểu nghĩa lý kinh, không thông pháp tu hành thì cũng giống như người mù dò gậy mà đi đường. Nếu thông được pháp như lý tác ý thì các bạn đã chủ động được thân tâm mình, dẫn nó vào sự an ổn và hạnh phúc thì cuộc sống là Thiên Đàng.

Con đường tu hành theo Phật Giáo, hạnh phúc giải thoát là như vậy, các bạn còn mong cầu gì hơn nữa. Phải không hỡi các bạn?

Lời Phật dạy thứ ba: “Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi”. Trước khi muốn hiểu lời dạy này thì chúng ta phải hiểu nghĩa của các từ. Vậy nghĩa “tất cả pháp” và “xúc” là gì?

Tất cả pháp ở đây có nghĩa là sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chứ không phải tâm niệm như nghĩa ở trên. Cùng một từ giống nhau mà khi dùng chỗ này thì nghĩa như thế này, nhưng khi dùng chỗ khác thì nghĩa lại khác. Cho nên đối với Phật pháp có thực hành đến nơi đến chốn mới hiểu rõ nghĩa. Còn thực hành chưa đến nơi đến chốn cũng như các học giả mà hiểu kinh sách Phật thì làm sao hiểu đúng cho được. Phải không hỡi các bạn?

Vì thế, hầu hết kinh sách hiện giờ Đại Thừa là kinh sách kiến giải của các Tổ tu hành chưa đúng với pháp môn của Phật, nên lý luận tương.

Sáu trần này xúc chạm với sáu căn sinh ra các cảm thọ; các cảm thọ sinh ra ái dục. Do ái dục con người mới sinh ra dính mắc, do sự dính mắc các pháp trần nên con người mới chịu nhiều cay đắng, phiền não, đau khổ và tật bệnh, v.v...

Bởi ái dục không phải tự nó có mà do sáu căn, sáu trần xúc chạm vào nhau sinh ra cảm thọ, do cảm thọ mới có ái. Do biết những điều này nên người tu theo Phật Giáo phải ly dục ly ác pháp. Nếu muốn ly dục ly ác pháp mà không phòng hộ sáu căn, cứ mãi để tiếp xúc sáu trần thì người ấy có tu muôn ngàn kiếp cũng chẳng ly dục ly ác pháp được, bởi **“Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi”**. Do gốc này sinh ra dục, mà không sống độc cư thì có tu tập pháp gì cũng phí công vô ích mà thôi, bởi vì chính độc cư là pháp phòng hộ sáu căn.

Có nhiều bạn đã về tu tập tại tu viện Chơn Như, vì không giữ gìn hạnh độc cư này, nên tu hành chẳng ra gì, khi ra khỏi tu viện không thấy lỗi mình lại nói xấu,

nói lỗi của tu viện, tạo ra ác nghiệp. Những người này đã tự làm mất duyên tu hành giải thoát, chỉ còn khoác lác vọng ngữ để rồi họ sẽ gặt lấy những nghiệp quả ghê gớm trong những ngày tháng còn lại của những người vong ân, bội nghĩa.

Lời Phật dạy thứ tư: “Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ”. Nói đến chỗ quy tụ tập hợp của các pháp là cảm thọ. Cảm thọ gồm có ba phần:

Thọ lạc

Thọ khổ

Thọ bất lạc, bất khổ.

“Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ”. Dù tham, sân, si, ngã, vô ngã hay nhân quả... đều lấy thọ làm chỗ quy tụ. Muốn cho các pháp không còn quy tụ thì phải ngăn ngừa không cho sáu trần xúc chạm với sáu căn. Và nếu giữ gìn không kỹ lưỡng lỡ sáu trần xúc chạm với sáu căn sinh ra các cảm thọ thì chúng ta cố gắng giữ tâm không hề dao động trước ba cảm thọ. Do biết ngăn ngừa và giữ gìn tâm như vậy thì đó là tu tập ly dục ly ác pháp. Tu tập ly dục ly ác pháp tức tu tập thiền của Phật Giáo (Ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền do ly dục sinh hỷ lạc). Thiền của Phật Giáo tu tập như vậy thế mà có những pháp tu tập thiền ngồi như con cóc, lại có những pháp tu tập thiền tưởng, ngồi tư tư tưởng tưởng thế giới siêu hình... mà cũng mạo nhận pháp thiền của Phật.

Còn ở đây, cần biết chỗ quy tụ của các pháp để ngăn và diệt, nên lời dạy này khiến cho chúng ta rõ cội nguồn quy tụ của các pháp. Nhờ biết rõ như vậy, nên thân tâm chẳng hề dao động trước các ác pháp và các cảm thọ. Nếu thân tâm không hề dao động sợ hãi là đã đạt được mục đích giải thoát của Phật Giáo, chứ đâu phải cần nhập định này, định nọ để làm gì và đôi khi tu sai lệch ức chế tâm còn bị bệnh tật và rối loạn thần kinh trở thành điên khùng.

Thưa các bạn! Trên đường tu tập theo Phật giáo các bạn nên nhớ câu này: “Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ”, đừng quên các bạn nhé! Nó là pháp môn tu hành ngăn ác diệt ác tuyệt vờ.

- **Lời Phật dạy thứ năm: “Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ”.** Ở đây chúng ta phải hiểu những danh từ này. Vậy định nghĩa là gì?

Định, nghĩa là tâm thanh tịnh, tâm ly dục, ly ác pháp; định là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ; định là tâm không tham, sân, si, mạn, nghi;

định là tâm thanh thản, an lạc và vô sự; định là tâm không phóng dật. Các bạn nên lưu ý Định của Phật Giáo không giống Định của ngoại đạo. Định của ngoại đạo cho tâm không vọng tưởng là định.

Thượng Thủ nghĩa là gì? Nghĩa là đứng đầu. Nghĩa chung của câu này là tất cả pháp lấy tâm không phóng dật làm pháp đứng đầu. Nói cách khác cho dễ hiểu hơn: Tâm không phóng dật là pháp đứng đầu trong mọi pháp.

Đến đây chúng ta đã hiểu pháp mà chúng ta cần tu cho đạt được là pháp tâm không phóng dật. Vậy, các bạn tu như thế nào để tâm không phóng dật?

Xin các bạn lưu ý điều này: Tâm không phóng dật không phải là tâm chẳng niệm thiện, niệm ác. Tâm không phóng dật là tâm do ly dục, ly bất thiện pháp, tức là tâm lìa tham, sân, si, mạn nghi. Biết lấy tâm không phóng dật làm mục đích để nhắm đến cứu kính Niết Bàn, thì sự tu tập mới thấy kết quả giải thoát khả quan.

Các bạn nên luôn nhớ câu này: **“Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ”**. Dù các bạn tu hành pháp môn nào cũng phải nhớ pháp đứng đầu trong các pháp là tâm không phóng dật.

Lời Phật dạy thứ sáu: “Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng”. Muốn hiểu nghĩa của lời dạy này thì chúng ta phải hiểu danh từ niệm nghĩa là gì? Tăng thượng nghĩa là gì?

Niệm là ý niệm; Tăng là giới luật; thượng là thanh tịnh. Trong Đạo Phật nói đến Tăng là nói đến giới luật. Tăng Thượng là giới luật nghiêm chỉnh. Cho nên nghĩa chung của lời dạy này: “Tất cả pháp lấy ý niệm sống đúng giới luật không hề vi phạm”.

Người mới vào tu theo Phật Giáo thì phải được học và tu tập pháp môn thứ nhất đó là pháp Tăng Thượng tâm tức là lấy ý thức tu tập Giới Luật.

Bây giờ các bạn đã hiểu lời dạy này: **“Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng”**. Khi mới vào tu tập theo giáo pháp của Đức Phật là lấy ý thức (niệm) tu tập. Bởi vì ý thức là pháp dẫn đầu ly dục ly ác pháp. Do ly dục ly ác pháp mà giới luật được nghiêm chỉnh. Giới luật là thiện pháp; Giới luật là Thánh hạnh (hạnh không làm khổ mình khổ người). Kinh Pháp Cú có bài kệ xác định được việc tu hành tác ý này:

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ, tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư ô nhiễm

Khổ não sẽ theo ta

Như xe theo vật kéo”.

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư thanh tịnh

Hạnh phúc sẽ theo ta

Như bóng không rời hình”.

- Lời dạy thứ bảy của Đức Phật: “Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng”.

Trước khi muốn hiểu nghĩa câu này thì chúng ta phải hiểu từng danh từ của nó. Vậy Tuệ và Tối Thượng nghĩa là gì?

Tuệ là trí tuệ Tam Minh. Trí tuệ Tam Minh là một trí tuệ hiểu biết, siêu không gian và thời gian. Tối Thượng là cao thượng nhất. Nghĩa của toàn câu này là tất cả pháp lấy trí tuệ Tam Minh làm pháp cao thượng nhất, không có pháp nào cao hơn được. Qua lời dạy trên đây, người tu hành theo Phật Giáo phải đạt cho được trí tuệ Tam Minh để thực hiện Lộ Tận Minh thì chấm dứt luân hồi, do đó chúng ta phải hiểu Tam Minh là pháp tối thượng trong Phật Giáo.

Trong Phật Giáo ai cũng biết có ba cấp tu học: Giới, Định, Tuệ. Tuệ là cấp tu học vô lậu thứ ba, sau cùng của Phật Giáo, cho nên Đức Phật dạy: “Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng”. Đúng vậy, tất cả pháp chỉ có lấy tuệ làm pháp tối thượng giải thoát duy nhất.

Xin các bạn lưu ý: Đạo Phật là đạo giác ngộ. Vậy cái gì giác ngộ và giác ngộ cái gì?

Xin trả lời các bạn câu hỏi thứ nhất: Đó là trí tuệ. Nhưng trí tuệ từ đâu có?

Thưa các bạn, mọi vật sinh ra đều có trí tuệ, nhưng trí tuệ ấy còn hạn hẹp trong mỗi lốt nghiệp của vạn vật ấy. Trí tuệ ấy được nâng cấp lên theo từng thân

ngiệp của chúng. Trí tuệ ấy được phát triển từ học hỏi, từ tu tập mà có, nhưng các bạn phải hiểu trí tuệ là gì?

Trí tuệ là sự hiểu biết.

Như trên đã nói: **“Mọi vật sinh ra đều có trí tuệ”**. Vậy, rong rêu, cây cỏ có trí tuệ hay không?

Thưa các bạn! Cây cỏ, rong rêu đều có trí tuệ, nhưng làm sao chúng ta biết có trí tuệ?

Cây cỏ cần cỗi, héo úa, tàn phai khi khô nước, thiếu phân; cây cỏ biết tìm ánh sáng mặt trời để sống. Phải không hỡi các bạn?

Còn loài động vật thì chúng ta khỏi nói, vì chúng đều có trí tuệ cả. Nhưng trí tuệ có nhiều cấp bậc tùy thuộc vào nghiệp của mọi loài, mọi đặc tướng, mọi nhân tướng, mọi hành tướng.

- Trí tuệ gồm có bảy: Trí tuệ do ý thức Trí tuệ do tưởng thức Trí tuệ do tâm thức Trí tuệ vô học

Trí tuệ hữu học Trí tuệ thiện Trí tuệ ác

- Tuệ gồm có sáu: Đức tuệ Hạnh tuệ Trục tuệ Thắng tuệ Liễu tuệ Liệt tuệ Trí tuệ và Tuệ cộng lại là 13 tuệ, như vậy một người không tu hành chỉ có sáu Trí tuệ và một Tuệ còn người tu hành chứng đạo mới có đủ 13 tuệ.

1- Trí tuệ do ý thức là gì? Trí tuệ do ý thức là tri kiến, tri kiến là sự hiểu biết của ý thức. Ý thức là một trong nhóm sáu thức: Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của sắc uẩn.

2- Trí tuệ do tưởng thức là gì? Trí tuệ do tưởng thức là tưởng kiến, tưởng kiến là sự hiểu biết của tưởng thức. Tưởng thức là sự hiểu biết của tưởng uẩn (sự hiểu biết trong chiêm bao).

3- Trí tuệ do tâm thức là gì? Trí tuệ do tâm thức là sự hiểu biết của thức uẩn, sự hiểu biết của thức uẩn tức là trí tuệ Tam Minh. Trí tuệ Tam Minh là trí tuệ phi không gian và thời gian, còn gọi là trí tuệ vô lậu, Trí tuệ vô lậu là trí tuệ của bậc đã chứng quả A La Hán, gọi tắt là trí tuệ A La Hán.

4- Trí tuệ vô học là gì? Trí tuệ vô học là ý thức hiểu biết không cần vay mượn những sự hiểu biết của người khác như học tập trong sách vở, kinh tạng, v.v... Nói trí tuệ vô học chứ kỳ thật trí tuệ đó thường bắt chước sự hiểu biết của người

khác. Ví dụ: một đứa bé từ lúc sinh ra cho đến lớn khôn bắt đầu đều phải tập trườn, bò, tập đi, tập ăn, tập nói, tập hiểu biết, v.v... Đó là đều vay mượn của người khác cả. Những người tuy không học thức nhưng vẫn là những người có trí tuệ vay mượn, vay mượn ít, còn những người có học thức là những người vay mượn nhiều.

Kinh sách Phật Giáo Nguyên Thủy xác định trí tuệ vô học là chỉ cho sự hiểu biết của những người phàm phu ngu si, dốt nát, vô học, luôn sống trong vô minh với ác pháp, thường làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

Trí tuệ vô học chính là tri kiến của ý thức. Tri kiến của ý thức bị hạn cuộc trong không gian và thời gian nên sự hiểu biết không thấu suốt vũ trụ và vạn vật như thật nên thường sống trong sự hiểu biết của tưởng. Vì thế, kinh sách của loài người để lại như rừng, như biển, nhưng phần nhiều chỉ là nhai lại những ý tưởng tượng của nhau bằng những ảo ảnh, trừu tượng, mơ hồ, v.v... nên thiếu giá trị chân thật, không thực tế của kiếp sống con người. Còn lại, một vài tư tưởng thực tế có giá trị đạo đức cao đẹp của loài người là do ý thức của họ quan sát thấu triệt được nền đạo đức môi trường sống mà biên soạn ra. Những tư tưởng thực tế có giá trị đạo đức cao đẹp ấy khi đưa ra và áp dụng vào cuộc sống của loài người thì bị các giai cấp thống trị bóp méo. Bởi vậy kinh sách thì nhiều, nhưng tìm một cuốn kinh hay, một cuốn sách có giá trị đạo đức chân thật thì không phải dễ tìm. Phải không các bạn?

Theo kinh sách phát triển Đại Thừa và Thiền Đông Độ thì trí tuệ vô học tức là trí tuệ vô sư. Trí tuệ vô sư do tu thiền định ức chế tâm mà có. ***Nhưng không ngờ trí tuệ vô sư là trí tuệ tưởng, cho nên kinh sách Đại Thừa và những công án Thiền Tông đều do trí tuệ tưởng sản xuất, vì thế thiếu chân thật và chính xác, thường đưa dắt con người vào thế giới ảo tưởng.***

Trí tuệ vô sư là trí tuệ không có thầy dạy, trí tuệ do tự mình hiểu biết. Những công án của Thiền Tông ra đời là nhằm mục đích trắc nghiệm trí vô sư của đệ tử, nhưng kỳ thực đó là một lối hướng dẫn đệ tử triển khai tưởng tuệ bằng một công thức có bài bản của hệ phái này. Cho nên các hệ phái này Đại Thừa và Thiền Tông chưa có đem lại lợi ích thiết thực cho cuộc sống con người, mà chỉ đem lại một cuộc sống vào trong tinh thần ảo tưởng (Phật Tánh).

5- Trí tuệ hữu học là trí tuệ do học tập và tu hành. Trí tuệ hữu học là ý thức được huân tu, huân học có thầy dạy, có kinh sách, có pháp môn tu hành, có bạn đồng tu, có thiện tri thức hướng dẫn.

Trí tuệ hữu học được hướng dẫn đúng theo giáo pháp Nguyên Thủy của Phật Giáo thì trí tuệ ấy trở thành một sự hiểu biết sống động, có đạo đức nhân bản - nhân quả, không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Trí tuệ hữu học ấy còn gọi là tri kiến giải thoát của Phật Giáo. Trí tuệ ấy do tu tập Định Vô Lậu mà phát triển. Định Vô Lậu còn được xem là tri kiến giải thoát. Hay nói một cách khác là trí tuệ hữu học.

6- Trí tuệ thiện là sự hiểu biết về thiện pháp, trí tuệ không làm khổ mình khổ người, khổ chúng sanh; trí tuệ thiện là tâm ly dục ly ác pháp, là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, là tâm thanh thản an lạc và vô sự; trí tuệ thiện là chánh tư duy, là Định Vô Lậu; trí tuệ thiện là giới luật, là Phạm hạnh của người tu sĩ Phật Giáo.

7- Trí tuệ ác là sự hiểu biết về ác pháp; trí tuệ ác làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh; trí tuệ ác là tâm tham, sân, si, mạn, nghi, v.v... Trí tuệ ác là tâm dao động trước các pháp ác và các cảm thọ; trí tuệ ác là tâm không ly dục ly ác pháp; trí tuệ ác là trí tuệ của những người phạm phu tục tử, hèn nhát, tham sống, sợ chết, tham danh, đắm lợi, vào luồn ra cúi, nịnh bợ, a dua, v.v...

8- Đức tuệ là trí tuệ đạo đức, trí tuệ biết thương mình thương người; đức tuệ là tâm từ của Tứ Vô Lượng Tâm.

9- Hạnh tuệ là trí tuệ đức hạnh, trí tuệ biến ra hành động không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh; Hạnh tuệ là tâm bi của Tứ Vô Lượng Tâm.

10- Trục tuệ là trí tuệ ngay thẳng, dám ăn dám nói những cái sai của người khác. Trong thời phong kiến các quan Gián Nghị Đại Phu là những vị quan can ngăn nhà vua. Những người làm chức vụ này phải thẳng thắn gan dạ dám nói những điều nhà vua làm sai. Những người dám ăn dám nói như vậy là những người có Trục tuệ.

Về tôn giáo, ngày xưa Đức Thích Ca Mâu Ni dám nói thẳng cái sai trong giáo lý của Bà La Môn và dựng lại những cái đúng, cái thiện giúp cho loài người thoát ra khỏi tinh thần tư tưởng mê tín lạc hậu. (Ngày nay Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc cũng vậy – Cũng truân chuyên với khối Đại Thừa trù dập Ngài – Lời người

Lục). Phật là Người đầu tiên xây dựng nền đạo đức nhân bản - nhân quả cho loài người, mặc dù chưa được triển khai trọn vẹn và đầy đủ. Ngài để lại cho loài người bốn chân lý bất di bất dịch thực tế và cụ thể mà muôn đời sau không ai thay đổi được dù một chút xíu như hạt bụi. Ngài dám nói thẳng cái sai trong giáo lý của Bà La Môn là vì tâm đại từ bi đối với chúng sanh, đối với loài người. Cũng vì thế mà trên đường hành đạo Ngài phải chịu nhiều gian nan, vất vả. Người ta mắng chửi, vu oan Ngài với phụ nữ, xô đá, cho voi say giết Ngài. Ngày nay, giáo lý Ngài còn lưu lại cho hậu thế là một công ơn rất lớn của Ngài.

Hôm nay, vì lòng thương tưởng tín đồ Phật Giáo, nên chúng tôi chẳng ngại hiểm nguy trước một thế lực vĩ đại so với mình như hạt cát giữa sa mạc. Dám nói thẳng sự thật những cái sai của kinh sách phát triển Đại Thừa, Thiền Đông Độ và những cái sai của các hệ phái khác nhau trong Phật Giáo hiện thời để giúp cho tín đồ Phật Giáo sáng suốt nhận định đâu là Chánh pháp, đâu là Tà pháp, đâu là Chánh tín, đâu là Mê tín, đâu là Chánh kiến, đâu là Tà kiến; đâu là Chánh tư duy, đâu là Tà tư duy. Và như vậy để khai hoang trục lộ Bát Chánh Đạo, giúp cho mọi người tu theo Phật Giáo không còn đi sai đường lạc lối nữa.

Đức Phật ngày xưa và ngày nay chúng tôi nói thẳng, chỉ thẳng, v.v... Đó là Trục tuệ.

11- Thắng tuệ là trí tuệ chiến thắng mọi ác pháp. Ví dụ: Người ta hay mạ nhục, chửi mắng mình, mà mình nghe, thấy, biết rõ ràng, nhưng tâm không hề có chút giận hờn. Nghe, thấy, biết mà không khởi tâm giận hờn, phiền não, đó là Thắng tuệ. Thắng tuệ tức là trí kiến giải thoát do sự tu tập Định Vô Lậu mà có.

12- Liễu tuệ là trí tuệ thấy, hiểu, biết mọi pháp như thật. ***Liễu tuệ còn gọi là trí tuệ Tam Minh.***

13 Liệt tuệ là trí tuệ yếu đuối không hoạt động, không làm việc, không chịu tư duy, suy nghĩ, trí tuệ mệt mỏi, lười biếng, uể oải, v.v... Liệt tuệ là một trí tuệ không có sức đề kháng, là một trí tuệ nhu nhược hèn nhát, yếu mềm; liệt tuệ là trí tuệ tiêu cực, yếm thế đầu hàng mọi ác pháp. Người có liệt tuệ không bao giờ tu theo Phật Giáo được. Vì Phật Giáo là một tôn giáo tự lực nên không có ai giúp đỡ mình mà phải chính mình vươn lên.

- Lời dạy thứ tám của Đức Phật: “Tất cả pháp lầy giải thoát làm lõi cây”. Đúng vậy, mục đích tu theo Phật Giáo là thân tâm phải được giải thoát. Giải thoát

có nghĩa là phải hết tâm tham, sân, si, mạn, nghi, v.v... Giải thoát là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ.

Lời dạy này, các bạn nên lưu ý: Bất cứ pháp nào xâm nhập vào thân tâm của chúng ta, chúng ta đều lấy sự giải thoát để giữ vững thân tâm hoàn toàn bất động. Không nên để tâm bị chúng xâm phạm, vì chúng xâm phạm sẽ cướp mất quyền làm chủ sanh, già, bệnh, chết và luân hồi của chúng ta.

Cho nên, ở đây Đức Phật bảo: **“lấy giải thoát làm lõi cây”**. Lõi cây là những thớ cây kết tinh cứng rắn nhất của một cái cây để cây có một giá trị tốt nhất. Còn ở đây chúng ta lấy sự giải thoát làm năng lực kết tinh cứng rắn nhất của thân tâm, để các ác pháp không làm động thân tâm chúng ta được.

Xin các bạn nên ghi nhớ mãi mãi lời dạy này: **“Tất cả pháp lấy giải thoát làm lõi cây”**. Nhờ đó mà thân tâm các bạn sẽ không bao giờ dao động, luôn luôn thân tâm các bạn thanh thản, an lạc và vô sự.

- **Lời dạy thứ chín của Đức Phật:** “Tất cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập”. Vậy, nghĩa của những từ bất tử và thể nhập như thế nào?

Bất tử nghĩa là không chết; thể nhập nghĩa là nhập vào trạng thái bất di bất dịch. Nghĩa chung của nhóm từ này là tất cả các pháp lấy chỗ không chết vào nơi bất di bất dịch hay nói cách khác cho dễ hiểu hơn là các pháp lấy chỗ bất tử làm chỗ vào vĩnh cửu.

Thưa các bạn! Chỗ bất tử là tâm bất động, cho nên trong Phật giáo có những danh từ để chỉ cho chúng ta thấu rõ nghĩa này: Bất tử tâm hay bất động tâm đều có một nghĩa như nhau. Những trạng thái tâm này được gọi tên theo thiên định là Bất Động Tâm Định hay Bất Tử Tâm Định.

Nếu hằng ngày chúng ta tu tập giữ gìn được tâm bất tử này, đừng cho mất thì chúng ta sẽ ngay đó tìm thấy một trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự rất rõ ràng. Vì thế Đức Phật dạy chúng ta nên sử dụng: “Tất cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập”. Đúng vậy, các bạn nên lưu ý và tu tập theo lời dạy này thì kết quả giải thoát ngay liền không phải chờ đợi nhiều đời, nhiều kiếp như kinh sách Đại Thừa dạy.

Lời dạy thứ mười của Đức Phật: “Tất cả pháp lấy Niết Bàn làm cứu cánh”. Trước khi muốn hiểu nghĩa của lời dạy này, thì chúng ta phải hiểu nghĩa của những danh từ. Vậy Niết Bàn và Cứu Cánh nghĩa là gì?

Thưa các bạn! Các bạn đừng theo nghĩa kinh sách của các nhà học giả Đại Thừa và Thiên Tông mà hiểu nghĩa Niết Bàn là cảnh giới siêu hình thì không đúng các bạn ạ!

Niết Bàn là trạng thái vô lậu; Niết Bàn là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ; Niết Bàn là tâm thanh thản an lạc và vô sự; Niết Bàn là trạng thái tâm không còn một tí gì tham, sân, si, mạn, nghi.

Còn nghĩa Cứu cánh là nơi tốt cùng của sự giải thoát, không còn có một nơi nào hơn được.

Nghĩa chung của câu dạy này là “Tất cả pháp lấy tâm bất động làm nơi tốt cùng của sự giải thoát”.

Thưa các bạn! Chúng ta tu theo Phật Giáo, mục đích chúng ta phải đạt là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Chúng ta không cầu làm Phật, không cầu kiến tánh, không cầu Cực Lạc, Niết Bàn, không cầu thần thông pháp thuật, không cầu ngồi thiền nhập định bảy, tám ngày hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng, một năm, hai năm, ba năm hoặc để lại nhục thân, v.v...

Vì thế các bạn nên nhớ lấy lời dạy này: “Tất cả pháp lấy Niết Bàn làm cứu cánh”. Đó là sự rất ráo tận cùng của Đạo Phật, nhưng phải thông hiểu nghĩa Niết Bàn và Cứu Cánh như thế nào để biết mà giữ gìn tu tập và sống cho đúng nghĩa của nó thì ước vọng của các bạn sẽ thành hiện thực trong đời nay. Thân ái chào các bạn.



NHÌN LỖI MÌNH

LỜI PHẬT DẠY

“Không nên nhìn lỗi người

Người làm hay không làm

Nên tự nhìn thân ta

Có làm hay không làm”. (Kinh Pháp Cú.)

CHÚ GIẢI:

Lời nhắc nhở khuyên nhủ trên đây của Đức Phật, nhằm giúp chúng ta khi tu hành không nên nhìn ra ngoài, mà hãy nhìn vào trong ta, kiểm điểm lại ta, quan

sát lại ta, tư duy về ta... để tìm ra những lỗi lầm của mình, nhờ có thấy được lỗi lầm, ta mới cố gắng khắc phục làm không cho phạm phải những lỗi lầm đó nữa.

Nếu hằng ngày chuyên cần làm những công việc này, tức là ngăn ác và diệt ác pháp thì tâm ta không còn lỗi lầm. Tâm không còn lỗi lầm là tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Tâm thanh thản, an lạc và vô sự là tâm vô lậu, là tâm hết khổ đau.

Lời khuyên: **“Không nên nhìn lỗi người”**. Biết lỗi người thì tâm ta sinh ra đau khổ. Thường ở đời, người ta đều thấy lỗi người, chứ ít ai thấy lỗi mình, do đó tâm nhiều đau khổ, vì vậy Đức Phật khuyên dạy: **“Không nên nhìn lỗi người”**.

Người làm ác làm thiện ta không nên lưu ý đến, họ làm ác thì họ phải chịu mọi sự khổ đau, chứ ta cũng không chịu thể cho họ được, vì vậy ta không lưu ý đến mọi việc của người khác như lời khuyên này: **“Người làm hay không làm”** ta không cần biết đến, chỉ **“Nên tự nhìn thân ta”** xem xét lại ta, coi ta có tạo nên lỗi lầm gì không? Nếu có làm lỗi thì cố gắng khắc phục, đừng để vi phạm những lỗi lầm đó nữa.

Bốn câu kệ trên đây là dạy chúng ta tu tập Tứ Chánh Cần, các bạn có lưu ý điều này chăng?

Đạo Phật tu tập rất nhẹ nhàng không có ức chế tâm chút nào cả. Phải không các bạn? Tu tập như ngồi chơi mà giải thoát thực sự. Cho nên không ai ngờ. Người tu hành bây giờ là tu sai vì dụng công quá nhiều, phí năng lượng, phí sức nên bị hôn trầm thù miên vô ký tấn công.

Hằng ngày chỉ biết quan sát lại thân tâm mình, tìm xem có những ác pháp nào xâm chiếm vào nó thì phải ngăn và diệt. Còn về tâm cũng vậy, khi có một niệm nào khởi lên làm lỗi thì phải mau mau diệt. Sống hằng ngày mà nỗ lực tu tập như bốn câu kệ trên thì cuộc sống chúng ta có một đời sống an lạc và hạnh phúc tuyệt vời. Chỉ cần sống đúng như bốn câu kệ trên đây thì cũng đã giải thoát rồi, còn gì để tu tập nữa. Phải không các bạn?

Tu tập như các bạn chúng tôi cảm nhận, dường như các bạn tu sai không đúng pháp, nếu qua bốn câu kệ trên đây thì rõ ràng là các bạn đã tu sai pháp. Các bạn nên lưu ý mà sửa lại thì mới thấy lời dạy của Phật là thực tế: “Pháp của Ta không có thời gian đến để mà thấy”



BỜ BÊN NÀY BỜ BÊN KIA

LỜI PHẬT DẠY

- “1- Tà kiến, này Bà La Môn là bờ bên này, Chánh kiến là bờ bên kia.
2- Tà tư duy là bờ bên này, Chánh tư duy là bờ bên kia.
3- Tà ngữ là bờ bên này, Chánh ngữ là bờ bên kia.
4- Tà nghiệp là bờ bên này, Chánh nghiệp là bờ bên kia.
5- Tà mạng là bờ bên này, Chánh mạng là bờ bên kia.
6- Tà tinh tấn là bờ bên này, Chánh tinh tấn là bờ bên kia.
7- Tà niệm là bờ bên này, Chánh niệm là bờ bên kia.
8- Tà định là bờ bên này, Chánh định là bờ bên kia.
9- Tà trí là bờ bên này, Chánh trí là bờ bên kia.
10- Này Bà La Môn, Tà giải thoát là bờ bên này, Chánh giải thoát là bờ bên kia...”

Này Bà La Môn, đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia”.

“Ít người giữa nhân loại,

Đến được bờ bên kia

Còn số người còn lại

Xuôi ngược chạy bờ này

Những ai hành trì pháp

Theo Chánh pháp khéo dạy

Sẽ đến bờ bên kia...”. (Kinh Tăng Chi tập 4 trang 557)

CHÚ GIẢI:

Theo Phật Giáo xác định cho chúng ta thấy hai lộ trình: Lộ trình đau khổ.

Lộ trình hết đau khổ Lộ trình đau khổ là bờ bên này, lộ trình hết đau khổ là bờ bên kia. Tà là đau khổ, chánh là hết khổ đau; ác là đau khổ, thiện là hết khổ đau.

Đọc đoạn kinh trên đây, chúng ta xét thấy sự giải thoát của Phật Giáo rất rõ ràng và dễ dàng không có khó khăn.

Bởi vì cần có chánh tri kiến hiểu biết thiện và ác là giải thoát ở ngay đó, như bờ bên này và bờ bên kia.

Đức Phật dạy: “Tà kiến, này Bà La Môn, là bờ bên này, Chánh kiến là bờ bên kia” Vậy, Tà kiến và Chánh kiến là gì?

Tà kiến là thấy đúng, thấy sai, thấy phải, thấy trái, thấy trắng, thấy đen, thấy tốt, thấy xấu, v.v...do đó thường ở bờ bên này chịu nhiều khổ đau.

Chánh kiến là thấy nhân, thấy quả do thấy nhân quả như thật nên ở bờ bên kia không còn khổ đau. Chúng tôi thường khuyên mọi người: **“Chớ nhìn mọi việc đúng sai phải trái mà hãy nhìn nó là thiện ác thì cuộc đời các bạn sẽ được an vui và hạnh phúc ngay liền”**.

Đức Phật dạy: **“Tà tư duy là bờ bên này, Chánh tư duy là bờ bên kia”**. Vậy, Tà tư duy và Chánh tư duy nghĩa là gì?

Muốn hiểu rõ lời dạy này thì phải hiểu nghĩa tư duy. Tư duy là sự suy nghĩ.

Tà tư duy là suy nghĩ một điều gì, điều đó làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Nói cho rõ ràng hơn là sự suy nghĩ làm cho chúng ta buồn khổ, phiền não, tức giận căm ghét, thương nhớ, lo sợ, âu sầu, v.v... Sự suy nghĩ như vậy là không giải thoát mà Đức Phật dạy: “Tà tư duy là bờ bên này”. Bờ bên này là bờ đau khổ, địa ngục. Vì thế, Đạo Phật không chấp nhận những sự tư duy như vậy, đó là những tư duy của người không có trí còn sống trong mê mờ ngu si.

Chánh tư duy là sự suy nghĩ một điều gì mà điều đó không làm khổ mình khổ người, khổ cả hai. Chánh tư duy là một sự suy nghĩ làm cho chúng ta không buồn phiền, không làm cho ta tức giận, không làm cho ta lo lắng sợ hãi, không làm cho ta bắt toại nguyện, v.v... Sự suy nghĩ như vậy, mang đến cho chúng ta một tâm hồn an vui và hạnh phúc biến cảnh thế gian thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng. Cho nên Đức Phật dạy: “Chánh tư duy là bờ bên kia”. Bờ bên kia tức là bờ giải thoát.

Nếu cuộc sống mà chúng ta khéo Chánh tư duy như vậy thì lúc nào tâm hồn cũng thanh thản, an lạc và vô sự không còn một ác pháp nào tác động được thân tâm thì chúng ta đã chứng quả A La Hán, đâu còn gì mà tu tập nữa. Phải không các bạn? Cho nên bờ bên kia là bờ của những bậc A La Hán ở.

Đức Phật dạy: **“Tà ngữ là bờ bên này, Chánh ngữ là bờ bên kia”**. Vậy, Tà ngữ và Chánh ngữ nghĩa là gì?

Tà ngữ là lời nói ác. Lời nói ác có bốn:

1. Nói lời hung dữ
2. Nói lời đâm thọc
3. Nói lời lật lọng
4. Nói lời không thật

Người nào còn nói những lời ác ngữ là còn ở bờ bên này, bờ bên này là bờ đau khổ. Chính lời ác khẩu là sự đau khổ của người có lời nói ấy, khi ta nói lời tà ngữ ấy là địa ngục mở cửa đón ta.

Chánh ngữ là những lời nói thiện. Lời nói thiện có bốn:

- 1- Không nói lời hung dữ
- 2- Không nói lời đâm thọc
- 3- Không nói lời lật lọng
- 4- Không nói lời không thật.

Lời nói không làm khổ mình khổ người là lời nói thiện, lời nói ấy là chánh ngữ, nếu ai đã từng nói những lời nói này là người ở bờ bên kia, bờ giải thoát, như vậy chứng quả A La Hán đâu phải khó. Phải không các bạn?

Đức Phật dạy: **“Tà nghiệp là bờ bên này, Chánh nghiệp là bờ bên kia”**. Vậy, Tà nghiệp và Chánh nghiệp là gì?

Tà nghiệp là những hành động làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai. Nếu ai có những hành động như vậy là người ấy đang mở cửa địa ngục, đang ở bờ bên này, bờ khổ đau.

Chánh nghiệp là những hành động không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai. Chánh nghiệp là những hành động mở cửa Thiên Đàng cho chúng ta bước vào. Ai từng có những hành động này là ở bờ bên kia. Bờ bên kia là bờ giải thoát, bờ giải thoát là bờ vô lậu. Như vậy chứng quả A La Hán đâu phải khó khăn. Phải không các bạn?

Đức Phật dạy: **“Tà mạng là bờ bên này, Chánh mạng là bờ bên kia”**. Vậy, Tà mạng và Chánh mạng nghĩa là gì?

Tà mạng là nuôi mạng sống không chân chánh có nghĩa là ăn uống và ngủ nghỉ phi thời, ăn uống không tiết độ, ăn uống những thức ăn độc vào thân, ăn uống

thích món ngon vật lạ cao lương mỹ vị. Người ăn uống phi thời như vậy là mở cửa địa ngục, là ở bờ bên này. Ở bờ bên này là bờ đau khổ.

Chánh mạng là ăn uống không phi thời, ăn uống có tiết độ, ăn để sống chứ không phải ăn cho ngon, ăn cho bổ mập ăn những cao lương mỹ vị. Chánh mạng không bao giờ ăn thịt chúng sanh. Chánh mạng là nuôi mạng sống không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Chánh mạng là ở bờ bên kia, bờ giải thoát, bờ vô lậu. Như vậy chứng quả A La Hán đâu phải khó. Phải không các bạn?

Đức Phật dạy: “Tà tinh tấn là bờ bên này, Chánh tinh tấn là bờ bên kia”. Vậy, Tà tinh tấn và Chánh tinh tấn nghĩa là gì?

Tinh tấn có nghĩa là siêng năng, Tà tinh tấn là siêng làm điều ác luôn luôn làm khổ mình khổ người khổ tất cả chúng sanh. Người siêng năng làm điều ác là người mở cửa địa ngục cho mình là người ở bờ bên này, bờ đau khổ.

Chánh tinh tấn là hằng ngày siêng ngăn ác diệt ác pháp luôn luôn sinh thiện tăng trưởng thiện pháp. Người nào luôn luôn sống Chánh tinh tấn như vậy là người mở cửa Thiên Đàng, là người ở bờ bên kia, bờ giải thoát, bờ không còn đau khổ. Như vậy chứng quả A la Hán không có khó khăn không có mệt nhọc. Phải không các bạn?

Đức Phật dạy: **“Tà niệm là bờ bên này, Chánh niệm là bờ bên kia”**. Vậy, Tà niệm và Chánh niệm nghĩa là gì?

Tà niệm là pháp môn của ngoại đạo, người tu tập theo pháp của ngoại đạo như: tụng kinh, niệm chú, niệm Phật bất ấn, ngồi thiền ức chế tâm, tụng kinh cầu siêu cầu an, cúng sao giải hạn, trừ tà yểm quỷ, v.v...Người nào chuyên tu hành những pháp môn ấy là mở cửa địa ngục sẽ lọt vào thế giới tưởng, sẽ bị bệnh thần kinh điên khùng, là người ở bờ bên này, bờ bên này là bờ đau khổ, bờ không giải thoát.

Chánh niệm là pháp môn Tứ Niệm Xứ người nào tu pháp môn này sẽ có giải thoát ngay liền, ọ đang ở bờ bên kia, bờ không còn đau khổ, bờ không còn lậu hoặc, chỉ trong vòng 7 ngày, 7 tháng, 7 năm là viên mãn. Như vậy, chứng quả A La Hán đâu có gì khó khăn. Phải không các bạn?

Đức Phật dạy: **“Tà định là bờ bên này, Chánh định là bờ bên kia”**. Vậy, Tà định và Chánh định nghĩa là gì?

Tà định là những thiện định của ngoại đạo, như Bốn Thiên Vô Sắc: Không Vô Biên Xứ Tưởng, Thức Vô Biên Xứ Tưởng, Vô Sở Hữu Xứ Tưởng, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Tưởng, Thiên Tri Vọng, Thiên Công Án, Thiên Minh Sát Tuệ, v.v... những loại thiện định này không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không chấm dứt tái sanh luân hồi. Nó là những Tà định là ở bờ bên này, bờ đau khổ, bờ địa ngục không giải thoát.

Chánh định là Tứ Thánh Định, pháp môn thiện định của Phật Giáo. Người nào tu tập Tứ Thánh Định là đang ở bờ bên kia, bờ giải thoát. Tứ Thánh Định là pháp môn làm chủ sanh, già, bệnh, chết, nhưng muốn nhập được Tứ Thánh Định là phải có Tứ Như Ý Túc. Người có Tứ Như Ý Túc là người ở bờ bên kia. Như vậy, chứng quả A La Hán đâu phải khó khăn. Phải không các bạn?

Đức Phật dạy: **“Tà trí là bờ bên này, Chánh trí là bờ bên kia”**. Vậy, Tà trí và Chánh trí nghĩa là gì?

Tà trí là tri kiến không có giới luật, tri kiến không có giới luật là tri kiến ác, ác với mình với người và ác cả hai, tri kiến không giới luật là tri kiến làm khổ mình khổ người và khổ cả hai. Người có tri kiến này là người khổ đau, người ở bờ bên này, người ở trong địa ngục.

Chánh trí là tri kiến có giới luật như Đức Phật đã dạy: **“Tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó, giới luật ở đâu thì tri kiến ở đó. Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”**. Nếu một người sống có tri kiến và giới luật như vậy, là ở bờ bên kia, bờ giải thoát. Như vậy, chứng quả A La Hán đâu phải khó khăn như mọi người nghĩ. Phải không các bạn?

Đức Phật dạy: **“Này Bà La Môn, Tà giải thoát là bờ bên này, Chánh giải thoát là bờ bên kia”**. Vậy, Tà giải thoát và Chánh giải thoát là gì?

Tà giải thoát là tu tập cầu mong gặp Tổ, gặp Phật, có thần thông biến hóa tàng hình biết chuyện quá khứ vị lai ngồi thiền sinh hỷ lạc, ngồi thiền thấy xuất hồn, ngồi thiền thấy hào quang ánh sáng, nghe âm thanh trong tai, nghe mùi hương thơm ngào ngạt, nghe vị ngọt trong cổ, v.v... Đó là Tà giải thoát, nên tâm còn tham sân si ngút ngàn, vì thế luôn luôn lúc nào cũng ở bên bờ bên này, bờ đau khổ.

Chánh giải thoát là tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ, tâm thanh thản, an lạc và vô sự, tâm không phóng dật đó là ở bờ bên kia, bờ giải thoát, tâm vô lậu. Như vậy, tu chứng quả A La Hán đâu phải khó khăn. Phải không các bạn?

Đoạn kinh này xác định có 10 pháp ở bờ bên kia hay nói cách khác là đoạn kinh này dạy chúng ta nên chọn lấy một pháp trong 10 pháp này để sống đúng lời dạy thì luôn luôn ở bờ bên kia tức là chứng quả A La Hán. Cho nên, tóm lược bài pháp này bằng những câu kệ xác định bờ bên này và bờ bên kia. Đức Phật dạy: **“*Này Bà La Môn, đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia*”**.

“Ít người giữa nhân loại

Đến được bờ bên kia

Còn số người còn lại

Xuôi ngược chạy bờ này

Những ai hành trì pháp

Theo Chánh pháp khéo dạy

Sẽ đến bờ bên kia...”

Người ở đời vì vô minh làm chấp cho các pháp thế gian là thật có nên không dám buông bỏ vì thế mà chạy xuôi chạy ngược chịu khổ đau vô cùng vô tận, chứ không phải chứng quả A La Hán của Phật là khó. Khó là do không buông xả dục và các pháp.



NHỮNG PHÁP MÔN CON GHI RA ĐÂY ĐÃ ĐỦ CHƯA?

Hỏi: Kính thưa Thầy, chúng con ghi những phương pháp tu để xả tâm và cách thức tu tập xả tâm như vậy đã đầy đủ chưa? Xin Thầy từ bi chỉ dạy thêm cho chúng con được rõ.

Đáp: Về việc tu tập xả tâm ly dục ly ác pháp, các con ghi như vậy chưa đủ, để Thầy ghi thêm cho được đầy đủ hơn:

I- Định Vô Lậu câu hữu (kết hợp) Ngũ Uẩn.

II- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Niệm Xứ.

III- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Chánh Cần (Thập Thiện).

IV- Định Vô Lậu câu hữu nhân quả quá khứ, nhân quả hiện tại và nhân quả vị lai.

V- Định Vô Lậu câu hữu Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

VI- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Vô Lượng Tâm.

VII- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Bất Hoại Tịnh.

VIII- Định Vô Lậu câu hữu Định Niệm Hơi Thở.

IX- Định Vô Lậu câu hữu các pháp Bất Tịnh.

X- Định Vô Lậu câu hữu các pháp duyên hợp (Thập Nhị Nhân Duyên).

I- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU NGŨ UẨN:

Thế nào là Định Vô Lậu câu hữu (kết hợp) với Ngũ Uẩn? Định Vô Lậu câu hữu với thân Ngũ Uẩn có nghĩa là quán xét tư duy phá chấp thân ngũ uẩn như:

1- Sắc Uẩn: Quán xét sắc thân do bốn đại đất, nước, gió, lửa hoà hợp tạo nên không có gì là của mình, không có gì là bản ngã của mình, không có gì là mình. Vậy, tại sao ta lại ngu si lầm chấp cho sắc thân này là của ta, thân này là ta, là bản ngã của ta, một ngày kia thân này hoại diệt đất phải trả về cho đất, nước phải trả về cho nước, gió phải trả về cho gió, lửa phải trả về cho lửa thì cái gì còn lại là của ta, là ta, là bản ngã của ta nữa đâu. Thế tại sao mỗi khi bị người khen chê, chửi mắng, xỉ vả sắc thân là chó, là trâu, là đồ tồi, đồ bẩn thì ta lại căm tức, thù hận oán ghét họ. Sự căm tức thù giận oán ghét họ là vì ta không rõ, chấp sắc thân là có thật, là của ta, là bản ngã của ta.

Từ đây ta hiểu rõ sắc thân không phải là ta, của ta, bản ngã của ta, mà là một khối duyên hợp do nhân quả tác thành hay nói cách khác hơn cho dễ hiểu là do môi trường sống tạo nên theo qui luật vô thường của nhân quả.

Khi quán xét như vậy ta không còn dính mắc chấp đắm vào sắc thân, nhờ đó ta đẩy lui các chương ngại pháp trong tâm một cách dễ dàng, các chương ngại pháp trong tâm ta được đẩy lui thì tâm ta vô lậu, do đó nó mới có tên là Định Vô Lậu câu hữu (kết hợp) với Sắc uẩn.

2- Thọ Uẩn: Chúng ta đã quán xét tư duy tu tập sắc uẩn xong, kế tiếp quán xét tu tập thọ uẩn, vậy tu tập thọ uẩn như thế nào, để đẩy lui chương ngại pháp trong tâm?

Khi thân ta bị đau nhức khổ sở vô cùng, chúng ta tư duy quán xét thọ uẩn. Vậy thọ uẩn do duyên gì hợp lại mà có?

Thọ uẩn có là do duyên nhân ác tích lũy tạo thành do sắc uẩn hành, sắc uẩn hành ác nên sắc uẩn thọ khổ chứ không ai tạo tác khổ cho sắc uẩn cả, nếu sắc uẩn không hành ác thì thọ khổ do đâu mà có được?

- Thọ uẩn có ba trường hợp xảy ra:

a) Thọ khổ b) Thọ lạc

c) Thọ không lạc không khổ.

- Thọ uẩn hoạt động hai chỗ:

+ Hoạt động nơi sắc uẩn gọi là não, hay là đau nhức.

+ Hoạt động nơi tướng uẩn tức là tâm uẩn gọi là ưu hay là buồn phiền tức giận, lo toan sợ hãi.

Nếu sắc uẩn và tướng uẩn không hành ác pháp thì không có thọ lạc, thọ khổ và thọ không lạc không khổ, không có ba thọ này sắc uẩn và tâm uẩn thanh thản, an lạc và vô sự, còn ngược lại sắc uẩn và tướng uẩn hành ác pháp thì có ba thọ hiện tiền khiến cho con người phiền não đau khổ.

Cho nên ba thọ có là do duyên nhân quả, nhân quả có là do hành, vì vậy quán xét nhân quả của sắc uẩn là quán xét hành động nơi thân, miệng, ý. Nếu muốn ba thọ này không có thì phải thường xuyên nơi thân, miệng, ý phải cảnh giác không làm, không nói, không suy tư điều ác luôn phải thể hiện điều lành tức là lúc nào cũng không làm khổ mình khổ người.

Do quán xét như vậy tâm chúng ta đẩy lui các chương ngại pháp, đó là tu Định Vô Lậu câu hữu với thọ uẩn.

3- Tướng Uẩn: Kế tiếp chúng ta quán xét tướng uẩn, tướng uẩn tức là tâm uẩn, Tâm uẩn thuộc về loại vô hình nó không có hình sắc như sắc uẩn nhưng chúng ta cũng dễ nhận ra, nó thường khởi niệm tưởng, khi niệm có tức là tâm có, khi không niệm tức là tâm không, tâm không, không có nghĩa là không có tâm. Tướng uẩn có ba trạng thái:

- Niệm thiện.

- Niệm ác.

- Niệm không.

Kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông lấy niệm không làm Phật Tánh (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm hoặc chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền). Trong khi tưởng uẩn chỉ là một trong bốn duyên kia kết hợp để tạo thành con người theo luật nhân quả, nói một cách khác để dễ hiểu hơn, tưởng uẩn là một duyên trong năm uẩn được kết hợp lại theo môi trường sống của luật nhân quả. Khi năm uẩn này tan rã hoại diệt thì chẳng còn một vật gì trong năm uẩn này tồn tại. Người không có trí hiểu biết thường sống trong tưởng tri lầm chấp cho rằng thân ngũ uẩn này là ta, là của ta là bản ngã của ta. Còn như trên chúng tôi đã nói kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ lấy tâm không niệm tức là “tưởng không” làm Phật Tánh thật là lầm chấp sống trong ảo tưởng mà tưởng là thật tướng Niết Bàn, rồi chấp chặt thành thân kiến kiết sử mà không biết, tu mãi từ đời Thầy Tổ đến con cháu, chít chắt mà vẫn chẳng có ích lợi gì, chỉ toàn dùng những ngôn ngữ lừa đảo những người sau.

Tưởng uẩn được kết hợp tạo thành bằng nghiệp thiện ác, nghiệp thiện ác được tạo thành bởi dục và ác pháp cho nên người tu sĩ theo Đạo Phật phải tìm mọi cách ly dục ly ác pháp, đó là pháp đầu tiên mà họ cần phải tu tập, ly dục ly ác pháp tức là không tạo nghiệp thiện nghiệp ác mới nữa, không tạo nghiệp thiện nghiệp ác mới nữa tức là ly nghiệp thiện nghiệp ác mới, đó là khiến cho thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh. Còn muốn lìa nghiệp thiện ác cũ thì phải ly hỷ tưởng đây là giai đoạn thứ ba của bốn thiền Đạo Phật. Muốn lìa nghiệp thiện ác cũ tức là ly hỷ tưởng thì phải đóng tâm tứ mà trong kinh Phật dạy: ***“Diệt tâm tứ nhập Nhị Thiền hay tịnh chỉ tâm tứ nhập Nhị Thiền.***

Khi diệt tâm tứ xong ta ly hỷ tưởng mới được, còn tâm tứ chưa diệt chúng ta không thể ly hỷ tưởng được, ly hỷ tưởng tức là lìa nghiệp thiện ác cũ.

Ở đây xin quý vị nên hiểu trong bốn thiền có hai giai đoạn ly, một giai đoạn diệt, một giai đoạn xả:

- **Thiền Thứ Nhất:** Ly dục ly ác pháp thuộc về sắc uẩn. (ly là chừa bỏ hẳn, lìa xa, cảnh giác tâm tham dục và các ác pháp để nó không còn trở lại).

- **Thiền Thứ Hai:** Ly hỷ tưởng dục thuộc về tưởng uẩn (ly hỷ tưởng có nghĩa là lìa hỷ tưởng, chứ chưa diệt bỏ hẳn phải cảnh giác kéo nó sẽ còn trở lại).

- **Thiền Thứ Ba:** Diệt tâm tứ tức là ngưng sáu thức thuộc về sắc uẩn (diệt tức là không còn để nó trở lui, trở lại được).

- **Thiền Thứ Tư:** Xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh thuộc về sắc uẩn và tưởng uẩn, xả tức là bỏ không còn lấy lại. Do sự tu tập quán xét như vậy, khiến cho tưởng dục không còn sanh khởi, tức là chúng ta đã đẩy lui chướng ngại pháp trong tâm, đó là tu Định Vô Lậu câu hữu với Tưởng uẩn.

4- Hành Uẩn: Hành uẩn là sự hoạt động của sắc uẩn và tưởng uẩn, chúng ta tư duy thấy các hành là vô thường, là khổ. Thế nào các hành là vô thường, là khổ?

Các hành thường có lúc hành thiện, có lúc hành ác, nhưng cũng có lúc cũng không hành thiện hành ác, sự hoạt động của các hành thì không thường lúc như thế này lúc như thế khác, nên gọi là vô thường. Vì hành động có lúc thiện, lại có lúc ác nên tạo ra biết bao nhiêu là nghiệp khổ cho loài người nên kinh gọi các hành khổ là như vậy.

Một người tọa thiền thân không động, miệng không nói và ý không tư duy thì giống như cây đá, đó là thiền của Đại Thừa và thiền Đông Độ, ngược lại thiền định của Đạo Phật thân không hành ác, nhưng thân hành thiện, miệng không nói lời ác, nhưng miệng nói lời thiện, ý không suy nghĩ điều ác, nhưng ý suy nghĩ điều thiện. Cho nên Đạo Phật không chấp nhận hành không, không chấp nhận hành ác, chỉ chấp nhận hành thiện, vì vậy tu theo Đạo Phật không trở thành cây đá, mà trở thành một con người hữu ích cho mình cho người, có nghĩa là không làm khổ mình khổ người, tạo cảnh sống thế gian thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng. Khi quán sát hành uẩn như vậy chúng ta thấu rõ phải sử dụng hành uẩn nào cho đúng với Phật Pháp để mình và người được giải thoát.

5- Thức Uẩn: Trong bốn uẩn đầu chúng ta đã học xong và cũng biết cách tu tập, rèn luyện mỗi uẩn bằng giới luật và bằng thiền định. Như vậy chúng ta đã rõ, giới luật giúp chúng ta tu tập nhập Thiền Thứ Nhất hay nói cách khác là giới luật giúp chúng ta tu tập làm cho thanh tịnh sáu thức:

Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý thức, tức là giúp sắc uẩn và hành uẩn của chúng ta thanh tịnh.

Còn ba Thiền kia là: Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền được tu tập, được rèn luyện giúp tưởng uẩn và thọ uẩn của chúng ta thanh tịnh.

Thức uẩn là một uẩn cuối cùng được tu tập. Khi bốn uẩn kia đã thanh tịnh thì chúng ta phải dùng pháp hướng đánh thức thức uẩn để triển khai trí tuệ Tam Minh thức uẩn thanh tịnh có nghĩa là mầm mống lậu hoặc đã được quét sạch.

Tóm lại, thân ngũ uẩn phải được tu tập rèn luyện đúng pháp Giới, Định, Tuệ thì mới thanh tịnh, bằng tu hành sai pháp, thì chính là nuôi dưỡng thân ngũ uẩn trong các ác pháp thuộc về tà giáo ngoại đạo thì đó một sự nguy cơ cho loài người trên hành tinh này không ít.

II- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU TỨ NIỆM XỨ

Như thế nào là Định Vô Lậu câu hữu Tứ Niệm Xứ?

Như trong kinh Đức Phật đã dạy Tứ Niệm Xứ, Tứ Niệm Xứ có bốn chỗ:

- Thân
- Thọ
- Tâm
- Pháp

Vậy, chúng ta tu tập Định Vô Lậu trên bốn chỗ này, nên gọi là câu hữu Tứ Niệm Xứ.

1- Thân Niệm Xứ: Trong Tứ Niệm Xứ Đức Phật dạy: “Này các Thầy Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo quán thân trên thân nhiệt tâm, tỉnh giác chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời”. Chúng ta nên lưu ý lời dạy này: “Quán thân trên thân”, quán thân trên thân tức là xem xét thân của mình coi có lậu hoặc hay không? Nếu có thì phải khắc phục hay chế ngự không cho lậu hoặc tác động vào thân, vì vậy mà Đức Phật dạy: “Chế ngự tham ưu”, tham ưu tức là lậu hoặc.

Như vậy trên thân quan sát thân có nghĩa là xem thân coi có chướng ngại pháp hay không, để đẩy lui các chướng ngại pháp ra khỏi thân không cho các chướng ngại pháp tác động làm khổ cho thân, như vậy tức là tu Định Vô Lậu câu hữu với thân Tứ Niệm Xứ. Hằng ngày chúng ta ngồi hoặc đi hoặc nằm hoặc đứng đều xem xét thân của mình coi có chướng ngại pháp thì đẩy lui cho khỏi, đừng để chướng ngại pháp trong thân dù một phút giây nào cả thì đó là thân vô lậu mà thân đã vô lậu là giải thoát. Cho nên Đức Phật thường ca ngợi pháp môn Tứ Niệm Xứ là đạo lộ đệ nhất pháp vô lậu. “Này các Thầy Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ.”

2-Thọ Niệm Xứ: Đức Phật dạy: *“Này các Thầy Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham*

ưu ở đời”. Lời dạy này quý vị nên lưu ý là phải luôn luôn xem xét từng phút, từng giây trên các cảm thọ của thân và của tâm, nếu các cảm thọ này làm chướng ngại cho thân và tâm thì chúng ta tìm mọi cách đẩy lui không để chướng ngại pháp này trong thân tâm của chúng ta nữa thì đó là khắc phục sự đau khổ giúp cho thân tâm giải thoát, khi thân tâm không còn chướng ngại pháp là thân tâm vô lậu, như vậy trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu tức là tu tập Định Vô Lậu câu hữu với thọ Niệm Xứ.

3- Tâm Niệm Xứ: Lời Phật dạy: “Này các Thầy Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời”.

Quý vị nên lưu ý lời dạy này **“Trên tâm quán tâm”** tức là dạy quý vị hằng ngày quan sát xem xét tư duy nội tâm của quý vị nó đang khởi những niệm gì, đang nghĩ gì, đang lo sợ, đang phiền não bất toại nguyện, đang giận hờn ganh ghét, đang nghĩ suy những âm mưu thâm độc để hại người, đang tính toán những trò giải trí không lành mạnh, đang nghĩ những chuyện tào lao không ích lợi, đang khởi những niệm tưởng không đâu để độ người tu hành thiền định bằng những thần thông siêu việt, khiến cho mọi người quá kính nể phục lẫn sát đất hoặc đang khởi những niệm làm thế này làm thế kia để cúng dường Phật, Pháp, Tăng v.v...? Tất cả những niệm khởi lên trong tâm được quan sát và xem xét cuối cùng phải được đẩy lui tất cả các niệm ra khỏi tâm không còn một bóng dáng nào cả. Khi tâm chúng ta chưa ly dục ly ác pháp thì tất cả những niệm được khởi lên trong tâm đều là niệm ác, đừng nghĩ rằng chúng tôi khởi niệm làm ích lợi chúng sanh như: Làm từ thiện, phóng sanh, bố thí, giúp người bằng cách này hoặc bằng cách khác trong khi tâm dục chưa lìa ác pháp chưa đoạn thì những hành động đó chưa phải là thiện, đó là hành động làm danh làm lợi khéo léo cho cá nhân mình bằng những lý luận lừa đảo của nó.

Theo Phật Giáo khi nào tâm thanh tịnh tức là tâm đã ly dục ly ác pháp thì niệm khởi là niệm thiện còn chúng ta còn phàm phu thì niệm khởi là niệm ác. Tại sao vậy?

Tại vì tâm còn danh và lợi, cho nên tuy việc làm nhìn bên ngoài là thiện mà trong tâm là ác pháp. Việc làm thiện đó chẳng có phước báo gì cả, người làm việc thiện này thường hay bị bệnh tật khổ đau v.v...

Vì thế, người tu Định Vô Lậu câu hữu Tâm Niệm Xứ luôn luôn quan sát tâm mình xem coi có niệm gì khởi ra thì mau mau tìm mọi cách đẩy lui niệm đó khỏi tâm, hướng tâm trở lại vị trí thanh thân, an lạc và vô sự của nó.

Tóm lại, người tu Định Vô Lậu câu hữu Tâm Niệm Xứ, tức là trên tâm quán tâm khi tâm có niệm khởi thì phải đẩy lui niệm khởi đó ra khỏi nội tâm thì chỗ này Đức Phật dạy: “Nhiệt tâm, tỉnh giác” phải luôn cảnh giác rất tỉnh ở niệm vừa khởi khi thấy mặt nó ngay liền đồng thời mỗ xê niệm này ra nên Đức Phật gọi là quán tâm, tức là xem xét tư duy cho thấu suốt niệm đó, pháp môn này khác với pháp môn tri vọng, vì tri vọng là biết vọng liền buông tức là không cần phải hiểu vọng thuộc về loại nào trong lậu hoặc, cho nên pháp tri vọng là pháp ức chế tâm còn pháp trên tâm quán tâm là pháp xả tâm. Vì những niệm: Có niệm là một chướng ngại pháp cho tâm thì nên quán xét đẩy lui, còn có niệm không phải là chướng ngại pháp của tâm thì không cần đẩy lui Thừa quý vị! Niệm không chướng ngại tâm của quý vị đó là niệm thanh thân, niệm an lạc và niệm vô sự. Tại sao chúng tôi lại bảo thanh thân, an lạc và vô sự là niệm?

Thưa quý vị! Nếu tâm không niệm thì tâm không, nhưng ở đây nó biết rõ ràng là có tâm thanh thân, an lạc và vô sự, vì thế mà chúng tôi bảo niệm thanh thân, niệm an lạc và niệm vô sự, quý vị cứ suy ngẫm có đúng không? Niệm ấy có chướng ngại tâm không?

Vì nó không chướng ngại cho tâm nên chúng ta không đẩy lui nó.

4- Pháp Niệm Xứ: Bây giờ chúng ta tu tập tới Định Vô Lậu câu hữu với Pháp Niệm Xứ. Đây là pháp thứ tư của Tứ Niệm Xứ, pháp này coi vậy chứ không đơn giản, nếu chúng ta không biết rõ nó thì rất khó tu tập vô cùng và chúng ta sẽ bị nhận ra tâm thanh tịnh sai lầm. Từ chỗ các pháp tác động khiến tâm sanh ra niệm thiện ác, từ chỗ các pháp tác động tâm sanh ra các cảm thọ cho thân và tâm khiến ra vô lượng vô biên chướng ngại pháp, vì chính các pháp mà tạo cho tâm của chúng ta bất an và nếu chúng ta không chủ động điều khiển được tâm thì tâm sẽ sanh ra muôn ngàn ác pháp khác để tạo thành nghiệp lực và nghiệp lực này sẽ tiếp tục tái sanh luân hồi mãi mãi trong muôn kiếp, muôn đời của chúng ta. Nghiệp lực này không phải một sanh ra một, mà một sanh mười, mười sanh trăm, trăm sanh ra vạn, vạn sanh ra triệu, v.v...

Hằng ngày trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi của chúng ta, chúng ta đều quan sát thân, thọ, tâm, pháp xem coi có chướng ngại pháp hay không? Như trên

đã dạy, nếu trên bốn chỗ này không có chương ngại pháp thì chúng ta xem tâm đang phóng dật ở chỗ nào? Thường tâm không phóng dật là tâm định trên thân, mà tâm định trên thân thì tâm luôn biết hơi thở ra hơi thở vô một cách rất tự nhiên, chứ không bị ức chế hay bị bắt buộc phải tập trung trong hơi thở ra vô như các loại thiền khác. Đức Phật đã xác định khi nào tâm không phóng dật là tâm định trên thân, tâm định trên thân tức là tâm định trên hơi thở, tâm định trên hơi thở là tâm chỉ biết có hơi thở mà thôi. Nơi đây chúng ta phải lưu ý, khi tâm không khởi niệm thì tâm hay phóng dật theo các pháp bên ngoài.

Ví dụ: Khi tâm không có niệm thì tâm thanh thản, an lạc và vô sự, nhưng tâm không định trên hơi thở (Thân Hành Niệm nội) mà lại phóng tâm chạy theo các sắc pháp bên ngoài thân, như tâm cảm nhận cỏ, cây, trời, mây, nước, núi, sông, v.v... nói chung là tâm đang phóng dật theo tất cả các hình ảnh của sắc pháp. Người tu Thiền Đông Độ đến chỗ này họ cảm thấy như tâm mình phủ trùm vạn hữu, cho nên Bàn Long Uẩn nói: “Dễ dễ dễ, ý Tổ sư trên mỗi đầu ngọn cỏ”, ngược lại Đức Phật bảo chỗ này tâm còn phóng dật theo các pháp nên chưa được định.

Người tu Định Vô Lậu câu hữu với Pháp Niệm Xứ thì phải lưu ý điều này, nếu để tâm phóng ra ngoài cảnh lang thang trời, trăng, mây, nước theo âm thanh sắc tướng bên ngoài như Thiền sư Ba Tiêu của Nhật Bản theo âm thanh tiếng con nhái kêu hay tiếng con ếch nhảy, tiếng nước kêu, đó là tâm đang phóng dật theo pháp chứ không phải tâm định, vì thế người tu thiền định của Đạo Phật phải cảnh giác điều này, khi mà tâm đi lang thang phóng dật như vậy thì phải nhắc khéo cho tâm trở về hơi thở như Đức Phật dạy: “Hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”, nhưng không được ức chế nó mà phải để nó tự nhiên định vào hơi thở, chỗ này khi chúng chỉ cần biết là tâm đang phóng dật theo pháp trần thì tâm định ngay liền trên hơi thở, bởi vì tâm không còn khởi niệm nữa nên nó đã ly dục ly ác pháp, như chưa quen định trên hơi thở. Chỗ này Đức Phật đã dạy: “Thì Định Niệm Hơi Thở khéo tác ý”.

Tóm lại, Định Vô Lậu câu hữu với Tứ Niệm Xứ là một pháp môn thiền định dễ tu nhất, hơn tất cả các pháp môn khác vì nó không ức chế tâm, không tập trung tâm vào một chỗ nó luôn luôn quan sát trong bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp, nếu có chương ngại pháp xâm chiếm vào bốn chỗ này thì nó dùng tất cả mọi sự hiểu biết của các pháp ngăn ác, diệt ác pháp đẩy lui khiến cho tâm ở trong trạng thái thanh tịnh an lạc giải thoát. Nếu hằng ngày cứ giữ gìn pháp này tu tập thì luôn luôn lúc

nào cũng có sự giải thoát, kéo dài một phút sẽ giải thoát một phút, một giờ sẽ giải thoát một giờ, một ngày sẽ giải thoát một ngày một tháng sẽ giải thoát một tháng. Sự giải thoát ấy tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức là tâm thiền định, cho nên thiền định mà không ức chế tâm, không tập trung tâm mà lại có thiền định. Tu chỉ có mục đích xả tâm tham, sân, si mà lại có thiền định thì thật là tuyệt vời, thiền định lại làm chủ sự sống chết và chấm dứt được sự tái sinh luân hồi.

Cho nên trong kinh Nguyên Thủy Đức Phật thường nhắc đi nhắc lại nhiều lần để chúng ta lưu ý pháp môn này: “Này các Thầy Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, hành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ”. (Kinh Niệm Xứ (Satipatthanasutta) trong kinh Trung Bộ tập 1 trang 131 thuộc tạng kinh Pali).

Hầu hết các nhà học giả không có kinh nghiệm tu hành trong Tứ Niệm Xứ nên dựa theo sự dẫn giải của Đức Phật trong kinh mà không hiểu ý nghĩa của Phật muốn nói gì trong chín giai đoạn quán thân trên thân như:

1/ Quán niệm thân hành tướng nội (hơi thở), tỉnh thức trong hơi thở.

2/ Quán thân hành tướng ngoại như đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, co tay, duỗi tay ngó tới, ngó lui, mang bát, mặc y, v.v... đó là tỉnh thức trong hành tướng ngoại thân.

3/ Quán niệm thân hành tướng ngoại và tướng nội như: đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, hơi thở, v.v... và tất cả các cảm giác xảy ra toàn thể nội ngoại thân hành, tỉnh thức trong mọi hành động thân nội ngoại tướng sanh diệt.

4/ Quán thân bất tịnh để phá ngã chấp thân là của chúng ta.

5/ Quán thân tứ đại duyên hợp để phá chấp thân là vật thường hằng.

6/ Quán thân tử thi chết trương phòng hôi thúi để phá chấp thân là đẹp xinh thơm tho để nhàm chán sắc dục.

7/ Quán thân tử thi bỏ trong nghĩa địa bị các loài cầm thú xé ăn và loài côn trùng dòi đục khoét để nhàm chán thân xa lìa sắc dục

8/ Quán bộ xương còn nối với những sợi gân để nhàm chán các pháp thế gian chẳng có gì là bền chắc.

9/ Quán bộ xương trắng để tránh tâm sắc dục và nhàm chán các pháp thế gian.

Các nhà học giả dựa theo chín pháp quán thân trên thân trong kinh Tứ Niệm Xứ mà hiểu theo kiến giải của mình rồi dạy người tu tập đã biến pháp môn Tứ Niệm Xứ thành một pháp môn ức chế và tập trung tâm quá căng thẳng, khiến cho mọi người tu tập thành bệnh căng các cơ mặt và thần kinh.

Các nhà học giả đâu hiểu rằng Tứ Niệm Xứ là bốn nơi để cho hành giả quan sát tư duy suy ngẫm để đẩy lui tất cả các chương ngại pháp tức là những pháp làm cho tâm bất an, làm cho tâm khởi ham muốn. Chín pháp quán thân trên thân thì có ba pháp tập tỉnh thức, còn sáu pháp xả các chương ngại pháp để tâm hoàn toàn sống trong chánh niệm.

Người tu Định Vô Lậu câu hữu (kết hợp) Tứ Niệm Xứ tức là quan sát bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp có chương ngại pháp liền tìm mọi cách đẩy lui để lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự như trên đã dạy, đó là sự giải thoát. Còn nếu giải thích vòng vòng theo kinh Tứ Niệm Xứ thì chỉ có người tu chứng mới hiểu được ý của Đức Phật, còn người không tu chứng sẽ lý giải sai pháp khiến cho người đời sau tu hành chẳng có giải thoát mà còn rơi vào trạng thái có thể điên khùng bệnh tật, hầu như các sư Nam Tông tưởng giải ra tu tập cho nên ông nào cũng không nhập định được chết một cách rất là đau khổ, không có vị nào làm chủ sự sống chết được, đó là kinh sách Nguyên Thủy mà các Sư tu hành còn sai như vậy, huống là kinh sách phát triển của Đại Thừa, Thầy nào Thầy nấy tu hành đến khi sắp chết đều nhe răng méo miệng khổ sở vô cùng, thật đáng thương! Đáng thương vô cùng, lúc còn mạnh tay khỏe chân thì luận đông luận tây dạy người tu hành tưởng mình như là Phật sống, không ngờ sự tu hành của mình chưa ngả về tới đâu mà vội mưa pháp vọng ngữ để giết hằng loạt người ham tu thiền, ham tu có thần thông, cuối cùng Thầy trò dẫn nhau xuống địa ngục mà không biết.

III- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU TỨ CHÁNH CẦN

Trên bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp của con, hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm lúc nào con cũng phải quan sát bốn chỗ này và cảnh giác giữ gìn không cho các ác pháp tấn công vào bốn căn cứ này, nếu vô ý để chúng tấn công thì mau mau phải diệt chúng không để chúng sống trên các cứ điểm này dù là một giây một phút nào.

Nếu con siêng năng tu tập chỉ một pháp môn này con cũng làm chủ sự sống chết, chẳng cần phải tu những pháp khác. Bởi vì pháp môn này là pháp môn tu thiền định đầu tiên của Đạo Phật, đó là thứ thiền xả tâm giúp cho tâm con ly tham, đoạn ác pháp đem lại một nguồn giải thoát an vui cho mình cho người, khiến cảnh thế gian thành Thiên Đàng Cực Lạc.

“Khi cư sĩ Visaka hỏi Ni Sư Diandinama:

- Tu thiền phải lấy pháp gì tu? Ni Sư Trả lời:

- Tu thiền phải dùng pháp Định Tư Cự”.

Định Tư Cự là Tứ Chánh Cần. Vậy chúng ta tu Định Vô Lậu câu hữu Tứ Chánh Cần tức là tu pháp thiền đầu tiên của Đạo Phật như trên chúng tôi đã dạy, đó là một loại thiền rất lợi ích cho chúng sanh khi tu là có kết quả giải thoát ngay liền như Đức Phật đã xác định: “Pháp Ta thiết thực cụ thể không có thời gian, đến đâu mà thấy” Ngăn ác, diệt ác pháp trên Tứ Niệm Xứ tức là chúng ta ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là không làm khổ mình khổ người đó là một sự tu tập để xây dựng mình có một đạo đức nhân bản. Một pháp môn thiền định tu tập để làm chủ bốn sự đau khổ của cuộc đời sanh, già, bệnh, chết, thế mà nó cũng là một pháp môn để cho con người rèn luyện tu tập trở thành một con người có đạo đức, một đạo đức cao thượng làm người không làm khổ mình khổ người.

Tóm lại, Định Vô Lậu câu hữu với Tứ Chánh Cần là pháp môn có lợi ích rất lớn quét sạch lậu hoặc khiến cho người tu hành giải thoát hoàn toàn, sống trong thế gian mà tâm bất động, đó là một pháp môn cần thiết cho cuộc sống mọi người trên hành tinh này.

IV- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU NHÂN QUẢ

Hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm lúc nào chúng ta cũng quan sát xem xét tư duy suy ngẫm trên ba chỗ xuất phát nhân quả thân hành, khẩu hành và ý hành.

Bất kỳ lúc nào cũng phải cẩn thận ý tứ cảnh giác và giữ gìn không để thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác, luôn luôn phải thể hiện thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện.

1- Thân hành thiện: Là thân không giết hại chúng sanh, không ăn thịt chúng sanh, không làm đau khổ chúng sanh và phải ý tứ để thân không vô tình giẫm đạp làm đau khổ chúng sanh.

Thân hành thiện là thân không lấy của không cho dù là vật nhỏ mọn như cây kim sợi chỉ, trái cà, trái ớt, cũng không được lấy.

Thân hành thiện là thân không tà dâm, đối với người cư sĩ, nghĩa là khi có vợ con hoặc có chồng con thì không được dâm dục với người khác, dâm dục với người khác sẽ làm đau khổ gia đình mình và đau khổ gia đình người khác, còn người tu sĩ thì không nên dâm dục vì dâm dục tức là thân hành ác pháp tạo ra sự khổ cho mình cho người và làm cho Phật Pháp suy đồi.

2- Khẩu hành thiện: Là miệng không nói dối luôn luôn phải nói lời chân thật, thấy, nghe sao nói vậy không được nói sai sự thật.

Khẩu hành thiện là miệng không được nói lời thù dật, chuyện xấu nói tốt, chuyện tốt nói xấu, chuyện sai nói đúng, chuyện đúng nói sai. Lúc nào cũng phải tránh nói chuyện phiếm, chuyện tào lao, chuyện vô ích. Khẩu hành thiện là miệng không nói lật lọng, không nói ngược ngạo, không vu oan giáng họa cho kẻ khác.

Khẩu hành thiện là miệng không nói lời hung dữ, không chửi thề, không la mắng to tiếng, nạt nộ, hù dọa, v.v...

3- Ý hành thiện: Là ý không khởi nghĩ ham muốn một vật gì cả, ý không sân hận oán thù, ganh ghét ai cả, ý không si mê thường sáng suốt nhận rõ mọi hành động nhân quả thiện ác để luôn luôn ý nghĩ đến điều thiện không làm khổ mình khổ người.

Tóm lại, trên đây là tu Định Vô Lậu câu hữu với nhân quả tức là tu tập vô lậu trên đường đi lối về của nhân quả. Muốn cho các chướng ngại pháp không tác động vào thân tâm sanh ra lậu hoặc nên thường cảnh giác và giữ gìn thân, miệng, ý không cho hành động ác luôn luôn phải thực hiện hành động thiện để tạo cảnh an vui cho mình cho người, để tạo sự giải thoát cho mình và các pháp chướng ngại không còn tác động được thân tâm, đó là sự giải thoát của Định Vô Lậu câu hữu với Nhân Quả thiện ác.

Định Vô Lậu câu hữu với nhân quả là một pháp môn ngăn các ác pháp tuyệt vời, nếu người nào siêng năng tu tập thì thân hành, ý hành, khẩu hành không bao

giờ làm khổ mình khổ người, đó là một hành động đạo đức cao thượng nhất trên thế gian này.

V- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU TỬ DIỆU ĐẾ

Quán Tứ Diệu Đế tức là quán khổ, tập, diệt, đạo. Vậy quán khổ, tập, diệt, đạo như thế nào?

Đây là bốn chân lý của Đạo Phật, từ khi bắt đầu có Đạo Phật cho đến nay, chưa có ai dám thay đổi chân lý này, vì nó là chân lý nên nó xác định đời sống của con người rất logique và khoa học nên giáo lý này mới được gọi là chân lý.

Nhưng sau Phật nhập Niết Bàn mấy trăm năm có một số người muốn làm Sư Tổ của Phật Giáo bài bác bốn chân lý này để sản sanh ra một luận lý mới trừu tượng và mơ hồ, đó là luận lý Bát Nhã Ba La Mật của Tổ Long Thọ là “Chân Không” để đả phá chân lý của Đạo Phật “Vô khổ, tập, diệt, đạo”, kế tiếp có Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh, v.v...xúm nhau để xướng minh luận lý này, nhưng nó chỉ là một luận lý ảo tưởng, nó không nói lên được sự thật của cuộc sống loài người thì làm sao được gọi là chân lý của thế giới hành tinh này.

Cho nên các nhà tôn giáo và các nhà triết học đã đưa ra nhiều triết thuyết về chân lý, nhưng tất cả đều nằm trong những triết thuyết luận lý ảo tưởng không tưởng của tưởng tri con người, vì thế, những triết thuyết luận lý đó, chỉ sống trong một thời gian ngắn ngủi rồi chết đi, chỉ vì nó không thiết thực lợi ích cụ thể đối với đời sống của con người, nó chẳng giống như bốn chân lý “Khổ, Tập, Diệt, Đạo” rất thực tế hiển nhiên của Đạo Phật. Vậy, chúng ta hãy lắng nghe bốn chân lý của Đạo Phật đối với con người trên hành tinh này như thế nào? Mà nó được gọi là chân lý của loài người?



CHÂN LÝ THỨ NHẤT “KHỔ ĐẾ”

Khế kinh có câu: **“Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển”**, lời nói này có quá đáng chăng? Chúng ta chưa vội xác định câu nói này mà hãy dùng Định Vô Lậu quán xét tư duy chân lý thứ nhất, rồi mới xác định sau. Người không hiểu biết cho rằng đời là một hạnh phúc, nhưng họ không ngờ những khoái lạc của cuộc đời đều là giả dối, lừa phỉnh, chẳng khác gì như người khát nước mà cứ uống nước mặn, càng uống lại càng khát và càng khổ đau. Cho nên những sự vui

của cuộc đời chỉ là tạm bợ, hào nhoáng như một lớp sơn bên ngoài mà thôi. Bản chất của cuộc đời là khổ đau.

Cõi đời này là một biển nước mắt và mồ hôi của loài người, trong ấy, mọi người đang bơi lội, hụp lặn, chìm nổi, trôi lặn. Nếu ai đã từng nếm mùi vị của cuộc đời thì không ai bảo rằng đời là hạnh phúc là sung sướng, người thấy rõ đời sống là khổ không ai hơn Đức Phật, nên chân lý của Ngài đưa ra mọi người đều phải công nhận, chỉ có một vài người mang tà kiến mới cho nó là “vô khổ, tập diệt, đạo”, như Long Thọ, còn các Tổ sau này chỉ là những người hòa theo, cho nên Thiền sư Thường Chiếu bảo: “Một con chó sữa một bầy cho sữa theo”.

Không ai có thể kể ra hết mọi sự đau khổ trong thế gian, nhưng căn cứ vào lời dạy của Đức Phật thì có ba loại khổ:

- 1- Khổ khổ
- 2- Hoại khổ
- 3- Hành khổ

Khổ khổ: Cái khổ chồng chất lên cái khổ; bản thân đã là khổ mà hoàn cảnh chung quanh lại đè lên bao cái khổ khác: Đó là khổ khổ.

Chúng ta quán xét tự thân mình là nạn nhân của bao nhiêu cái khổ, cái xấu xa đê tiện; thân thể là một bao đựng đầy thịt xương dơ bẩn hôi thúi bất tịnh, nếu một vài ngày không tắm rửa chăm sóc, thì thối tha không chịu được. Vả lại, cái thân của chúng ta rất dòn bở mong manh; khát nước độ ba ngày, ngạt thở độ năm phút, đứt một mạch máu, bị nhiễm vi trùng độc...thế là mạng vong không còn sống được nữa. Lại nữa, cái khổ sống chết bất ngờ mà không ai làm chủ, còn biết bao nhiêu cái khổ khác nữa chồng chất lên nhau, không sao tránh khỏi như: Bệnh tật, tai họa đói khát, bão lụt, chiến tranh, động đất, hỏa hoạn, chiến tranh áp bức sưu cao thuế nặng, v.v...đó là khổ khổ.

Hoại khổ: Thật vậy, vạn vật trong vũ trụ có hình tướng đều phải bị hoại diệt vì luật vô thường chi phối từng giây từng phút, nên không có vật gì được tồn tại mãi, dù cho sắt đá lâu ngày cũng phải mục nát, to lớn như đất trời còn phải tan hoại. Yếu ớt nhỏ nhoi như thân người thì mạng sống như bong bóng nước, như mây nổi giữa trời, như hoa phù dung sớm nở tối tàn, mỗi phút mỗi giây chúng ta đang sống là mỗi phút mỗi giây đang hủy hoại, dù cho chúng ta có sức khỏe, có quyền thế, có giàu sang tiền của châu báu ngọc ngà vàng bạc có chất đầy cả không gian

này thì cũng không cản ngăn, chống đỡ không cho thời gian hủy diệt đời sống của chúng ta được. Chúng ta hoàn toàn bất lực trước sự vô thường của thời gian.

“Tắc bóng thời gian một tắc vàng

Tắc vàng tìm được không gì khó

Tắc bóng thời gian khó hồi han”.

Thật là khổ sở, tủi nhục, đau đớn! Cho kiếp sanh làm người.

Hành khổ: Là chỉ cho mọi hành động của chúng ta thương, ghét, giận, hờn, lo lắng, ưa thích, ham muốn, v.v... Vả lại, mỗi hành động của chúng ta đều mang theo bản chất thiện và ác; ác thì làm khổ mình khổ người; thiện thì không làm khổ mình khổ người, nhưng phần nhiều hành động thân, miệng ý của chúng ta thường đem đến sự khổ đau cho nhau hơn là đem đến sự an vui hạnh phúc. Bởi vậy, Đức Phật dạy: “các hành là vô thường, là khổ”, lúc thì nó hành như thế này, lúc thì nó hành như thế khác, nó không bao giờ đứng yên lặng một chỗ. Nếu chúng ta chịu khó quan sát và sẽ nhận thấy rõ ràng: thân thì chẳng lúc nào chịu im lặng, không đi thì ngồi, không ngồi thì đứng, không đứng thì nằm, không nằm thì làm việc này việc khác, lúc nào thân cũng động đây trừ ra lúc nằm ngủ.

Miệng lúc nào cũng muốn nói chuyện không chuyện này thì nói chuyện khác, nếu vắng một lúc không nói là đi tìm người để nói chuyện, con người vốn thích động không thích tĩnh, sống độc cư trầm lặng một mình chịu không nổi, cho nên các Tổ quả trách các đệ tử: “Không chịu để miệng đóng mồm meo”.

Ý thì lăng xăng nghĩ chuyện này sang chuyện khác như con ngựa không cương, như con vượn chuyền cây, không bao giờ dừng nghỉ. Đó là ba chỗ hành của thân con người, ba nơi đó nếu chúng ta không biết dừng nghỉ những hành động ác thì sẽ mang lại cho mình và mọi người biết bao nhiêu là muôn ngàn thứ đau khổ xảy ra, cho nên Đức Phật nói: “hành là khổ” là vậy.

Ba thứ khổ này chia ra làm tám thứ khổ:

1/ Sanh khổ: Sanh ở đây có hai nghĩa đời sống và sự sanh đẻ.

a) Khổ trong lúc sanh ra: Người sanh và đứa bé được sanh đều khổ. Khi người mẹ mới mang thai đã bắt đầu biếng ăn, mất ngủ, nôn ọe, đã dợt, bần thần, người gầy ốm trong những tháng đầu. Thai nhi mỗi ngày mỗi lớn, thì người mẹ mỗi ngày mỗi mệt mỏi, nặng nề, đi đứng khó khăn, làm lụng chậm chạp. Khi gần đến ngày

sanh thì sự đau đớn không sao nói hết được. Đến ngày hoa khai nở nhị, nếu thuận thai thì người mẹ cũng đau đớn thập tử nhất sinh, khi sanh con ra mẹ phải chịu như uế nhiều ngày, yếu đuối nhiều tháng, vì máu huyết hao mòn, ngũ tạng suy kém. Còn nghịch thai thì người mẹ phải bị mổ xẻ, 100 phần chết chỉ có một phần sống mà thôi, đôi khi giải phẫu người mẹ và phải chịu bệnh tật suốt đời khi sinh con.

Còn đứa bé từ khi chào đời cũng phải chịu nhiều điều khổ sở. Chín tháng mười ngày trong bụng mẹ sống trong cảnh tối tăm chật hẹp. Đến kỳ sanh nở thì thân còn phải chen qua chỗ chật hẹp như bị đá ép bốn bề, nên khi vừa thoát ra ngoài vì khổ quá, vả lại còn bị móc miệng đau đớn không cùng nên vội khóc thét lên.

“Thảo nào lúc mới chôn nhao

Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra!”.

b) Khổ về đời sống: Khổ về đời sống có hai phương diện vật chất và tinh thần:

- **Khổ về vật chất:** Cuộc sống của con người đòi hỏi những nhu cầu thiết yếu như: Món ăn, thức uống, y phục, nhà ở, thuốc men. Muốn có những nhu cầu ấy, con người phải lao động cật lực quanh năm suốt tháng vất vả khổ sở mới đổi lấy nó được, phải bằng mồ hôi nước mắt và sức lực của mình. Nhiều khi, suốt đời làm lụng cơm không đủ ăn, nhà ở không đủ ấm.

Chẳng những đợi đến cảnh đói khát mới là khổ; ăn uống thất thường bữa đói bữa no, thiếu thốn trước sau cũng đã là khổ. Chẳng lâm vào cảnh màn trời chiếu đất, hay ăn lông ở lỗ mới gọi là khổ; áo quần không đủ ấm, nhà cửa không che được nắng mưa đó cũng là khổ lắm rồi. Người nghèo đã khổ như thế thì người giàu có khổ hay không?

Muốn có tiền bạc của cải tài sản, tất phải thức khuya dậy sớm, buôn tảo bán tần đầu tắt mặt tối trong công việc, mồ hôi nước mắt đổ ra biết bao nhiêu mới có được, chứ đâu phải tiền bạc, của cải, tài sản ở trên trời rơi xuống mà phải bằng công sức và đầu óc tính toán, nhiều khi phải quên ăn, mất ngủ, nhưng khi đã có của cải rồi, đâu phải là sung sướng, phải lo giữ gìn bảo vệ nó, nếu một mai bị trộm cướp, nước trôi, hỏa hoạn hoặc bị vua quan sung vào công quỹ thì khổ sở vô cùng, có người vì của cải tài sản mất mà điên, cũng có người vì của cải mất mà phải buồn khổ đến chết, đó là khổ sở về vật chất.

- Khổ về tinh thần : Thì không biết bao nhiêu sự khổ kể ra làm sao cho hết. Chúng tôi nêu lên một vài ví dụ như: Thua kém mọi người từ ăn mặc đến nhà ở là chúng ta đã khổ, thua kém từ học thức đến địa vị trong xã hội là chúng ta cũng khổ, khổ từ những lời nói khen chê của kẻ khác, khổ vì bị lừa gạt, bị áp bức, khổ vì những người thù oán, khổ vì bị kẻ khác khinh bỉ, v.v...

Tóm lại, về vật chất lẫn tinh thần trong cuộc sống của chúng ta có biết bao nhiêu là sự khổ đau, mà làm con người phải gánh chịu, cho nên chọn lý thứ nhất của Đạo Phật là “Khổ Đế”, Khổ Đế là chỉ cho đời sống của con người khổ thật, khổ thật nhưng không phải biết khổ để mà trốn khổ để mà tiêu cực yếm thế bỏ đời. Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy một sự thật hiển nhiên của cuộc sống là khổ như vậy để mà vượt lên trên những nỗi khổ đó, để xây dựng cho mình cho người có một nền đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người để biến cảnh thế gian thành cảnh giới Cực Lạc Thiên Đàng. Cho nên kẻ nào thất tình thất vọng vào chùa tu hành để nhờ câu kinh tiếng kệ mà quên đi sự đau khổ của cuộc đời là kẻ hèn nhác không xứng đáng là đệ tử của Đức Phật, còn kẻ nào mượn Phật Giáo kinh doanh làm giàu trên mồ hôi nước mắt của tín đồ, ngồi mát ăn bát vàng là kẻ ăn cướp của đàn na thí chủ, của mọi người, bày ra nhiều trò mê tín lừa đảo, những người còn vô minh, mang nặng lòng kiến chấp những phong tục tập quán lạc hậu. Đó là những loài ma vương đội lốt tu sĩ và cư sĩ Phật Giáo để diệt Phật Giáo, chứ không phải là chấn hưng Phật Giáo.

2/ Lão khổ: Con người đến lúc già, thân thể hao mòn, tinh thần suy kém nên thể xác lẫn tinh thần đều khổ.

Càng già khí huyết càng hao mòn, ngày càng mệt mỏi, hoạt động một cách yếu ớt, mắt lơ tai điếc, tay chân run rẩy, đi đứng khó khăn làm việc gì cũng phải nhờ đến kẻ khác, khi trời trở tiết thì toàn thân đau nhức, đó là cơ thể già là khổ như vậy.

Càng già thân thể càng suy yếu, trí tuệ càng lu mờ, do đó sanh ra lẫn lộn quên trước quên sau, hành động giống như kẻ ngây dại có khi ăn dơ uống bẩn mà không biết, nói năng lặp đi lặp lại như người mất trí; ăn rồi bảo chưa ăn, có khi nói nhầm nhí một mình thật đúng là già thì quá khổ.

3/ Bệnh khổ: Bất luận thân của chúng ta đau bệnh gì, từ cái đau lật vật như đau răng, nhức đầu, mỏi tay, mỏi chân cho đến những bệnh hiểm nghèo trầm trọng như ung thư, lao phổi, hoặc cùi phong, đái đường, lên máu, sơ gan, củ

trưởng, v.v...đều làm cho con người phải đau khổ, nhức nhối, rên xiết...Nhất là những bệnh trầm kha thì lại hành hạ xác thân, đắng cơm, nghẹn nước, cầu sống không được, cầu chết cũng không xong, oan oan ương ương thật là khổ não.

Thân bệnh đau mà tiền thì không, có người sau khi lành bệnh tiền bạc không còn, của cải tài sản bán sạch, chỉ còn hai bàn tay trắng, sống một đời sống tràn đầy sự khổ đau bất tận, cuộc sống là một màn đêm đen tối hướng về tương lai.

Đó là về bản thân phải chịu lấy những bệnh khổ, còn về những thân bằng quyến thuộc thì buồn rầu lo sợ cho nên mỗi khi trong nhà có người bị bệnh, thì cả gia đình đều rộn ràng băng khuâng đứng ngồi không yên, quên ăn mất ngủ, bỏ cả công ăn việc làm, thật đúng như lời Đức Phật dạy: “Bệnh là khổ”. Khổ về tinh thần và khổ về thân xác vật chất, cho nên ai có thân bệnh đều sợ cả, không ai mà không sợ bệnh khổ.

4/ Tử khổ: Trong bốn cái khổ của đời người là sanh, già, bệnh, chết, nhưng chết thì ai nghe nói đến cũng đều kinh hãi, nhất là ai cũng biết rằng con người sớm muộn gì rồi cũng phải chết, nhưng nghe nói chết thì ai cũng sợ, sợ nhưng không ai tránh khỏi. Chết là khi cơ thể tan rã, nhưng trước khi tan rã hoại diệt nó đau đớn từng đốt xương lóng tay, da thịt như ai đàn ai bầm rêm cả thân người, nằm không yên, ngồi không được, người đời thường gọi đó là lúc trần trở để mà chết, nên trước khi chết, mọi người ai cũng phải chịu sự đau khổ tận cùng, sức chịu đựng thân mạng này, rồi mới chết. Cho nên Đức Phật dạy: “chết là khổ chứ không phải chết là hết khổ”.

Người đời thường nghĩ chết là hết khổ, sự thật không phải vậy, chết là một sự nối tiếp sự khổ. Hiện tượng người chết quá ư khổ thì khi họ tái sanh cũng khổ và còn khổ hơn nữa, ngược lại người chết không khổ thì tiếp tục tái sanh không khổ.

Ở đây, chúng ta cần lưu ý, trong thế gian có bốn hạng người:

- Hạng người thứ nhất: Chết khổ là hạng người bị bệnh đau khổ sở vô cùng, ăn, ỉa, đái một chỗ, chịu hôi, chịu thối của xác thân tứ đại, cho đến khi chết phải đau nhức trần trở khổ sở tận cùng, rồi mới chịu chết, đó là hạng người chết khổ.

- Hạng người thứ hai: Chết ít khổ là những hạng người bị bệnh mà không phát hiện ra, đến khi thành linh đứt mạch máu não hoặc rút tay giựt chân, méo miệng rồi ngã lăn ra chết, những người này thời gian thọ bệnh khổ rất ngắn, đó là hạng người chết ít khổ.

- Hạng người thứ ba: Chết không khổ là hạng người không bị bệnh đau gì cả nằm ngủ rồi ngủ luôn, đó là hạng người chết không khổ.

- Hạng người thứ tư: Làm chủ sự sống chết, họ muốn sống là sống và muốn chết là chết, chết lúc nào cũng tự tại dễ dàng, không phải chờ bệnh đau tận cùng rồi mới chết, đó là hạng người làm chủ sự sống chết như Đức Phật và các bậc Thánh Tăng ALaHán.

Cho nên trong đời sống của loài người có bốn hạng người như vậy.

+ Hạng người thứ nhất, chuyên làm ác giết hại chúng sanh như những người làm nghề đồ tể, săn bắn, chài lưới, v.v...và những hạng người chuyên lừa đảo thiên hạ buôn thần bán Thánh, v.v...

+ Hạng người thứ hai, có làm ác có làm thiện, nên chết ít khổ hơn.

+ Hạng người thứ ba, sống chuyên làm thiện không làm khổ mình khổ người.

+ Hạng người thứ tư, là những bậc tu hành toàn thiện, toàn định, toàn tuệ đầy đủ thần lực làm chủ nhân quả, chấm dứt luân hồi, nên luật nhân quả không còn tác động họ được.

5/ Ái biệt ly khổ: Con người sanh ra ở đời ai cũng có lòng yêu thương, loài thú vật cũng có lòng thương yêu, chúng cũng biết buồn thương và khóc, huống là con người như chúng ta, tình thương giữa vợ chồng, con cái, anh em, chị em, cha mẹ, quyến thuộc, bạn bè, thân hữu, v.v... đang thương yêu mặn nồng thắm thiết mà bị sự bắt buộc chia ly, thì thật không có gì đau đớn hơn khi kẻ bắc người nam hoặc kẻ còn người mất. Sự chia ly chia ra làm hai loại:

a) Sanh ly khổ: Một gia đình đang sống trong cảnh sum họp, đầm ấm, an vui, bỗng có một hoàn cảnh bắt buộc hay vì một thiên tai, giặc giã, v.v... làm cho mỗi người bơ vơ, thất lạc nhau, kẻ đông người tây, kẻ nam người bắc, kẻ góc biển, người chân trời, nỗi nhớ mong, thương xót không cùng. Sự sống mà chia ly nhau là sự đau khổ không cùng nên người đời khổ quá mới nói ra lời: “Thà lìa tử chứ ai nỡ lìa sanh”.

b) Tử biệt ly khổ: Người ở đời mỗi lần chết là một lần vĩnh viễn không còn gặp nhau nữa, dù là ly biệt có khổ nhưng còn có ngày hy vọng gặp lại nhau, chứ một khi đã chết rồi thì bao thuở được sum vầy nữa. Cho nên trước cảnh chết, là một

sự ra đi vĩnh viễn, làm người trước cảnh ấy ai mà chẳng nức nở, khổ đau, vì thế trước cảnh này đã có nhiều người xót thương rầu rĩ không còn thích ăn thích ngủ, có người quá đau đớn tuyệt vọng vì thương nhớ đến nỗi phải toan chết theo người thân thương quá cố của mình, có người ôm quan tài của người quá cố lăn lộn nức nở nghẹn ngào nước mắt tuôn rơi lả tả đường như ai cắt ruột cắt gan mình. Đó là cái khổ của tử biệt, mà sanh ra làm người ai ai cũng phải biết, và bao lần đứt ruột đứt gan nước mắt đổ xuống vì những người thân thương ra đi vĩnh viễn. Chính bản thân chúng tôi, khi người cha thân yêu của chúng tôi ra đi vĩnh viễn, nước mắt của chúng tôi đã đổ xuống chan hòa, cổ chúng tôi nghẹn ngào, chúng tôi thề ước nguyện: “Con nguyện sẽ tìm cha cho bằng được dù bất cứ có gian khổ như thế nào con cũng không chùn bước trước mọi gian nguy thử thách trừ ra con chết, nếu còn một chút hơi thở dư tàn con cũng quyết tìm cha cho bằng được”. Lời nguyện ước này cộng thêm sự sách tấn của Hoà Thượng Thanh Từ: “Đạo Phật còn là còn một người tu chứng”. Những điều này đã tạo thành một mãnh lực quyết liệt trong đời tu hành của chúng tôi để chiến đấu và chiến thắng từng tâm niệm ham muốn các ác pháp trong nội tâm của mình. Cuối cùng chúng tôi đã chiến thắng và mãn nguyện.

Còn hiện giờ, mọi người tu chỉ tu danh, tu lợi, tu mà sợ khổ, sợ cực nhọc, sợ đói, sợ khát, sợ chết, sợ mất sức, sợ bỏ của cải tài sản, sợ bỏ vợ bỏ con tội nghiệp, tu mà còn tham muốn thần thông phép tắc hơn người, chưa tu được gì mà vội muốn làm thầy thiên hạ, vay mượn kinh sách của người xưa, nhai đi nhai lại những thứ bã mía lừa đảo người, cho nên tu hành chẳng ra gì.

Tử biệt sanh ly là nỗi khổ của loài người, thế mà đã đi tu, lại không lo giải quyết cho xong, đã bao nhiêu lần nước mắt tuôn rơi vì mất cha, mất mẹ mà còn không biết, không lo. Cha mẹ còn hay mất ở nơi đâu, đi về đâu....? Vậy mà dám vỗ ngực xưng tên là con hiếu. Cha mẹ chết mặc cha mẹ, cứ mãi lo tiền bạc, danh vọng, nhà cửa, chẳng còn ai hay biết gì, nhưng tiền bạc danh vọng đó, chết rồi cũng không mang theo được, chỉ còn lại nghiệp thiện ác mà thôi, để rồi tiếp tục trên con đường khổ đau như cũ, quanh quẩn trong vòng luân hồi muôn đời muôn kiếp.

6/ Cầu bất đắc khổ: Người sanh ra ở đời, ai cũng có sự hy vọng, sự hy vọng càng nhiều thì sự thất vọng càng to. Bất luận trong tất cả mọi việc làm, số người làm được đạt như ý muốn thì quá hiếm mà kẻ thất bại thì quá nhiều, cho nên gặp thất bại không có người nào là không khổ; có nhiều người thất bại quá tự tử; có

nhều người thất bại bỏ vào chùa tu; còn muốn đạt kết quả tốt đẹp, người ta phải vận dụng không biết bao nhiêu là năng lực, lao tâm tổn trí, quên ăn bỏ ngủ để đạt được kết quả như ý muốn, nhưng đến giờ phút cuối cùng không thành công thì sự đau khổ không biết là dường nào. Ví dụ: Như người buôn bán lỗ lã, người nông phu làm mùa thất bại, người học trò thi rớt, v.v... thì khổ sở và cay đắng biết là bao nhiêu, nói sao cho cùng.

“Gót danh lợi bùn pha sắc xám

Mặt phong trần nắng nám mùi dâu!”

Muốn mau làm giàu, nhiều người tìm mọi cách gian xảo lừa đảo lường gạt người, nhưng mưu gian chước lận, ăn lo hối lộ đồ bể, tài sản bị tịch thu, bản thân bị tù tội, gia quyến bị nhục nhã xấu hổ, không dám nhìn mọi người, thật đau đớn và khổ sở.

Trong cuộc đời nói về tình ái, biết bao nhiêu người tình duyên trắc trở, đưa đến sự quỵên sinh vì thất vọng thất tình. Trên đây là những sự cầu mong mà chẳng đạt được thành ra bao nhiêu thứ khổ.

7/ Oán tắng hội khổ: *“Thấy mặt kẻ thù như kim đâm vào mắt; ở chung với người nghịch như nếm mật nằm gai”*. Lời nói này không sai, vì gần những người thù oán thì tâm mình khổ sở vô cùng, cho nên kinh gọi là oán tắng hội khổ rất đúng vậy.

Người trong một gia đình anh em dòng họ quỵên thuộc vì tranh chấp một lí do nào đó, sanh ra bất hòa với nhau, khi nhìn thấy mặt nhau cũng là rất khó chịu, hằng ngày phải thấy mặt nhau, vì là tình thân quỵên thuộc, ghét không ưa mà cứ gặp nhau là rất khổ tâm, muốn tránh mà tránh không được, ở gần có ngày phải đụng chạm to tiếng và có thể xảy ra án mạng, tù tội hoặc đi nằm nhà thương, bởi vì thù oán nhau thì phải có ngày đi đến chỗ khổ đau lớn, đó là Oán tắng hội khổ.

8/ Ngũ ấm xí thạnh khổ: Thân ngũ ấm của chúng ta gồm có: Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm, năm ấm ấy luôn luôn sống trong động theo luật chi phối của nhân quả. Vả lại, năm ấm này được sanh ra từ vô minh, nên mỗi sự hoạt động của nó thúc giục theo lòng ham muốn nên tạo ra biết bao nhiêu điều ác khiến cho mình khổ và người khác khổ vô lượng vô biên.

Thân ngũ ấm bị luật vô thường chi phối, từng giây từng phút khiến cho sự thay đổi liên tục, từ trẻ đến già, từ mạnh đến ốm, từ bệnh đến chết, luôn luôn lúc nào cũng làm cho con người khổ sở buồn phiền, lo lắng, sợ hãi.

Sáu trần lôi cuốn, thất tình lục dục đắm say, khiến cho thân tâm khổ lụy vô cùng tận.

Vọng tưởng điên đảo, chấp trước dính mắc đủ thứ vật chất thế gian, nên chấp có ta, của ta và bản ngã của ta, do đó mới thấy còn mất, khôn, dại, chấp có, chấp không, vì vậy mà sanh ra sầu lo, đau khổ buồn phiền.

Thân ngũ ấm đi, đứng, ngồi, nằm nhiều quá, chịu cũng không nổi, vì mỗi một tê đau nhức, cho nên phải có lúc đi, lúc nằm, lúc đứng, lúc ngồi thân ngũ ấm bắt buộc phải động đậy liên tục như vậy thì mới thấy dễ chịu, cái dễ chịu của sự động thì làm sao mà được an vui, thanh tịnh chân thật? Nên đó là những sự khổ đau của thân ngũ ấm.

Thân ngũ ấm là một khối năm duyên hợp lại trong môi trường sống, nhưng hành động đều do nghiệp lực nhân quả tạo tác nên mỗi con người sanh ra, đều phải chịu theo qui luật nhân quả thiện ác khổ vui mà thọ hưởng hoặc chịu lấy sự khổ vui nhiều ít là tùy theo những hành động thiện ác, chứ không có một kẻ nào ban phước giáng họa cho loài người được.

Chỉ vì sự mê lầm chấp đắm vật chất, cho rằng người nào có nhiều vật chất là hạnh phúc nên mỗi hành động luôn luôn kèm theo sự ích kỷ, nhỏ hẹp cho cá nhân của mình, thường không những làm khổ người mà còn làm khổ mình.

Đức Phật dạy: “là con người chứ không phải là con thú vật thì phải làm thiện, làm thiện không có nghĩa làm việc từ thiện, mà làm việc thiện ở đây có nghĩa là không làm khổ mình khổ người”, như vậy các hành trong thân ngũ ấm mới không còn khổ đau nữa, chứ làm việc từ thiện theo kiểu Đại Thừa phước đâu thì không thấy, mà bị kẻ khác lợi dụng thì có, cho nên tai họa bệnh tật khổ đau thường viếng thăm những người làm thiện này.

Trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: “Các hành là vô thường, là khổ”. Nhưng chúng ta học đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người của Đạo Phật nên các hành đều thực hiện nhân quả thiện, mà các hành đã làm thiện thì quả là phước mà quả phước thì thân con người thanh thản, an lạc và vô sự, nhưng thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự, đó là thân tâm thanh tịnh,

thân tâm thanh tịnh tức là thiền định, thiền định thì thân tâm bất động, thân tâm bất động tức là các hành ngưng hoạt động, các hành ngưng hoạt động tức là chấm dứt sự vô thường và khổ đau, chấm dứt sự vô thường và khổ đau là phước vô lậu, là cảnh giới Niết Bàn tại thế gian.

Tóm lại, người tu Định Vô Lậu câu hữu với Khổ Đế tức là quán xét ba khổ: Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ để chúng ta rõ thấu và cố gắng tránh không làm khổ mình khổ người và điều đó khiến cho thân tâm chúng ta vô lậu, mà mục đích của Đạo Phật là phải đạt tâm vô lậu.



CHÂN LÝ THỨ HAI “TẬP ĐẾ”

Định Vô Lậu câu hữu với Tập Đế, tức là chúng ta quán xét nguyên nhân sanh khởi sự khổ đau của con người để thấu rõ nó, có thấu rõ nó, chúng ta mới cố gắng ngăn chặn diệt trừ và đoạn dứt.

Vậy Tập Đế là gì?

Chữ Tập có nghĩa là nơi tập hợp mọi sự đau khổ, phiền não của con người, Tập còn có nghĩa là nơi chứa nhóm, dồn thêm mỗi ngày một nhiều hơn.

Chữ Đế có nghĩa là sự thật, đúng đắn không sai. Tập Đế là một nguyên nhân của mọi sự khổ đau đã chứa nhóm và tích trữ lâu đời nhiều kiếp trong mỗi chúng sanh. Nói một cách khác hơn đó là cội gốc sanh tử luân hồi của loài người.

Cội nguồn sanh ra mọi sự đau khổ phiền não của con người gồm có 10 phiền não gốc là:

1/ Tham: Có nghĩa là lòng tham lam như Hoà Thượng Thiện Hoa dạy: “Tánh tham có động lực bắt ta phải dòm ngó, theo dõi những cái gì nó ưa thích, như tiền tài, danh vọng, miếng ăn, chỗ ở, v.v... rồi nó xui ta lập mưu nầy, chước nọ để tìm kiếm cho được những thứ ấy. Điều tai hại nhất là lòng tham không đáy, thu góp bao nhiêu cũng không vừa; được một muốn có mười, được mười muốn có trăm. Tham cho mình chưa đủ, và còn tham cho bà con quyến thuộc và xứ sở của mình. Cũng vì tham mà ăn không ngon, ngủ không yên; cũng vì tham mà cha mẹ vợ con xung đột; cũng vì tham mà bè bạn chia lìa; cũng vì tham mà đồng bào trở lại xung đột, xâu xé nhau; cũng vì tham mà chiến tranh tiếp diễn, giết hại không biết bao sanh linh. Tóm lại, cũng vì tham mà nhân loại và chúng sanh chịu không biết bao nhiêu điều thống khổ”.

Lòng tham đã mang đến không riêng cho chúng ta khổ mà còn cả mọi người, không những trong quá khứ, hiện tại mà còn có thể kéo dài trong tương lai nữa.

2/ Sân: Có nghĩa là nóng giận, Hoà Thượng Thiện Hoa dạy: “Khi gặp những cảnh trái ý nghịch lòng, như lòng tham không được toại nguyện, thì sân nổi lên, như một ngọn lửa dữ đốt cháy lòng ta. Thế là mặt mày đỏ tía hay tái xanh, bộ dạng thô bỉ, nói năng hung dữ, có khi dùng đến võ lực hay vũ khí để hạ kẻ làm trái ý, phật lòng mình. Vì nóng giận mà cha mẹ, vợ con, anh em xa lìa, bạn bè ly tán; vì nóng giận mà mọi người trở nên thù địch, nhân loại đua nhau ra chiến trường; vì nóng giận mà kẻ bị tàn tật, người vào khám đường, kẻ mất địa vị, người tan sự nghiệp. Kinh dạy: “Nhất niệm tâm sân khởi, bách vạn chướng môn khai” có nghĩa là một niệm nóng giận nổi lên thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra. Sách xưa dạy: “Nhất tinh chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn”, có nghĩa là một đóm lửa giận, có thể thiêu đốt sạch muôn mẫu rừng công đức. Thật vậy, lửa sân hận đã bùng cháy lên giữa lòng nhân loại và đã đốt thiêu không biết bao nhiêu công lao, sự nghiệp mà con người đã tốn biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới tạo ra được”. Đúng vậy những lời dạy trên đây rất thực tế và cụ thể để nhắc nhở cho những ai còn mang đầy ắp tâm sân hận là một nỗi khổ đau tận cùng của kiếp người khi tâm sân khởi ngút ngàn.

3/ Si: Có nghĩa là si mê, mờ ám, biết không rõ, không chính xác, không đúng, Hoà Thượng Thiện Hoa dạy: “Si như là một tấm màn dày đặc, đen tối trùm lên trí tuệ của ta, làm cho ta không thể nhìn thấy được sự thật, phán đoán được cái hay cái dở, cái tốt, cái xấu. Do đó ta gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi, làm hại mình hại người mà không hay. Vì si mà lòng tham trở thành không đáy, bởi vì nếu người sáng suốt thấy cái tai hại của lòng tham, thì người ta đã kiềm hãm được một phần nào tánh tham. Vì ngu si mà lửa giận bùng cháy; nếu người sáng suốt biết cái tai hại của lửa sân thì không để cho nó hoành hành như thế. Người xưa dạy: “Bất úy tham sân khởi, duy khùng tự giác tri”. Có nghĩa là không sợ tâm tham và sân, mà chỉ sợ tâm si mê. Nếu tâm tham sân nổi lên mà có trí tuệ sáng suốt ngăn chặn lại, thì lòng tham sân phải bị dập tắt, không còn làm gì được cả. Cho nên Đạo Phật lấy trí tuệ làm đầu, nếu đã có trí tuệ sáng suốt thì lòng tham sân không thể tồn tại được cũng như khi đã có ánh sáng mặt trời lên thì bóng tối tất nhiên phải tan biến”.

“Đức Phật thường gọi tham, sân, si là ba độc, nó thường làm đau khổ chúng sanh và phải chịu nhiều kiếp sanh tử luân hồi, đọa vào ba cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh”.

4/ Mạn: Có nghĩa là ngã mạn, kiêu căng, tự đắc. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: “Là nâng cao mình lên và hạ người khác xuống; tự thấy mình là quan trọng mà khinh rẻ mọi người; ý mình có tiền của tài trí, có học thức, có cấp bằng Cao học như Tiến sĩ hay có quyền thế mà sanh tâm dương dương tự đắc, mục hạ vô nhân, khinh người già cả, hỗn láo với người đức hạnh, chà đạp người dưới, lấn lướt người trên.

Vì lòng ngã mạn tự kiêu tự đại cho mình là hơn hết nên chẳng chịu học hỏi thêm những điều hay lẽ phải. Do đó làm nhiều điều lầm lẫn sai quấy, gây ra bao nhiêu tội ác, phước lành tổn giảm, tội lỗi càng tăng, cho nên phải chịu sanh tử luân hồi muôn đời ngàn kiếp.

- Mạn có bảy thứ:

- a) Mạn: Nghĩ mình hơn người.
- b) Ngã mạn: Ý mình hay giỏi mà lấn lướt người.
- c) Quá mạn: Mình bằng người mà cho là hơn người, người hơn mình mà cho là bằng.
- d) Mạn quá mạn: Người hơn mình nhiều mà cho mình hơn người.
- e) Tăng thượng mạn: Chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng.
- f) Ty liệt mạn: Mình thua người nhiều mà nói mình thua ít.
- g) Tà mạn: Người tu về tà mạn được chút ít thần thông, hoặc hiểu biết đôi chút việc quá khứ, vị lai, rồi khinh lướt người khác xem trời đất không còn ai”.

5/ Nghi: Có nghĩa là lòng nghi ngờ, ngờ vực, không tin. Hoà Thượng Thiện Hoa dạy: “Người nghi ngờ không làm được việc gì hết. Đối với người thân trong gia đình, họ không tin cậy giao phó công việc; đối với bạn bè, họ nghi ngờ tất cả mọi thiện chí. Ngay đối với họ, họ cũng không tự tin nữa. Đã không tự tin, họ còn gây hoang mang cho người chung quanh, làm cho người ta ngã lòng thối chí”.

Đối với đạo lý chân chánh như Đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản giải thoát tuyệt vời mà họ cũng không tin, nhưng họ lại tin theo tà giáo và những pháp môn mê tín, trừu tượng của kinh sách phát triển.

- Trong sự nghi ngờ có ba phương diện:

a) Tự nghi: Có nghĩa là nghi mình. Chẳng hạn như đọc kinh sách Đức Phật dạy: “Tu hành sẽ được giải thoát”, nhưng lại tự nghĩ rằng: “Chẳng biết mình tu có được không?” Vì lòng do dự nghi ngờ ấy, nên không chịu tu hành.

b) Nghi pháp: Có nghĩa là nghi phương pháp mình đang tu. Chẳng hạn như nghe kinh Tứ Chánh Cần dạy: “Ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp” thì sẽ được giải thoát ngay liền hay như trong kinh Pháp Cú dạy: “Chư ác mạc tác. Chúng thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý. Thị chư Phật Giáo”. Do sự nghi ngờ lời dạy này không biết kết quả có đúng hay không? Nên không tu tập.

c) Nghi nhân: Có nghĩa là nghi người dạy mình, không tin ông Thầy dạy mình, nghi pháp mình đang tu không đúng là chánh pháp của Phật. Khi chính pháp của Phật dạy mà mình nghi là không phải pháp của Phật thì đó là mình đã đánh mất pháp chân chánh. Còn Thầy dạy mình tu học mà mình nghi Thầy mình là mình đã bị đứt đầu, không còn cách nào cứu chữa được. Ở tại tu viện Chơn Như chúng tôi có một số đệ tử ham mê thần thông, nhưng chúng tôi không thể hiện thần thông, nên chúng mất niềm tin và không theo tu tập với chúng tôi nữa. Mục đích tu viện của chúng tôi hướng dẫn tu tập xả tâm ly tham đoạn diệt các ác pháp để đạt được tâm giải thoát không còn phiền não, khổ đau, không còn tham sân, si, mạn, nghi nữa, giúp cho con người có một đời sống đạo đức không làm khổ mình khổ người, đây là hạnh phúc giải thoát chứ không phải ngồi thiền nhập định năm bảy ngày hoặc kiến tánh thành Phật, hoặc tụng kinh niệm chú cho có thần thông phép lạ hoặc niệm Phật cầu vãng sanh Cực lạc Tây phương, v.v... Ở đây, chúng tôi dạy đúng theo đường lối tu tập của Đạo Phật là hằng ngày không có tụng niệm lần chuỗi ngồi thiền ức chế tâm, mà chỉ có sống đúng giới luật và theo như những lời dạy trong kinh Tăng Chi tập 3 trang 30: “Ở đây này các Hiền giả, Tỳ Kheo ưa công việc, thích thú công việc; ưa nói chuyện, thích thú nói chuyện; ưa ngủ nghỉ, thích thú ngủ nghỉ, chuyên tâm ưa thích ngủ nghỉ; ưa hội chúng, thích thú hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng, ưa liên lạc giao thiệp, thích thú liên lạc giao thiệp, chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; ưa hý luận, thích thú hý luận, chuyên tâm thích hý luận. Như vậy, này các Hiền giả, Tỳ Kheo sống nếp sống như vậy, khi lâm chung không được hiện thiện, khi mệnh chung không được hiện thiện. Này các Hiền giả, đây gọi là Tỳ Kheo ái lạc có thân, không từ bỏ có thân để chân chánh chấm dứt khổ đau”. Đây là lời dạy chân chánh của Đức Phật, muốn tu theo Đạo

Phật thì phải tu đúng pháp, sống đúng pháp như lời dạy thì mới có sự giải thoát, còn tổ chức gia đình Phật tử này Đạo tràng nọ thì chỉ là một hình thức Phật Giáo Đại Thừa, chứ tu tập chẳng có kết quả gì chỉ là một trò giải trí lành mạnh như bao nhiêu trò giải trí lành mạnh khác của xã hội, đó là những người đi tìm ái lạc của thân vì họ là những người dư thừa thời gian không biết làm gì cho hết tuổi đời. Nếu không từ bỏ những trò giải trí này thì không bao giờ chân chánh chấm dứt sự khổ đau. Nếu quý vị không tin lời chúng tôi nói thì nên đọc lại đoạn kinh trên rồi suy ngẫm và xét lại từ xưa đến nay biết bao nhiêu Đạo tràng và gia đình Phật tử họ đã được giải thoát những gì với con đường giải thoát này. Đối với Đạo Phật thời gian sinh hoạt của quý vị rất là uổng phí khi: “Được thân người là khó”, nên Đức Phật đã nhắc nhở:

“Tắc bóng thời gian một tắc vàng Tắc vàng tìm được không gì khó, Tắc bóng thời gian khó hồi han”.

Thế mà quý vị sinh hoạt như vậy gọi là tu, tu như vậy có giải thoát được không? Quý vị cứ nhìn lại bản thân của quý vị thì quý vị sẽ thấy, nếu chúng tôi nói thẳng thừng thì quý vị không ưa chúng tôi, nhiều khi chúng tôi thấy quý vị như một con cò dùng để cho người khác sử dụng nước cò tôn giáo, chứ quý vị tu như vậy dù tu một triệu năm nữa cũng chưa thấy và hiểu biết sự giải thoát như thế nào?

Chúng tôi dạy đúng như lời Phật dạy cấm không cho tu sĩ và cư sĩ tập hợp nói chuyện thì họ không thích, họ muốn tu tập theo kiểu Đại Thừa, sinh hoạt như các Đạo tràng và các gia đình Phật tử, họ khoái hội họp, thích vui chơi, thích nói chuyện, thích ca hát, ngâm thơ, thích tụng kinh niệm Phật.

Chỗ tu hành của chúng tôi là chỗ tu tìm sự giải thoát, làm chủ bốn sự đau khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết và chủ động đi vào con đường hoá sanh, chứ không chấp nhận chịu bó tay sanh nơi dâm dục bất tịnh, ô trược, bẩn thỉu, hôi thúi và khổ đau. Vì thế, ai muốn tu được thì hãy sống đúng như lời Đức Phật đã dạy, như chúng tôi đã dạy, nếu không sống được thì đừng nên theo Đạo Phật tu hành, chẳng có ích lợi gì mà còn làm cho kẻ khác phỉ báng Phật Giáo.

Đạo Phật không cầu mong có nhiều người tu mà phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới, vô đạo đức làm người, làm Thánh tà chỉ cần ít người hay một người tu đúng pháp có giới đức hần hoi, có một đời sống phạm hạnh của bậc Thánh Tăng thì Phật Giáo mới còn rực rỡ trên thế gian này, dù chỉ có một người còn hơn đi đâu cũng gặp tu sĩ và cư sĩ mà đời chẳng đời, đạo chẳng đạo, họ sống với những nghề

nghiệp lừa đảo thiên hạ thật là đau lòng cho Phật Giáo ngày nay. Giữa ban ngày thấp đuốc lên đi tìm một bậc giới đức khắp trên thế gian này không bao giờ có, toàn là những tu sĩ và cư sĩ phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới, v.v...

Nếu quý vị thấy sống không kham nổi trong giới luật của Phật, thì quý vị đi tu làm gì, để phạm giới, phá giới như vậy, có ích lợi gì cho quý vị và cho người khác, nếu quý vị sống không kham, thì quý vị ra đời mà sống, sống trong chùa mà bày ra những trò mê tín, dị đoan, cúng bái, tế lễ, xin xăm bói quẻ, v.v... đó là đi ngược lại Phật Giáo, cũng như quý vị thuyết giảng hý luận trừu tượng mơ hồ bằng lối chơi chữ để lừa đảo những người nhẹ dạ dễ tin để cầu được sự cúng dường.

Tóm lại, quý vị muốn tu theo Đạo Phật thì quý vị phải nghiên cứu Phật Giáo cho kỹ, nếu thấy chúng tôi dạy đúng thì xin vào tu, còn nếu thấy chúng tôi dạy không đúng thì quý vị đừng xin vào tu thử, vì sự tu thử sẽ làm quý vị phí thì giờ vô ích mà còn sanh tâm nghi ngờ chánh pháp của Phật, tạo thêm tội lỗi như quý thầy: Thầy Chơn Đức, Thầy Từ Minh, Thầy Minh Tông, Thầy Thiện Thiện, v.v... họ đã trở thành những người đệ tử bất nghĩa muôn đời ngàn đời để lại tiếng đời không tốt cho mai sau.

Tánh nghi ngờ làm cản trở sự tiến triển tu hành cũng như những sự việc khác, làm ngăn ngại mọi công tác hữu ích cho mình cho xã hội và cũng vì tâm nghi ngờ khiến cho cuộc đời không vượt khỏi cảnh tối tăm khổ sở.

6/ Thân kiến: Có nghĩa là vì không rõ nên lầm chấp thân ngũ uẩn tứ đại giả hợp này cho là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy về thân kiến: “Vì cái chấp sai lầm ấy, nên thấy có một cái ta riêng biệt, chắc thật không biến đổi, thấy cái ta ấy là riêng của ta, không dính dấp đến người khác, và xem nó là một thứ rất quý báu. Vì tưởng lầm như vậy, nên kiếm món ngon vật lạ cho ta ăn, may sắm quần áo tốt đẹp cho ta mặc, lo xây dựng nhà cao cửa rộng, chùa to Phật lớn v.v... cho ta ở, thâm góp thật nhiều của cải, đất ruộng để dành cho ta dùng, kiếm công danh chức tước, địa vị cho ta hãnh diện với mọi người. Do sự quý chuộng cung phụng cho cái ta ấy, biến Phật Giáo thành tà giáo mê tín; gây mê muội và lạc hậu. do sự quý chuộng cung phụng cho cái ta ấy mà tạo ra lắm điều tội lỗi, chà đạp lên bao nhiêu cái ta khác, làm cho họ đau khổ vì ta. Và thế giới trở thành một bãi chiến trường cũng vì cái ta”.

Chúng ta hằng ngày chịu nhiều đau khổ cũng chính vì Thân kiến tức là cái kiến chấp về thân. Nó là một trong bảy kiết sử trói buộc và sai sử chúng ta như một tên

nô lệ rất khó mà dứt bỏ, nếu không có pháp như lý tác ý của Đức Phật dạy thì khó có pháp nào diệt thân kiết sử này được, nếu hằng ngày chúng ta không siêng tu pháp như lý tác ý thì chẳng bao giờ chúng ta dứt được sợi dây thân kiết sử này, cho nên Đức Phật thường nhắc đi nhắc lại câu pháp hướng này: “Thân này không phải là ta, không phải của ta, không phải bản ngã của ta”. Câu này quý vị nên nhớ mà hướng tâm hằng ngày đừng nên biếng trễ và xem thường, đó là lời tâm huyết mà Đức Phật đã dạy cho chúng ta vì thương tưởng chúng ta vô minh mà lầm chấp thân kiến chịu khổ muôn đời.

7/ Biên kiến: Có nghĩa là chấp một bên, nghiêng về một phía, đó là những thành kiến rất cực đoan. Biên kiến có nhiều lỗi chấp sai lầm lớn nhất là:

a) Thường kiến: Có nghĩa là một loại luận thuyết mơ hồ trừu tượng, cho rằng người chết còn linh hồn, cho rằng có thế giới siêu hình, có bản thể vũ trụ, có tiểu ngã, đại ngã, có thần thức, có Phật tánh, có Thiên đàng, có địa ngục, có Ngọc Hoàng Thượng Đế, có Chúa Trời, có Thần, quỷ, ma, v.v..

Những người chấp thường kiến là những con người thường sống trong mê tín, lạc hậu, sống trong mộng tưởng, xây dựng cảnh giới siêu hình thường cầu cúng lễ bái và ước vọng làm những điều thiện để khi chết được sanh lên Cực lạc, Thiên đàng của cõi Trời, cõi Niết bàn hay cảnh giới chư Phật, Thiên Tôn, Mật Tông đều thuộc về thường kiến

b) Đoạn kiến: Đoạn kiến là một loại luận thuyết chết cứng, khô cằn, chết là hết không còn gì cả, loại luận thuyết này, khiến cho con người mất hết niềm hy vọng về tương lai. Cho nên người ta đặt ra câu hỏi: “Tương lai không có thì hiện giờ làm để làm gì? Ngày mai chết là hết, vì vậy con người chấp đoạn kiến thì làm bao nhiêu ăn bấy nhiêu chẳng còn biết nghĩ đến ai cả, sống chỉ quay cuồng trong dục lạc, ăn uống vui chơi trụy lạc, xì ke, ma túy, rượu chè bê bối, sống theo kiểu hiện sinh không có ngày mai. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: “Đối với hạng người chấp đoạn kiến, thì hễ tắt thở là không còn gì tồn tại nữa; tội cũng không mà phước lại cũng chẳng có. Họ không tin nhân quả luân hồi, nên mặc tình làm các điều tội lỗi. Họ tự bảo: **“Tu nhân tích đức già đời cũng chết; hung hăng bạo ngược tắt thở cũng không còn”**”.

Vì chấp đoạn kiến, có người đứng trước cảnh thất tình, thất vọng, hoặc gặp cảnh buồn lòng nghịch ý, tưởng rằng chết là hết đau khổ, là giải thoát tất cả khổ, nên họ không ngần ngại mượn chén thuốc độc, hay dòng sông sâu hoặc sợi dây

oan trái để kết liễu đời mình. Họ đâu có ngờ rằng chết rồi vẫn chưa hết! Họ đâu biết rằng luật nhân quả nghiệp báo là một vật thường hằng bất biến của môi trường sống, ngoài những hành động ác thiện của loài động vật ra khi chết, không có gì còn lại cả. Chính vì những hành động của loài động vật là một tác nhân tạo ra nghiệp, cho nên Đức Phật dạy: “Nghiệp là cha đẻ ra con người, con người là thừa tự nghiệp”. Như thế làm sao gọi là đoạn kiến. Khi chết trong ác nghiệp khổ đau thì nghiệp khổ đau ấy vẫn phải tiếp tục tái sinh trong nghiệp nhân quả đau khổ kế tiếp.

Người chấp đoạn kiến là những người không thông suốt môi trường sống hợp duyên của các pháp. Trong môi trường sống này không có một vật gì sanh ra mà đơn điệu toàn là các pháp hợp lại tạo thành.

Ví dụ 1: Không thể có một người đàn ông cũng như một người đàn bà đơn điệu tự một mình sanh ra con được, mà phải có hai người nam nữ lấy nhau tạo duyên ngũ uẩn hòa hợp mới thành ra con người.

Ví dụ 2: Không thể lấy một cây cột, lấy một tấm tôn, một miếng vách mà bảo rằng vật đó là cái nhà được, một cái nhà phải có các vật hợp lại như: cột, kèo, vách, tôn, cửa lớn, cửa nhỏ rồi tạo dựng ra cái nhà. Đó là các pháp trong môi trường sống này đều do duyên hợp mà thành, nhưng bảo rằng khi hoại diệt thì không còn gì hết là sai (đoạn kiến) mà bảo rằng còn thì cũng sai (thường kiến), đó là hai cái sai của những lý luận này.

c) Vừa thường vừa đoạn kiến: Có một luận thuyết cho rằng các pháp trong thế gian này vừa có vừa không như Ngài Long Thọ: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”, đó là lối lý luận trườn uốn như con lươn, để rồi Ngài đẻ ra trí tuệ Bát Nhã Chơn Không thành ra thường kiến, cuối cùng Ngài cũng như các nhà thường kiến khác, nhưng giỏi khéo lý luận để che mắt thiên hạ, chứ kỳ thực Chơn Không của Ngài đâu có khác gì thần thức, linh hồn, đại ngã, Phật tánh, bản thể vạn hữu, chỉ có khác là danh từ mà thôi.

Do những lý luận này đã biến những tu sĩ Phật Giáo thành những nạn nhân, bỏ biết bao nhiêu công lao sức lực tu hành, cuối cùng chẳng ra gì, khổ đau cũng hoàn khổ đau, chẳng có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết cả.

8/ Kiến thủ: Có nghĩa là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình có ba trường hợp:

a) Kiến thủ vì ảnh hưởng tư tưởng của người khác. Khi học hiểu một điều gì do lý luận của các nhà tư tưởng như tưởng Chơn Không, Phật Tánh, v.v... Cũng như thấy những hiện tượng nhập đồng nhập cốt do cô cậu hoặc linh hồn người chết oan nhập vào nói đầu trúng đó, rồi cho đó có linh hồn người chết, có thể giới siêu hình rồi chấp chặt ai nói gì cũng không tin. Không ngờ thế giới siêu hình là do tưởng uẩn tạo thành chứ không có thế giới siêu hình thật sự. Do sự chấp chặt này họ phải chịu thiệt thòi nhiều mặt về sự tu hành cũng như về đời sống.

b) Kiến thủ vì không ý thức được sự sai lầm của mình. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: “Hành vi của mình sai quấy, ý kiến của mình sai lầm, nhưng vì không đủ trí sáng suốt để nhận thấy, nên cứ bảo thủ hành vi, ý kiến của mình, tự cho mình là hay là giỏi, ai nói gì cũng chẳng nghe”.

c) Kiến thủ vì tự ái hay vì ngoan cố cứng đầu. Biết mình làm như thế là sai, nói như vậy là không đúng, lỡ lời, nhưng vì tự ái cứ bảo thủ cái sai, cái không đúng của mình, không chịu thay đổi, không chịu sám hối, xin lỗi, không chịu từ bỏ, xa lìa.

Ví dụ: Như trước kia ông bà đã lỡ theo tà giáo, ngoại đạo, nay con cháu vẫn biết đó là tà giáo nhưng cứ theo mãi không dám bỏ, cho đó là tôn giáo truyền thống của tổ tiên, ông bà để lại không được bỏ, mặc tôn giáo đó dạy những điều phi đạo đức, phi nhân quả, thường dạy những điều cầu cúng, mê tín, lạc hậu, v.v... Có người còn nói một cách liêu lĩnh, ngu si: “Xưa sao nay vậy” hay “Xưa bày nay làm”. Cũng như cha mẹ trước là nghề nghiệp ác chài lưới, săn bắn hoặc làm nghề đồ tể, bán thịt sống, thịt chết, mại dâm, bán rượu, thuốc phiện, xì ke ma túy, bài bạc đề đóm đỏ đen cá cược v.v... đó là những nghề ác độc tội lỗi, đến con cháu vẫn cứ bảo thủ nghề ấy, không chịu thay đổi nghề khác.

Nhìn rộng ra xã hội bên ngoài, có một số đông người, mặc dù thời đại của chúng ta hiện giờ, con người đã có nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật hiện đại hóa đời sống, thế mà người ta cứ vẫn giữ lại những lề lối cổ tục hủ bại, hể trong nhà có người chết là giết heo bò để cúng kiến, rước thầy chùa tụng kinh để cầu siêu linh hồn trong khi ông thầy tụng chưa độ được ông siêu, mà ông đi cầu siêu cho kẻ khác thì việc làm đó là một điều ngu si, khi đưa đám tang thì rải giấy tiền vàng mã; mỗi khi tuần tự hay giỗ kỵ thì lại đốt giấy tiền vàng mã và quần áo kho đụn phước xá. Hằng năm cứ vào ngày rằm tháng ba âm lịch thì Ban Tế Tự tập hợp dân chúng làm lễ kỳ an cúng tế tà Thần, ác quỷ, v.v... Làng xã chấp chặt

những hủ tục mê tín lạc hậu như thế mà còn cho đó là “Văn hóa truyền thống của dân tộc” không được bỏ. Những việc làm đó đều thuộc về kiến thủ.

9/ Giới cấm thủ: Có nghĩa là làm theo, sống theo giới cấm của ngoại đạo, tà giáo, những giới cấm của tà giáo ngoại đạo này phần nhiều vô lý phi đạo đức, mê muội, dã man, v.v... Những giới cấm này khiến cho con người bất hiểu và tự làm khổ mình. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: “Các giáo phái ngoại đạo ở Ấn Độ lấy đá dẫn bụng, đứng một chân giữa trời nắng, nằm trên chỗ bắn thiu, leo lên cao nhảy xuống, gieo mình vào lửa, nhảy xuống sông trảm mình chịu lạnh lẽo để được phước, chặt hoặc đốt một long tay, có người chặt nguyên một cánh tay để cầu pháp.

Những thứ cuồng tín như thế, không làm cho cuộc đời sáng sủa, mà còn làm cho đen tối và khổ đau thêm”.

Giới cấm thủ này chúng ta thấy trong kinh Pháp Hoa Phẩm Tựa dạy cúng dường thân mạng hoặc một phần thân mạng để cầu pháp giải thoát, khiến cho những người cuồng tín chặt hoặc đốt ngón tay, hủy hoại cơ thể của mình không tật nguyên mà thành tật nguyên, không khổ mà làm thêm khổ, đó là giới cấm thủ hay còn gọi là những giáo điều của ngoại đạo.

10/ Tà kiến: Có nghĩa là chấp chặt theo lối không chân chánh, trái với sự thật, trái với luật nhân quả, phi đạo đức như trong kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn, Bồ Tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn chúng sanh, đó là tà kiến phi đạo đức, phi nhân quả, mê tín. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: ***“Nói một cách khác, tà kiến nghĩa là mê tín, dị đoan, như thờ đầu trâu, đầu cọp, bình vôi, ông táo, xin xăm, bói quẻ, buộc tôm đeo niệt, coi sao, cúng hạn, v.v...”***

Nói rộng ra bốn món chấp trên đều thuộc về tà kiến cả. Nghĩa là trên đời này cái gì ý thức không hiểu được mà dùng tưởng thức để hiểu, hiểu như vậy là hiểu một cách mơ hồ, trừu tượng, không rõ ràng, không thực tế, không cụ thể đều được gọi là tà kiến.

Khi tu Định Vô Lậu câu hữu với Tập Đế thì chúng ta sống trong thực tế, cái gì ý thức hiểu biết cụ thể thực tế còn hoàn toàn ngoài ra không tin một cái gì cả, phần nhiều người ta thường hay sống trong tưởng thức nên người ta phải chịu khổ.

Ví dụ: Người ta chửi mình đồ chó, trâu mình tưởng ra mình là chó trâu, nên mình sanh tức giận chửi mắng lại họ, cũng như người ta chửi mình: “Tao đào mồ

mả cha mày lên”, mình tưởng rằng họ đào mồ mả cha mình chứ sự thật họ đâu có đào, thế mà mình sống trong tưởng rồi sanh ra tức giận chửi mắng đánh với nhau, khiến làm khổ cho nhau, thật là tà kiến điên đảo và sống không thực tế, tạo cảnh mình khổ người khác khổ chẳng có ích lợi gì cả.

Ví dụ: Người ta chửi mình là đồ ăn cắp, ăn trộm mình tự ái sợ người khác không hiểu mình, sanh ra nghi ngờ mình ăn cắp, ăn trộm thì xấu hổ, cái tự ái sợ hãi người ta nghi ngờ mình nên mình tức giận và buồn khổ trong lòng mãi mãi, đó là mình sống trong tưởng, chứ sự thật mình có ăn trộm ăn cắp đâu mà sợ. Con người ở đời thường sống trong tưởng tức là sống trong tà kiến nên luôn luôn chịu khổ đau tức giận sanh ra thù hận không nguôi, tạo ra nhiều điều ác đức tội lỗi, rồi lại còn tiếp tục bằng cách trả thù, trả oán cho đã cơn giận.

Cho nên khi chúng ta biết áp dụng Định Vô Lậu kết hợp với Tập Đế thì chúng ta không còn sống trong tưởng, nói cách khác là chúng ta không còn sống trong tà kiến.



CHÂN LÝ THỨ BA “DIỆT ĐẾ”

Trước khi muốn quán xét Diệt Đế để thực hiện Định Vô Lậu thì chúng ta phải hiểu Diệt Đế là gì?

Diệt tức là tiêu diệt, trừ diệt, diệt ở đây tức là diệt lòng tham muốn của mình và diệt các ác pháp.

Để có nghĩa là lý lẽ chắc thật, đúng đắn do trí tuệ sáng suốt soi thấu một cách rõ ràng không có mờ昧, trừu tượng, ảo tưởng bằng tưởng tri.

Diệt Đế là một trạng thái tâm đã đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp, người sống trong trạng thái này được xem là đã giải thoát hoàn toàn tức là người đã làm chủ sự sống chết của mình, người làm chủ sự sống chết của mình là người hạnh phúc nhất trên thế gian này.

Người ta thường bảo Diệt Đế là Niết Bàn như thế này, như thế nọ, đó là tưởng tri của các nhà học giả, nhất là các nhà học giả Đại Thừa thì lại bịa ra đủ loại Niết Bàn!

Diệt Đế, không phải là một cảnh giới siêu hình như các nhà Đại Thừa thường tưởng tượng và cho đó là nơi chư Phật thường trú. Nếu một người đoạn diệt lòng

tham muốn và các ác pháp thì cuộc sống của họ là Niết Bàn, chứ không phải ở nơi đâu cả.

Đức Phật gọi Diệt Đế là một chơn lý thật sự, một trạng thái tâm lý thật sự không còn khổ đau của kiếp người, chứ không giống như các nhà Đại Thừa và Thiên Đông Độ xây dựng những cảnh giới Niết Bàn mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, những loại Niết Bàn này không được gọi là chân lý, vì nó là những cảnh giới tưởng tượng của con người, cho nên nó không thật có, chỉ duy nhất có Diệt Đế của Đạo Phật mới được gọi là chơn lý của loài người mà thôi vì nó có thật.

Khi chúng ta quán xét Diệt Đế rõ thấu trạng thái thật sự giải thoát của Đạo Phật là chỗ đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp. Rõ thấu được như vậy chúng ta mới có phương hướng nhắm vào từng giây, từng phút đẩy lui toàn bộ lòng tham muốn và các ác pháp trong ta. Khi đẩy lui lòng tham muốn và các ác pháp trong ta thì đó là Diệt Đế; thì đó là chúng ta đã đạt được chơn lý của kiếp sống làm người.

Chơn lý của kiếp sống con người không phải là thần thông phép thuật, thế mà người đời nói đến tu hành là nói đến thần thông phép thuật, thần thông phép thuật chỉ là một điều huyền hóa lừa đảo thiên hạ bằng cách làm trò ảo thuật hoặc nói láo truyền miệng, mà Ngài Thường Chiếu nói: “Một con chó sủa một bầy chó sủa theo”. Dù nếu có thần thông thật sự đi nữa thì đó cũng chỉ là một trò ảo thuật giải trí cho những người thừa thì giờ nhàn rỗi, chứ chẳng ích lợi gì cho loài người trên hành tinh này. Từ xưa đến nay, chúng ta đã từng nghe tin tức qua báo chí hoặc phim ảnh có nhiều đạo sĩ tu tập rất vất vả, nhưng lại thị hiện làm trò ảo thuật cho mọi người xem chơi, tạo danh cho cá nhân của mình, lợi dụng lòng ham mê thần thông của con người, nên mở ra rất nhiều thiền đường, giảng đường để lừa đảo thiên hạ làm hao tổn biết bao nhiêu tiền của và công sức của mọi người nhưng nhìn lại có ích lợi gì cho ai đâu.

Niết Bàn của Phật Giáo chân thật như vậy, với trí hữu hạn của chúng ta đều nhận biết rõ ràng thực tế và cụ thể, không có một sự tưởng tượng nào trong trạng thái này. Vì Chân lý của Đạo Phật rất thực tế trong đời sống của chúng tôi, nên chúng tôi chọn Đạo Phật, lấy Đạo Phật làm những bài học để xây dựng cho mình trở thành những con người có một đạo đức không làm khổ mình khổ người và như vậy có lợi ích cho mình và cho người, đó là nguyện vọng của chúng tôi khi đến với Đạo Phật và tu tập Định Vô Lậu câu hữu Diệt Đế.

Diệt Đế là một chân lý thật sự, có thật, mà con người thực hiện được, làm được, sống được chứ không phải là một lý luận suông, như những lý luận của các tôn giáo và các tông phái khác.



CHÂN LÝ THỨ TƯ “ĐẠO ĐẾ”

Tu tập quán xét Định Vô Lậu câu hữu với Đạo Đế tức là chúng ta tư duy quán xét về Đạo Đế. Đạo Đế là một chơn lý thứ tư của Đạo Phật. Vậy Đạo Đế là gì?

Đạo có nghĩa là con đường đi, đạo có nghĩa là phương pháp cách thức tu tập rèn luyện trau dồi để tu sửa lại thân tâm con người, vì thân tâm con người thường hành động theo lòng ham muốn tạo ra biết bao nhiêu là sự lầm lạc, sai quấy khiến cho mình khổ người khác khổ và tất cả chúng sinh đều đau khổ.

Đế có nghĩa là sự thật, chơn thật, không sai, đúng như thật, không dối gạt không lừa đảo.

Đạo Đế là phương pháp dạy người tu hành có kết quả giải thoát thật sự. Đạo Đế là phương pháp tu sửa, rèn luyện thân tâm con người có đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người chân thật. Biến cảnh sống thế gian thành cảnh giới Thiên đàng Cực lạc; Đạo Đế còn là phương pháp tu tập có đủ tâm lực tỉnh thức làm chủ sanh, già, bệnh, chết thật sự.

Đạo Đế là một chân lý thật sự đúng đắn không dối gạt, không lừa đảo người, mọi người nếu ai có nhiệt tâm muốn thoát ra cảnh khổ của thế gian, với đầy đủ nhiệt tâm nhiệt huyết xả bỏ những ác pháp và xa lìa lòng ham muốn của mình thường đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, cố gắng áp dụng và thực hành như vậy thì đều có kết quả giải thoát như nhau.

Đạo đế là một chương trình giáo dục đào tạo rèn luyện con người để chứng quả vô lậu A La Hán. Một quả vị giải thoát cao nhất trong Đạo Phật (Làm chủ sanh, già, bệnh, chết).

Cho nên Đạo Đế được chia ra làm tám lớp học (phương thức chân chánh) để trau dồi thân tâm, từ lớp thấp đến lớp cao, gọi là Bát Chánh Đạo.

Bát Chánh Đạo gồm có:

1/ Chánh Kiến.

2/ Chánh Tư Duy.

3/ Chánh Ngữ.

4/ Chánh Nghiệp.

5/ Chánh Mạng.

6/ Chánh Tinh Tấn.

7/ Chánh Niệm.

8/ Chánh Định.

Tám lớp (phương thức) này gọi là tám nẻo, tám nẻo này để cho người mới bắt đầu tu tập cho đến khi thành tựu viên mãn đạo giải thoát.

Người mới bắt đầu học tu phải vào lớp Chánh kiến rồi lần lượt theo các lớp mà tiến lên học tất cả những lớp cao hơn mà Đức Phật đã dạy rất đầy đủ những giáo trình tu học trong các bộ kinh Nguyên Thủy về mỗi lớp Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định. Những bài vở nào ở lớp nào rất rõ ràng và cụ thể, nhưng các Tổ kết tập kinh sách làm lộn xộn, nên hiện giờ khó có người hiểu đúng chương trình giáo dục đào tạo A La Hán của Đức Phật.



LỚP THỨ NHẤT: “CHÁNH KIẾN”

Học về lớp Chánh Kiến. Vậy lớp học Chánh kiến như thế nào?

Trước khi muốn học lớp Chánh Kiến thì chúng ta phải hiểu nghĩa chữ Chánh Kiến.

Chánh Kiến có nghĩa là thấy nghe, hay biết một cách ngay thẳng, công minh, chánh trực, rõ ràng, cụ thể, không chủ quan. Sự vật như thế nào thì thấy nghe hiểu biết như thế nấy, không sống trong tưởng tri trừu tượng mê tín, không dựa bên này, không dựa bên kia, không lấy trắng làm đen, không lấy đen làm trắng, không lấy xấu làm tốt, không lấy tốt làm xấu, không lấy dở làm hay, không lấy hay làm dở, không lấy trái làm phải, không lấy phải làm trái. Sự nhận xét thấy biết không bị tập quán, thành kiến, dục vọng. Người có Chánh Kiến luôn luôn biết phân biệt cái nào giả, cái nào thật. Ví dụ, như các nhà học giả họ không phân biệt pháp nào của Phật, pháp nào của Bà La Môn. Vì thế, họ đã bị kinh sách phát triển lừa đảo, tưởng đó là giáo pháp của Đức Phật. Chính chỗ này xác định các nhà học giả và các bậc Thầy Tổ của chúng ta không có Chánh Kiến vì không có Chánh

Kiến nên con người dễ bị các học thuyết và các tôn giáo khác lừa đảo, để rồi suốt một đời chạy theo ảo ảnh mà chẳng có được những gì. Đức Phật hiểu rất rõ điều này, sau khi Ngài chứng đạo, trước kia Ngài chưa có Chánh Kiến nên đã bị các tôn giáo lừa đảo Ngài tu hành gần như muốn chết, cuối cùng Ngài tư duy tất cả giáo pháp của ngoại đạo không đưa con người đến chỗ giải thoát hoàn toàn mà đưa con người đi vào chỗ chết, chỗ thân không khổ đau mà làm cho khổ đau, ví dụ, như quý vị ngồi trên chân kiết già để tu tập thiền tưởng, hai chân đau gần chết mà cố gắng chịu đau, mồ hôi mẹ mồ hôi con đổ ra ướt đầm đìa cả áo, đó là thiếu Chánh Kiến, cho nên Đức Phật dạy chúng ta học về Chánh Kiến đầu tiên, vì Chánh Kiến nên Ngài dạy chúng ta cũng không nên tin ở Ngài mà hãy tin những pháp môn gì mà người trí khen ngợi và thực hiện áp dụng vào đời sống có kết quả an vui thật sự ngay liền cho mình cho người thì hãy tin. “Này Kàlà mà! Chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì theo truyền thống, chớ có tin vì nghe người ta nói (đồn), chớ có tin vì được kinh tạng tuyên tụng, chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường, chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dự kiện, chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình, chớ có tin vì xuất phát nơi có uy quyền, chớ có tin vì bậc Sa Môn là Đạo Sư của mình, v.v...”

Nhưng này các Kàlà mà! Khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này bất thiện, các pháp này có tội lỗi, các pháp này bị người có trí hiểu biết chỉ trích, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau”. Thờ này Kàlà mà! Hãy từ bỏ chúng không nên theo”. Như vậy Đức Phật đã dạy chúng ta về Chánh Kiến có nghĩa là làm lợi ích thật sự cho mình cho người.

Tóm lại, Chánh Kiến tức là thấy nghe hiểu biết mọi sự, mọi việc và mọi vật bằng pháp thiện, nếu có ác pháp xen vào thì không còn là Chánh Kiến nữa, cho nên Chánh Kiến toàn là thiện pháp, người có Chánh Kiến không làm khổ mình khổ người. Thấy, nghe, hiểu biết mà không làm khổ mình khổ người, đó là cái thấy nghe của Chánh Kiến, của Thánh Nhân, chứ không phải của kẻ phàm phu mà thấy nghe hiểu biết như vậy được.

Chúng ta đã hiểu nghĩa Chánh Kiến rồi, vậy bây giờ chúng ta học Chánh Kiến như trong kinh Đức Phật đã dạy: “Này chư Hiền! Khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bản bất thiện, Này chư Hiền! Khi Thánh đệ tử có Chánh Tri Kiến, có Tri Kiến Chánh Trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này”.

Nếu một người hiểu rõ lời dạy này thì tâm bất động trước các pháp, chứ đâu cần phải tu tập gì nhiều. Người ta nói Chánh Tri Kiến thì rất nhiều mà người hiểu và sống trong Chánh Tri Kiến thì chẳng có mấy ai. Tại sao vậy?

Tại vì mọi người đã không hiểu Chánh Tri Kiến bằng thức tri mà lại hiểu Chánh Tri Kiến bằng tưởng tri, cho nên người nào cũng hiểu mà hiểu bằng chữ nghĩa suông để nói vọng ngữ, lừa đảo kẻ khác, vì thế không ích lợi gì cho mình cho người. Câu kinh trên đây dạy có nghĩa là khi Thánh đệ tử nghe, thấy, hiểu biết rõ các pháp ác và nguồn gốc của các pháp ác, thì đó chính là có tri kiến chân chánh, có tri kiến chánh trực, nếu người có Chánh Tri Kiến, có tri kiến chánh trực và đã có lòng tin “Bát Chánh Đạo” tuyệt đối thì người này sẽ ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp thì sẽ có tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự. Lúc nào cũng có tâm hồn an lạc thanh thoi và vô sự, người được như vậy là người giải thoát hoàn toàn.

Ở trên đây, chúng ta mới bước chân vào lớp thứ nhất mà đã thấy được sự giải thoát thiết thực cụ thể như vậy, nếu chúng ta học hiểu và áp dụng vào đời sống luôn cả tám lớp thì thế gian này là Niết Bàn, Cực Lạc.

Như trên đã nói về Chánh kiến để chúng ta hiểu tổng thể của lớp học này, đó là lý thuyết khái lược của giáo trình tu học. Bắt đầu tu học phải theo giáo trình tu học từ thấp đến cao của lớp này chứ không thể nói suông như trên được mà phải bắt đầu thực hành, pháp nào học hiểu phải cần học hiểu; pháp nào tu tập phải cần tu tập, chứ không được nói chung chung như kiểu kinh sách Đại Thừa.

“Này chư Hiền! Thế nào là bất thiện, thế nào là căn bản bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bản thiện”?

Trên đây, Đức Phật nêu ra những câu hỏi để rồi giải thích cho chúng ta hiểu thế nào là thiện và bất thiện, thế nào là nguồn gốc thiện và nguồn gốc bất thiện. Nếu quý vị không học thì làm sao quý vị biết được, mà đã không biết được thì cái sai vẫn cho là cái đúng, cũng như cái đúng vẫn thấy nó là sai, và như thế thì làm sao được gọi là Chánh Kiến? Cầu siêu, cầu an, cúng vong tiền linh cúng sao giải hạn, xem ngày giờ tốt xấu, quý vị đều cho là đúng, nếu không đúng sao quý vị lại vào chùa làm những điều mê tín này? Nếu những việc làm này là đúng thì nó là Chánh Kiến sao? Chánh Kiến gì mà việc làm không rõ, mơ hồ, trừu tượng không cụ thể, không thiết thực. Cũng như người ta gọi Phật Tánh là lấy cái ý thức chẳng niệm thiện niệm ác, để rồi tưởng tượng ra xây dựng thành bản thể Chân Không nhưng lại sợ đồng với cái không, nên mới thêm vào cái diệu hữu để người ta đừng

hiểu nó là không ngờ “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”, nhưng dù luận như thế nào, nó cũng chỉ là tưởng tri hý luận, chứ không có. Vì thế một người chết, ý thức cũng tiêu ma ra cát bụi, bởi vì ngoài thân ngũ uẩn ra, không có cái thức nào khác cả, cho nên thân ngũ uẩn hoại diệt thì thức nào cũng không còn. Cái thấy biết như vậy, không thể nào gọi là Chánh Kiến, đó là Tà Kiến mà ngoại đạo hay lấy bản thể vạn hữu mà luận thuyết như thế này hoặc như thế khác, để xây dựng một thế giới thường hằng bất biến. Chánh Kiến như vậy, không có ích lợi thiết thực, chỉ là một hý luận suông.

Chúng ta từ môi trường sống sanh ra, mà môi trường sống là vật chất phải có trước như: Không khí, thời tiết, mưa gió, đất, đá, gò, nong, núi, sông, rồi rong rêu cỏ cây thảo mộc, kể đó mới vạn vật xuất hiện và như vậy mới gọi là môi trường sống. Khi có môi trường sống thì chỗ đó có cái biết sống, rồi biết đau đớn khổ sở, rồi biết thiện biết ác, như vậy cái biết có sau vật chất.

Ví dụ: Vật chất gồm các tế bào, kết hợp cấu tạo thành một môi trường sống, ở đó chúng chuyên làm một phận sự, như môi trường tế bào sống ở tai thì chúng có nhiệm vụ để nghe, ở mắt để thấy, ở miệng để ăn và nhận biết mùi vị, ở mũi để thở và biết mùi thơm thúi, ở thân thì cảm xúc nóng lạnh, ở ý thì chỉ có biết, cho nên khi môi trường của ý (ý căn) hoại diệt thì cái biết của ý đâu còn, môi trường sống không có thì cái biết cũng không có. Kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ là loại kinh sách tưởng tri xây dựng trên tưởng thức để lừa đảo thiên hạ, chứ tu hành có đi đến đâu chỉ là một trò ảo ảnh huyền hóa, cái thấy biết đó không thể gọi là Chánh Kiến được, mà đó là Tà Kiến, từ xưa đến nay các tôn giáo đều sống trong Tà Kiến này.

Trong kinh Nguyên Thủy Đức Phật dạy: “Nếu còn một chút xíu “Thức” như đất trong móng tay Ta, thì đạo Ta không ra đời vì loài người không giải thoát khổ được”. Như vậy cái thấy biết, có một bản thể thường hằng bất biến là cái thấy biết của Tà Kiến, cái thấy biết không đúng sự thật, cái thấy biết không có thật chỉ là một ảo tưởng của các nhà giàu tưởng tượng, sống trong tưởng.

Đây, chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy về Chánh Kiến: ***“Này chư Hiền! Sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói lười hai chiều là bất thiện, nói lời phù phiếm là bất thiện, nói lời hung ác là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Này chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện. Và này chư Hiền!***

Thế nào là căn bản bất thiện? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện”.

Trên đây, Đức Phật đã chỉ cho chúng ta thấy, có mười pháp ác và ba cội nguồn gốc ác. Hằng ngày mọi sự việc xảy ra, chúng ta đều quan sát nơi thân, thọ, tâm và các pháp, nếu có mười pháp ác xảy ra trên thân, thọ, tâm và các pháp thì chúng ta biết được không? Nếu không học thì chúng ta không biết, còn đã học thì chúng ta đều biết mà biết như vậy có phải là Chánh Kiến không? Đức Phật đã dạy, thấy biết như vậy là Chánh Kiến rõ ràng.

Thưa quý vị! Chánh Kiến có khó biết không? Chắc là không, phải không quý vị? Nhưng quý vị nên lưu ý gốc ác pháp đó là tâm tham, sân, si, tâm tham, sân, si có một nghiệp lực rất mạnh, cho nên dù quý vị đã có Chánh Kiến nhưng quý vị không dừng lại được gốc tham, sân, si thì cái thấy Chánh Kiến của quý vị sẽ thành Tà Kiến.

Ví dụ: Như quý vị biết nói láo là Tà Kiến nhưng vì lực tham thúc đẩy, quý vị sẽ phải nói láo, mà không còn cách nào kèm giữ gìn lại được thành ra phải nói láo, nhưng khi nói ra rồi rất là hối hận, mặc dù nói láo đó không hại ai cả.

Muốn thấy Chánh Kiến và hành đúng Chánh Kiến thì quý vị phải hằng ngày trau dồi pháp hướng tâm để tận trừ nguồn gốc của các ác pháp, “Tâm như cục đất phải lìa tham, sân, si cho thật sạch”. Khi tu tập pháp hướng tâm có hiệu quả thì lúc bấy giờ Chánh Kiến ở đâu thì tâm ly dục ly ác pháp ở đó và ở đó có giải thoát liền, nếu pháp hướng tâm chưa có hiệu quả thì dù có Chánh Kiến biết đúng, nhưng tâm không ly dục ly ác pháp, thì vẫn là Tà Kiến.

Cho nên ai cũng học Chánh Kiến, biết rất rõ thập ác và thập thiện, nhưng mấy ai sống đúng thập thiện và loại trừ thập ác, ai nói Chánh Kiến cũng được, nhưng sống đúng Chánh Kiến thì không ai làm được. Đây là những người đã có Chánh Kiến mà còn sống chưa được, huống là những người còn đang sống trong Tà Kiến như: Mật Tông, Thiền Tông và Tịnh Độ Tông v.v...

- Chánh Kiến có hai giai đoạn tu tập:

1/ Giai đoạn học tập Chánh Kiến để loại trừ Tà Kiến.

2/ Giai đoạn tu tập Chánh Kiến là giai đoạn áp dụng Chánh Kiến vào đời sống hằng ngày bằng Định Vô Lậu và pháp hướng tâm.

Lớp Chánh Kiến học thì thấy dễ nhưng tu tập phải đúng pháp, đúng bài bản giáo trình thì mới có hiệu quả, cho nên chúng tôi nói: “Chỉ khi nào tâm ly dục ly ác pháp thì mới có Chánh Kiến”.

Như trên chúng tôi đã nói, nếu ai biết tu tập pháp hướng tâm để quét sạch nguồn gốc ác pháp tham, sân, si đang ngủ ngầm trong chúng ta, thì phải cố gắng hằng ngày đừng quên nhắc tâm lìa tham, sân, si hoặc tâm như đất, nhờ vậy mới đủ sức lực đoạn trừ tận gốc tham, sân, si. Vậy, chúng ta hằng ngày phải thường tỉnh thức quan sát thân, thọ, tâm và pháp để đẩy lui các ác pháp không cho chúng xâm chiếm bốn chỗ này. Nên Đức Phật dạy: “Này chư Hiền! Khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bản bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bản thiện như vậy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại”. (Trung Bộ Kinh tập 1 trang 113).

Ở đây, quý vị có nghe lời Đức Phật dạy không? Quý vị chỉ cần tu tập có Chánh Tri Kiến là đã diệt tận khổ đau trong hiện tại. Nếu quý vị chỉ cần có Chánh Tri Kiến thì ngay đó, quý vị đã đoạn trừ vô minh, khiến minh sanh khởi, đây là mục đích của Đạo Phật.

Tóm lại, trong lớp Chánh Tri Kiến này, nếu quý vị tin sâu lời dạy của Đức Phật hằng ngày chỉ cần thấy pháp thiện biết ngay liền pháp thiện, thấy pháp ác biết ngay liền pháp ác, đó là Chánh Kiến, và khi gặp pháp ác thì cố gắng đẩy lui khỏi tâm tư của mình để cho tâm hồn lúc nào cũng thanh thản, an vui, và vô sự.

Tóm lại, trong đời sống hằng ngày của chúng ta, nếu biết áp dụng Chánh Tri Kiến như trên đã dạy, thì chắc chắn chúng ta sẽ có một đời sống an vui, hạnh phúc biết bao không những cho mình mà cho cả những người thân thương của mình và xã hội quanh ta, nhưng các bạn nên nhớ: Đó là lớp học cơ bản đầu tiên của Phật Giáo, nó không phải khó và không phải dễ, nếu giới luật không giữ gìn nghiêm túc thì sự tu học của lớp này các bạn sẽ không thành công.



LỚP THỨ HAI: “CHÁNH TƯ DUY”

Lớp thứ hai trong tám lớp của Đạo Đế là lớp Chánh Tư Duy. Vậy Chánh Tư Duy có nghĩa là gì?

Chánh Tư Duy có nghĩa là suy tư, suy ngẫm về mười điều thiện và mười điều ác, do sự tư duy như vậy ta nhất định sống trong mười điều lành và luôn luôn loại trừ mười điều ác, mỗi khi có điều gì khởi lên trong ta, ta tư duy suy ngẫm và hiểu rõ nó thiện hay là ác, nếu là ác pháp thì ngay đó ta liền đẩy lui ra khỏi tâm ta, như trong kinh Song Tầm Đức Phật dạy: “Này chư Tỳ Kheo! Trước khi Ta chưa giác ngộ, chưa thành chánh giác và còn là Bồ Tát, Ta suy nghĩ như sau: “Ta sống suy tư và chia hai suy tầm”, Này chư Tỳ Kheo, phàm có dục tầm nào, sân tầm nào, hại tầm nào, đó là Ta phân làm phần thứ nhất; phàm có ly dục tầm nào, vô sân tầm nào, vô hại tầm nào, đó là Ta phân làm phần thứ hai. Này chư Tỳ Kheo! Rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Khi dục tầm khởi lên Ta tuệ tri: “Dục tầm này khởi lên nơi Ta, và dục tầm này đưa đến tự hại Ta, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, dục tầm này đưa đến diệt trí tuệ, dục phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn (tức là không đưa đến tâm thanh thản an lạc và vô sự cho mình cho người). Này chư Tỳ Kheo! Khi Ta suy tư: “Dục tầm này đưa đến tự hại Ta”, dục tầm tự biến mất. Này chư Tỳ Kheo! Khi Ta suy tư: “Dục tầm đưa đến hại người”, dục tầm tự biến mất. Này chư Tỳ Kheo! Khi Ta suy tư: “Dục tầm đưa đến hại cả hai Ta và người”, dục tầm được biến mất. Này chư Tỳ Kheo, khi Ta suy tư: “Dục tầm diệt trí tuệ, dục phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn”, dục tầm này được biến mất. Này chư Tỳ Kheo! Như vậy Ta cứ Chánh Tư Duy tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn diệt dục tầm” (Trung Bộ Kinh tập 1 trang

262).

Đoạn kinh trên đây, Đức Phật đã dạy chúng ta tu học trong lớp Chánh Tư Duy, nhờ có học, tu tập và sống trong lớp Chánh Tư Duy như vậy chúng ta mới lìa xa gốc tham dục và ác pháp.

Nếu một người quyết tâm tu hành, để cầu giải thoát thì trong lớp Chánh Tư Duy này chúng ta đã tìm được sự giải thoát thật sự đâu cần phải tu pháp nào khác hơn nữa. Phải không hỡi quý vị?

Từ khi thành lập tu viện đến giờ, hầu hết chúng tôi thấy, người tu thời bấy giờ họ không xả tâm, họ biết Chánh Kiến, biết rất rõ pháp nào ác, pháp nào thiện, họ

cũng biết Chánh Tư Duy, biết rất rõ các pháp ác làm khổ mình, khổ người nhưng họ không xả ly mà chỉ ôm ấp trong lòng thù hận, oán ghét... để chịu khổ, thật là đảo điên! Điên đảo! Vậy, họ tu theo Phật để làm gì? Nếu không xả tâm dục và ác pháp.

Mục đích của Đạo Phật chỉ có xả tâm để được giải thoát, nếu họ không xả tâm mà cầu Phật Đạo là cầu cái gì? Cầu thần thông ư? Điều này có lợi ích gì? Cầu về Cực Lạc Tây Phương ư? Mơ hồ trừu tượng quá không thực tế, ích kỷ cá nhân. Cầu kiến tánh thành Phật ư? Điều này cũng quá mơ hồ trừu tượng, chỉ có những người điên đảo, đảo điên thì mới sống trong mơ mộng và ảo tưởng như vậy. Cầu thiền định ư? Thiền định thì ở chỗ Chánh Kiến và Chánh Tư Duy ngoài Chánh Kiến, Chánh Tư Duy thì không có Chánh Thiền Định, đó là tà thiền tà định, mà tà thiền tà định thì có lợi ích gì cho mình cho người đâu.

Đạo Đế là con đường duy nhất tu tập của Đạo Phật, để có Chánh Thiền Định ngoài Đạo Đế ra, không còn có con đường nào khác hơn nữa, để có Chánh Thiền Định, đi đến giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, chỉ là những pháp môn trợ giúp cho Đạo Đế, hay nói một cách khác cho dễ hiểu hơn ba mươi bảy phẩm trợ đạo là giáo trình tu học của Bát Chánh Đạo, nó làm sáng tỏ thêm Đạo Đế, về cách thức thực hành tu tập rèn luyện trau dồi trí tuệ, để sống đúng tám phương pháp này, tám phương pháp này là đạo đức làm Người, làm Thánh của Đạo Phật như: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Vì thế, ba mươi bảy phẩm trợ đạo không phải là Đạo Đế, nếu cho nó là Đạo Đế thì còn gọi nó trợ đạo để làm gì?

Ví dụ 1: Chúng ta lấy Tứ Chánh Cần để tu tập ngăn ác, diệt ác pháp thì Tứ Chánh Cần là pháp môn giúp cho chúng ta thấy rõ các ác pháp, tức là giúp cho chúng ta có Chánh Kiến, giúp chúng ta thấy biết rõ căn gốc của ác pháp, tức là giúp chúng ta có Chánh Tư Duy. Và như vậy, chúng ta tu Tứ Chánh Cần, tức là chúng ta tu tập trí tuệ Chánh Kiến và Chánh Tư Duy hay nói cách khác Tứ Chánh Cần là giáo trình thực tập trên các lớp Chánh Kiến đến lớp Chánh Niệm có những bài vở từ thấp đến cao.

Tứ Chánh Cần, xác định rõ cho chúng ta biết vị trí và phạm sự của Chánh Kiến và Chánh Tư Duy là ngăn ác, diệt ác pháp, có ngăn ác, diệt ác pháp thì mới gọi là

Chánh Kiến và Chánh Tư Duy, nếu không ngăn ác, diệt ác pháp thì không thể nào gọi là Chánh Kiến và Chánh Tư Duy mà phải gọi là Tà Kiến và Tà Tư Duy.

Chánh Kiến và Chánh Tư Duy là lớp để tu tập Tứ Chánh Cần, còn Tứ Chánh Cần là giáo trình thực tập để định nghĩa và làm sáng tỏ cho lớp Chánh Kiến và Chánh Tư Duy trong tu tập.

Ví dụ 2: Chúng ta lấy Tứ Niệm Xứ trên thân, quán thân để tu tập khắc phục tham ưu, thì Tứ Niệm Xứ sẽ giúp cho chúng ta quan sát, hiểu biết rõ bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp, khi có các ác pháp tham ưu sanh khởi, trên bốn chỗ này khiến cho nó bị khổ đau, phiền toái. Như vậy, Tứ Niệm Xứ cũng là giáo trình thực tập để xác định và làm sáng tỏ giúp cho chúng ta có Chánh Kiến và Chánh Tư Duy để ngăn ác và diệt các ác pháp trên bốn chỗ này. Và như vậy, chúng ta tu tập giáo trình Tứ Niệm Xứ, tức là tu tập trí tuệ Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.

Tóm lại, ba mươi bảy phẩm trợ đạo chỉ là những giáo trình tu học làm sáng tỏ cho sự hiểu biết và sự thực hành để chúng ta thực hiện chương trình Bát Chánh Đạo dễ dàng hơn, không có mệt nhọc mà kết quả giải thoát rất cụ thể.

Trên đây, chúng ta tu học lớp thứ hai Chánh Tư Duy, nếu chúng ta theo như lời Đức Phật đã dạy mà tu tập lớp Chánh Tư Duy như vậy thì chắc chắn không những chúng ta mà bất cứ người nào tu tập cũng đều có sự giải thoát như nhau cả, nghĩa là người nào tu theo Đạo Phật đúng con đường Bát Chánh Đạo thì chắc chắn trăm ngàn người đều có kết quả thiết thực cụ thể, tức là giải thoát giống y như nhau.

Kính thưa các bạn! Tu học Bát Chánh Đạo Đức Phật đâu có dạy: tụng kinh, bái sám, ngồi thiền, niệm Phật, niệm chú đánh chuông, gõ mõ, v.v... mà chỉ có sống đúng Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ ...

Bát Chánh Đạo là một chân lý trong bốn chân lý của Đạo Phật và nó chính là chương trình tu học chân chánh của Đạo Phật thì cách thức tu tập phải rõ ràng, cụ thể và thiết thực không thể mơ hồ, trừu tượng, mê tín được. Nếu Bát Chánh Đạo là chương trình giáo dục đào tạo tu học mơ hồ, trừu tượng, ảo giác, huyền hóa thì không được gọi là chương trình giáo dục đào tạo, không được gọi là chân lý.

Cho nên chương trình giáo dục đào tạo, được gọi là chân lý phải là thiết thực, cụ thể, phải hiểu biết bằng tri thức của chúng ta, còn những loại pháp môn trừu

tượng, mơ hồ, ảo giác, với sự hiểu biết bằng tưởng tri thì không được gọi là chân lý như: Triết học Tánh Không, Trí tuệ Bát Nhã, Phật Tánh, v.v... đều không được gọi là chân lý, phần nhiều người ta hiểu về những pháp này bằng tưởng tuệ, chứ không phải trí tuệ, nên các pháp môn này được xem là Tà Kiến ngoại đạo, không phải là của Đạo Phật.



LỚP THỨ BA: “CHÁNH NGŨ”

Chánh Ngũ là lớp thứ ba trong Bát Chánh Đạo. Vậy Chánh Ngũ là gì?

Chánh Ngũ có nghĩa là lời nói chân thật, ngay thẳng, không bao giờ nói sai sự thật, lời nói không thiên vị, không xuyên tạc, không nói chuyện phiếm, chuyện tào lao, không nói đùa, nói chơi, nói giỡn cợt, nói móc hòng, nói mỉa mai, nói to tiếng, nói tranh luận hơn thua, nói xỉ vả, chửi mắng, nạt nộ, la hét, hù dọa, không nói lời làm cho người khác tức giận, không nói lời làm cho người khác buồn phiền khổ đau, không nói xấu người khác, không đặt điều thêm bớt, không đem chuyện người này nói lại với người kia...

Chánh Ngũ còn là lời nói hiền lành lời nói không làm khổ mình khổ người khổ chúng sanh như: Không nói lời giết hại chúng sanh, không nói lời xui khiến người giết hại chúng sanh, không nói lời trộm cắp cướp giựt của người, không nói lời xui khiến người khác trộm cắp cướp giựt của người khác, không nói lời dâm dục, tục tĩu...

Tóm lại, Chánh Ngũ là những lời nói luôn luôn lúc nào cũng ôn tồn, nhã nhặn, dịu dàng, nhẹ nhàng, từ tốn, khiêm cung và lời nói không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

Nếu một mai, chúng ta có lỡ lời nói không Chánh Ngũ, khiến cho mình khổ người khác khổ thì chúng ta nhất định phải từ bỏ, không được dùng lời nói đó nữa, nếu chúng ta còn nói lời đó nữa, là chúng ta không phải con người, vì chúng ta đã học Chánh Ngũ, thế mà chúng ta còn dùng lời nói làm khổ mình khổ người thì chúng ta là con vật, chứ không phải là con người tu hành. Và vì vậy, mỗi khi nói một điều gì thì chúng ta phải tư duy, suy nghĩ cho kỹ rồi mới được nói, như Đức Phật đã dạy: “Này chư Tỳ Kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các Người có thể dùng khi nói với người khác:

1/ Đúng thời hay phi thời.

2/ Chơn thật hay không chơn thật.

3/ Nhu nhuuyến hay thô bạo.

4/ Có lợi ích hay không lợi ích.

5/ Với từ tâm hay với sân tâm.

- Nay chư Tỳ kheo khi nói với người khác, các người có thể nói đúng thời, đừng nói phi thời.

- Nay chư Tỳ Kheo, khi nói với các người khác, các người có thể nói lời chân thật, chứ đừng nói lời không chơn thật.

- Nay chư Tỳ Kheo, khi nói với người khác, các người có thể nói lời nhu nhuuyến chứ đừng nói lời thô bạo...

- Nay chư Tỳ Kheo, khi nói với các người khác, các người có thể nói với từ tâm chứ đừng nói với sân tâm.

Nay chư Tỳ Kheo, ở tại đây, các người cần phải học tập như sau: “Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với một tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ mọi người với tâm câu hữu với lòng từ. Và với mọi người này là đối tượng của ta, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với lòng từ, lòng quảng đại vô biên, không hận, không sân.”

Nay chư Tỳ Kheo, như vậy các người cần phải học tập.”

Trên đây, Đức Phật nhắc nhở chúng ta giữ gìn lời nói, có năm điều kiện để nói, nếu chúng ta giữ gìn đúng lời dạy trên đây. Đó là chúng ta đang tu học lớp Chánh Ngữ.

Chánh Ngữ rất lợi ích cho đời sống của chúng ta, nếu chúng ta biết giữ gìn đúng Chánh Ngữ như trên Đức Phật đã dạy thì chúng ta đã đem lại cho mình cho người một sự an vui, thanh thản giải thoát dù ở bất cứ nơi đâu.



LỚP THỨ TƯ: “CHÁNH NGHIỆP”

Chánh Nghiệp là lớp thứ tư trong Đạo Đế mà chúng ta cần phải sống, học và tu tập hằng ngày trong mỗi hành động thân, miệng và ý của chúng ta.

Chánh Nghiệp là những hành động thiện, hành động không làm đau khổ cho mình, cho người và cho tất cả chúng sanh.

Về thân có ba hành động Chánh Nghiệp như:

1/ Thân không đánh đập, không làm đau khổ và không tự giết hại mình, người và tất cả chúng sanh, đó là Chánh Nghiệp.

2/ Thân không trộm, cắp, cướp giật không móc túi, không lấy của không cho, đó là Chánh Nghiệp.

3/ Thân không tà dâm, không làm những điều bất chánh gây đau khổ cho mình cho người, đó là Chánh Nghiệp.

Về miệng nếu giữ gìn được Chánh Ngữ tức là giữ gìn Chánh Nghiệp của miệng, cho nên học về Chánh Ngữ tức là học về Chánh nghiệp của miệng, như vậy những bài học Chánh Ngữ ở trên là những bài học Chánh Nghiệp ở đây. Chánh Nghiệp về miệng còn một điều nữa rất là quan trọng, đó là miệng không nên ăn thịt chúng sanh, tại vì hành động ăn thịt chúng sanh tức là tạo ra nghiệp đau khổ vào thân mà không biết, cho nên hành động ăn thịt chúng sanh không phải là Chánh Nghiệp mà là Tà Nghiệp.

Chánh Nghiệp còn gọi là những nghề nghiệp sống chân chánh, nghề nghiệp không làm đau khổ chúng sanh. Có sáu Tà Nghiệp mà người Phật tử không nên làm như:

1/ Không làm nghề săn bắn.

2/ Không làm nghề ngư phủ.

3/ Không được làm nghề buôn bán thịt sống.

4/ Không được làm nghề buôn bán thịt chín.

5/ Không được làm nghề sản xuất rượu và buôn bán rượu.

6/ Không được làm nghề buôn bán người (mãi dâm).

Tóm lại, Chánh Nghiệp là tu tập rèn luyện mỗi hành động thân, miệng, ý phải được trong sạch thanh tịnh, trong sạch, thanh tịnh tức là hành động thân, miệng, ý toàn thiện, nếu còn có một chút xíu hành động ác thì không được gọi là Chánh Nghiệp, cho nên Chánh Nghiệp tức là mỗi hành động thân, miệng, ý của chúng ta

không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh. thì đó mới là chính Chánh Nghiệp.

Mỗi người sinh ra trong đời đều phải có nghề nghiệp làm để sống, nhưng phải chọn nghề nghiệp thiện, đừng nên chọn nghề nghiệp ác. Vì nghề nghiệp ác sẽ đem đến sự khổ đau cho mình, cho người và cho tất cả chúng sanh, còn nghề nghiệp thiện sẽ mang đến hạnh phúc, an vui cho mình cho người và cho tất cả chúng sanh. Cho nên Chánh nghiệp rất quan trọng trong đời sống của con người. Vì thế mỗi người cần phải theo tu học lớp học Chánh Nghiệp này, đừng bỏ qua rất uổng, hễ là con người dù bất cứ có tôn giáo nào hay không tôn giáo, mọi người đều phải học và thực tập để hiểu biết và sống đúng ý nghĩa trong Chánh Nghiệp.



LỚP THỨ NĂM: “CHÁNH MẠNG”

Chánh Mạng là nẻo tu tập thứ năm còn gọi là lớp tu học thứ năm của Đạo Đức. Vậy Chánh Mạng là gì?

Chánh Mạng là mạng sống chân chánh của con người, là sự sống của cơ thể không huân tập vào thân những sự khổ đau của kẻ khác và của tất cả chúng sanh.

Chánh Mạng là nuôi sống thân mạng bằng những nghề nghiệp chân chánh tức là những nghề nghiệp lương thiện không tạo việc làm ác để nuôi thân mạng.

Chánh Mạng còn có nghĩa là sống đúng chánh pháp, không mê tín dị đoan, không sống trong tường giải, ảo giác, mơ hồ, trừu tượng.

Chánh Mạng còn có nghĩa là sống không chạy theo dục vọng và các ác pháp về ăn uống. Chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: “Này chư Hiền, có bốn loại thức ăn này, khiến cho các loài chúng sanh đã sanh được an trú hay các loài hữu tình sẽ sanh được hộ trợ cho sanh. Thế nào là bốn?”

1/ Đoàn thực loại thô hay loại tế.

2/ Xúc thực.

3/ Tư niệm thực.

4/ Thức thực.

“Từ tập khởi của ái có tập khởi của thức ăn, từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn. Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của

thức ăn, tức là: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Nay chư Hiền khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn như vậy, tuệ tri tập khởi thức ăn như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn như vậy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạng tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh sanh khởi, diệt tận gốc khổ đau ngay trong hiện tại. Nay chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có Chánh Tri Kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này”.

Trên đây là lời dạy của Đức Phật chúng ta nên lưu ý câu này “Từ tập khởi của ái có tập khởi của thức ăn, từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn”. Chúng ta đảo ngược câu nói này lại, chúng ta có một pháp hành rất cụ thể “Từ tập khởi của thức ăn, có tập khởi của ái, từ đoạn diệt thức ăn, có đoạn diệt của ái”.

Cho nên người tu học lớp Chánh Mạng tức là nuôi mạng sống thì không nên tập khởi theo ăn uống, vì chạy theo ăn uống tức là nuôi Tà Mạng, nuôi Tà Mạng tức là tập khởi thức ăn, tập khởi thức ăn tức là tập khởi ái dục. Ngược lại, ăn ngày một bữa để sống, tức là nuôi Chánh Mạng, còn người tu sĩ mà ăn hai ba bữa trong một ngày thì đó là nuôi Tà Mạng, nuôi Tà Mạng thì tâm dục sanh, bằng chứng quý vị cứ suy ngẫm lời Đức Phật dạy có đúng không? Quý vị nên lấy đời sống của mình làm thí điểm thì sẽ thấy rất rõ ràng.

Một chúng sanh, phải thọ thực bằng bốn cách nuôi sống thân mạng như trên Đức Phật đã dạy, nhưng người tu theo Bát Chánh Đạo, thực hiện lớp Chánh Mạng thì chỉ dùng có Đoàn thực dù thô hay tế để đủ nuôi sống thân mạng mà thôi, còn Xúc thực, Tư niệm thực và Thức thực thì ngăn chặn và đoạn dứt, không nên dùng ba cách thức ăn uống này, vì ba cách thức ăn uống này sanh ra dục như lời dạy ở trên “ăn uống tập khởi thì dục tập khởi”.

Người tu theo Đạo Phật nên lưu ý: chúng ta là những người đến với Đạo Phật là đi tìm sự giải thoát, làm chủ sự sống chết và luân hồi, chứ không phải đi tìm ăn uống hay tìm danh lợi hoặc tìm thần thông phép thuật, tàng hình biến hóa, v.v...

Chúng ta đến với Đạo Phật là đi tìm sự làm chủ, bốn sự đau khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết chứ không phải ngồi thiền nhập định năm bảy ngày hoặc một tháng hai tháng hoặc chết để lại nhục thân hoặc tiếp tục tái sanh luân hồi làm Bồ Tát, để rồi vừa sanh ra là nhớ lại được tiền kiếp của mình. Chúng ta tu

hành không có mục đích đó, nên chúng ta phải sống đúng những lời dạy trong Bát Chánh Đạo, vì lẽ đó chúng ta phải sống đúng Chánh Mạng, ăn ngày một bữa, đủ sống để nuôi thân, ăn không cần ngon, không cần thích, không cần tưởng.

Trong Đạo Phật dạy có bốn cách nuôi Tà Mạng, người tu sĩ chân chánh của Đạo Phật thì phải tránh bốn cách nuôi mạng sống không chân chánh này:

1/ Hạ khẩu thực, tức là đi khát thực phi thời và ăn uống phi thời, hạng tu sĩ này là những người nuôi Tà Mạng, nuôi Tà Mạng thì dù họ có tu pháp môn nào thì cũng tu tà pháp mà thôi.

Bởi, Đạo Đế là con đường chân lý chắc thật của Đạo Phật, nếu người nào tu đúng đường lối đó thì sẽ có giải thoát ngay liền, thế mà người tu nuôi mạng sống bằng Tà Mạng thì làm sao tìm giải thoát được (ăn uống phi thời như các nhà Đại Thừa và Thiên Tông).

2/ Ngưỡng khẩu thực, có nghĩa là không giữ gìn phạm hạnh đi xin ăn, mà lại đi làm nghề xem thiên văn như: nhìn xem hiện tượng trăng sao, đoán thời tiết, bói khoa, tiên tri chuyện quá khứ vị lai cho người, hoặc xem ngày giờ tốt xấu cất nhà cửa, xây mồ mả, dựng vợ gả chồng coi sao hạn để rồi cúng sao giải hạn để cất giá ăn tiền hoặc trao đổi sự cúng dường, đó là hành những nghề mê tín lường gạt người để nuôi sống Tà Mạng. Trong Trường Bộ Kinh Đức Phật dạy: “Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú để làm cóng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi đồng cốt, hỏi Thiên Thần để biết họa phước, thờ Mặt Trời, thờ Thổ Địa, thờ Thần Tài Siri. Còn Sa Môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên”. (Kinh Phạm Võng trang 27 trong Trường Bộ Kinh tập 1 thuộc tạng kinh Nikaya).

Đức Phật chấp nhận cho người tu sĩ chỉ có một cái nghề duy nhất, đó là đi khát thực, ngoài ra các nghề khác bất cứ một nghề nào Đức Phật cũng không chấp nhận, vì mọi nghề khác đều nuôi thân mạng không chân chánh. Tại sao vậy?

Tại vì, tất cả mọi nghề khác làm ra tiền để sống thì không thể nào xả tâm tham, sân, si được. Đạo Phật vốn là đạo buông xả sạch vật chất thế gian, vì thế còn làm

ra tiền là còn nuôi dưỡng tâm tham dục, còn làm tất cả các nghề khác là còn vật sở hữu, dù là vật sở hữu có một chút vẫn không xả hết tâm dục và ác pháp.

Lớp tu tập về Chánh Mạng quý vị nên lưu ý: nó là một chân lý để tu tập đi đến giải thoát, thế mà một người đi tìm đạo giải thoát mà tu hành không đúng pháp tức là sống nuôi Tà Mạng, không đúng Chánh Mạng thì quý vị nghĩ sao? Họ có giải thoát được không? Chắc hẳn là không, phải không quý vị?

Quý vị Tu Định Vô Lậu câu hữu Tứ Diệu Đế, thì thấy rất rõ sự tu tập có giải thoát ngay liền và sự tu tập không có một nhọc, không có khó khăn gì cả, chỉ cần sống đúng những lời dạy này, tức là hằng ngày quý vị áp dụng vào Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng, chỉ trong năm lớp tu học này thì quý vị cũng cảm thấy tâm bất động trước các pháp và luôn luôn lúc nào quý vị cũng sống trong thiện pháp đúng đạo đức làm người không làm khổ mình khổ người và khổ chúng sanh. Đó là chân hạnh phúc của loài người trên hành tinh này.

Khi giảng Tứ Diệu Đế đến đây, chúng tôi cảm nhận bốn chân lý của Đạo Phật thật là tuyệt vời, đúng là bốn chân lý của loài người. Một chương trình giáo dục đào tạo những bậc vô lậu chứng Thánh quả A La Hán.

Đạo Đế là một pháp môn giải thoát vi diệu mầu nhiệm, nhưng tại sao các bậc Thầy Tổ của chúng ta lại không thấy nó là một chân lý chân thật, một pháp môn giải thoát bốn sự đau khổ của kiếp người và chấm dứt luân hồi sanh tử mà không thể có một pháp môn nào hơn được, một pháp môn sống an lạc thanh thản và vô sự giải thoát cụ thể, thiết thực, lợi ích cho mình cho người rất rõ ràng. Pháp thiết thực, cụ thể như vậy mà Thầy Tổ của chúng ta lại dạy những pháp mơ hồ, trừu tượng như: Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông, chúng ta tu tập chết người mà tâm tham, sân, si vẫn còn và nhiều khi còn mạnh hơn, những pháp môn này tu tập mãi chúng ta rơi vào cửa danh, cửa lợi khiến chúng ta chết chìm trong danh lợi của thế gian như: ăn uống, quần áo, xe cộ, ti vi, tủ lạnh, chùa to Phật lớn, v.v...

Chánh Nghiệp của Đạo Phật dạy là như vậy mà Thầy Tổ của chúng ta biến chúng ta thành những người hành nghề nghiệp ác, mê tín lừa đảo, lường gạt người, khiến chúng ta mất cả lương tri Chánh Nghiệp của Đạo Phật thật là đau lòng.

Còn năm lớp trong Bát Chánh Đạo chỉ cho chúng ta thấy rất rõ ràng các pháp, tức là các đối tượng đến với chúng ta thì ngay đó, chúng ta thấy biết liền chúng là ác pháp hay là thiện pháp, đó là chúng ta đang thấy chúng bằng Chánh Kiến, nếu Chánh Kiến không nhận ra chúng thiện hay ác được thì liền ngay đó chúng ta dùng Chánh Tư Duy, Chánh Tư Duy giúp chúng ta thông suốt ác pháp hay là thiện pháp. Khi đã biết rõ ràng, chúng ta mới dùng Chánh Ngữ thì lời nói của chúng ta không làm khổ mình khổ người. Không làm khổ mình khổ người, tức là chúng ta ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp, tức là chúng ta sống đúng Chánh Nghiệp, sống đúng Chánh Nghiệp tức là hành động thân, miệng, ý toàn thiện, có nghĩa là không còn làm khổ mình khổ người nữa. Không làm khổ mình khổ người nữa, tức là sống đúng Chánh Mạng, sống đúng Chánh Mạng thì chỉ còn có đi xin ăn mà thôi.

Kết quả của năm lớp này đưa chúng ta đi đến con đường giải thoát thực tế cụ thể, hiện tại không có thời gian, nếu chúng ta là những người đã từng lăn lộn trong cuộc sống bảy nổi ba chìm thì làm sao không thấy đời là khổ, thật sự đời người sanh ra là khổ, khổ đủ mọi mặt và khi nghĩ như vậy chúng ta rất ngao ngán và chán chường cho kiếp sống của con người. Con người sanh ra để làm gì? Kết cuộc rồi cũng chẳng có gì, chỉ là một trò ảo ảnh. Nếu xét đi xét lại hết một kiếp người chỉ có bon chen vật lộn với cái ăn, cái mặc, cái ở cuối cùng cũng chẳng có nghĩa lý gì cả, lớp người trước chết mất đi, lớp người sau thừa kế cũng như vậy và cứ như vậy mãi mãi muôn đời muôn kiếp vô vị chẳng có nghĩa lý gì! Ôi thật là một trò huyễn mộng của kiếp người.



LỚP THỨ SÁU: “CHÁNH TINH TẤN”

Chánh Tinh Tấn là lớp thứ sáu trong Bát Chánh Đạo. Vậy Chánh Tinh Tấn là gì?

Chánh Tinh Tấn là sự siêng năng đúng với chánh pháp, có những sự siêng năng mà không đúng chánh pháp như những tu sĩ và cư sĩ siêng năng “niệm Phật, trì chú, tụng kinh, bái sám, ngồi thiền, v.v...” đó không phải là Chánh Tinh Tấn, mà chính là Tà Tinh Tấn.

Chánh Tinh Tấn mà Đức Phật đã xác định rất rõ ràng là “Tứ Chánh Cần”. Người nào có Chánh Tinh Tấn tức là hằng ngày siêng năng tu tập “Ngăn ác diệt

ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”. Và sự tu tập siêng năng như vậy sẽ mang lại cho họ ngay liền một cuộc sống thanh thản an vui và vô sự.

Cách thức tu tập Tứ Chánh Cần thì quý vị đã học rồi chúng tôi không cần giảng ra đây làm mất thì giờ vô ích.

Người mới bắt đầu tu theo Đạo Phật thì phải tu học và sống cho đúng theo năm lớp: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, nếu đã tu học và sống đúng năm lớp này thì đương nhiên người đó đang tu tập Tứ Chánh Cần, tức là ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp, mà ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện, tức là đang thực hiện lớp thứ sáu trong Bát Chánh Đạo, đó là Chánh Tinh Tấn. Vậy Chánh Tinh Tấn tức là siêng năng tu tập, nhưng siêng năng tu tập cái gì?

Siêng năng tu tập ngăn ác diệt ác pháp tức là siêng năng tu tập: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

Trong thiền định của Đạo Phật thì Chánh Tinh Tấn là phương pháp đầu tiên để tu tập thiền định, nghĩa là hằng ngày đi, đứng, nằm, ngồi, nói nín đều ngăn ác diệt ác pháp và luôn luôn sống trong thiện pháp, để giúp cho thân tâm ly dục ly ác pháp, thân tâm ly dục ly ác pháp, thì thân tâm mới thanh tịnh, thân tâm có thanh tịnh thì mới bắt đầu có định, chính từ tâm thanh tịnh này chúng ta mới chính thức đi vào thiền định, Nếu thân tâm chưa thanh tịnh mà vội vàng tu thiền định tức là tu sai tu không đúng như trong Bát Chánh Đạo đã dạy.

Chánh Tinh Tấn tức là Tứ Chánh Cần, Tứ Chánh Cần là một danh từ chỉ chung cho cách thức tu tập của năm lớp trong Bát Chánh Đạo như: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

Trong năm lớp này cách thức tu tập theo Tứ Chánh Cần rất rõ ràng.

Ví dụ: Có một pháp xảy đến, trước tiên chúng ta thấy pháp đó không làm khổ mình khổ người, nhưng muốn chắc ăn hơn chúng ta tư duy suy xét pháp đó đúng là pháp thiện, pháp không làm khổ mình khổ người tức là chúng ta tu tập lớp Chánh Tư Duy, khi đã tư duy xong pháp đó chúng ta mới đưa ra hành động thân, miệng, ý của mình tức là chúng ta tu tập Chánh Nghiệp. Hành động Chánh Nghiệp đưa đến thân tâm của chúng ta được thanh thản, an lạc và vô sự, thân tâm được thanh thản, an lạc và vô sự đó là chúng ta tu tập Chánh Mạng. Như vậy trong sáu

lớp của Bát Chánh Đạo chúng ta tu tập được thân tâm thanh tịnh và giải thoát hoàn toàn.

Còn hai lớp nữa là Chánh Niệm và Chánh Định, như vậy có thừa không? Chúng tôi xin thưa rằng: Đức Phật không bao giờ dạy thừa mà cũng không dạy thiếu, vì Đạo Đế là một chân lý trong bốn chân lý thì không lý nào lại dạy thừa mà cũng không lý nào lại dạy thiếu, vì dạy thiếu người đời sau không biết đâu mà tu tập, còn dạy thừa tu tập mất thì giờ vô ích. Lần lượt chúng ta sẽ tu học trọn hai lớp sau cùng và sẽ thấu rõ tám lớp tu tập của Đạo Phật không thiếu không thừa.

Sáu lớp này chúng ta chưa Thấy Đức Phật dạy ngồi thiền, tụng kinh, lạy sám hối hoặc trì chú, niệm Phật, cúng bái, tế lễ v.v... mà chỉ có dạy chúng ta ngăn ác diệt ác pháp. Lần theo dấu vết của Bát Chánh Đạo chúng ta mới thấy rõ Thầy Tổ của chúng ta tu sai pháp, lạc vào pháp môn của ngoại đạo tà giáo rất rõ ràng.



LỚP THƯ BẢY: “CHÁNH NIỆM”

Chánh Niệm là lớp thứ bảy trong Bát Chánh Đạo. Vậy Chánh Niệm là gì?

Chánh Niệm là niệm chân chánh không có tà niệm, niệm thiện, niệm không làm khổ mình khổ người và khổ chúng sanh, Đức Phật đã xác định Chánh Niệm là Tứ Niệm Xứ, Tứ Niệm Xứ là một tên khác của Chánh Niệm, cho nên người tu Chánh Niệm tức là tu tập Tứ Niệm Xứ. Người đời sau không hiểu vì chưa có thực hành tu chứng nên đã biến Tứ Niệm Xứ thành một loại thiền ức chế tâm chứ không còn là Chánh Niệm trong Bát Chánh Đạo.

Cho nên Chánh Niệm trong Bát Chánh Đạo mà Đức Phật đã xác định là Tứ Niệm Xứ như trên chúng tôi đã dạy, nếu Đức Phật không xác định như vậy thì chắc chắn Tứ Niệm Xứ là Tà Niệm. Bởi vì, Chánh Niệm là chân lý của Đạo Phật, mà trong Đạo Phật thì không thể có hai ba chân lý được, chánh là chánh, tà là tà, không thể cái nào cũng chánh hết cả. Vì thế pháp môn Tứ Niệm Xứ là giáo trình tu học cho lớp Chánh Niệm của Bát Chánh Đạo, Cho nên tên Chánh Niệm là tên của lớp học, còn Tứ Niệm Xứ là những môn học cho lớp học đó, chứ không phải Chánh Niệm là những môn học như Tứ Niệm Xứ. Quý vị có hiểu chưa?

Tu Tứ Niệm Xứ thì ai cũng thông suốt theo kiểu Đại Thừa và kiến giải của các nhà học giả, họ lý giải Tứ Niệm Xứ đủ kiểu cách nhưng nhìn lại quá trình tu tập của mọi người thì kết quả sẽ chẳng đi tới đâu cả. Bởi vì người ta biến Tứ Niệm

Xứ thành Tà Niệm một loại pháp môn tu hành ức chế tâm, chứ không còn là Chánh Niệm nữa.

Như trong bài trước Đức Phật đã xác định Chánh Tinh Tấn là Tứ Chánh Cần cũng như trong bài này Chánh Niệm là Tứ Niệm Xứ, như vậy trong bốn pháp này chỉ có hai pháp mà thôi, tuy tên có khác nhưng tu tập và kết quả đều đẩy lui các chướng ngại pháp (ác Pháp). Theo lời Đức Phật dạy trên đây chúng ta phải hiểu như thế nào?

Theo kinh nghiệm tu hành của chúng tôi thì Tứ Chánh Cần và Tứ Niệm Xứ là những pháp môn trong 37 phẩm trợ đạo. Vì thế chúng tôi hiểu rằng Đức Phật xác định như vậy là vì Tứ Chánh Cần và Tứ Niệm Xứ là những bài pháp tu học cho lớp Chánh Tinh Tấn và lớp Chánh Niệm, chứ không phải Chánh Tinh Tấn và Chánh Niệm là môn học như trên đã nói.

Cách thức tu tập Tứ Niệm Xứ tức là trên thân quán thân tỉnh giác Chánh Niệm để khắc phục tham ưu ở đời, đó là kinh dạy như vậy nhưng chúng ta phải hiểu quán là quan sát quán xét trên bốn chỗ thân, thọ tâm, pháp, bốn chỗ này Đức Phật gọi là Tứ Niệm Xứ, quan sát quán xét trên bốn chỗ này để làm gì?

Trên bốn chỗ này thường có Tà Niệm xảy ra (ác Pháp) vì vậy mà phải quan sát quán xét cho kỹ để phát hiện ra những Tà kiến, Tà Niệm, phát hiện ra được những Tà Kiến và Tà Niệm là chúng ta đã đẩy lui chúng ra khỏi tâm tư mà Đức Phật gọi là khắc phục tham ưu.

Công việc tu hành Tứ Niệm Xứ là chỉ có quan sát bốn vị trí này để diệt trừ các chướng ngại pháp, cho nên tâm thường ở trong Chánh Niệm tức là không có Tà Niệm, không có Tà Niệm tức là không có niệm ác, không có niệm ác thì thân tâm thanh thản an lạc và vô sự.

Quý vị nên lưu ý trong Bát Chánh Đạo có hai nẻo tu tập xả tâm như:

1/ Chánh Tinh Tấn.

2/ Chánh Niệm.

Chánh Tinh Tấn thì ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp. Đây là pháp tu tập phòng hộ bảo vệ thân tâm không cho các ác pháp bên ngoài xâm chiếm vào bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp Chánh Tinh Tấn giống như chiến thuật chiến lược ngăn và đánh giặc, không cho giặc tấn công vào lãnh thổ.

Học lớp Chánh Niệm là học lớp khắc phục tham ưu có nghĩa là chiến đấu với nội tâm của mình khi thân, thọ, tâm, pháp của chúng ta có chướng ngại thì dùng Tứ Niệm Xứ đã học trong lớp Chánh Niệm để đẩy lui ác pháp. Cũng giống như một nhà vua dùng chiến thuật chiến lược diệt giặc nội chiến để đem lại đất nước thống nhất, tức là trị nội loạn, còn dùng Tứ Chánh Cần đã học trong lớp Chánh Tinh Tấn đem ra diệt giặc ngoại xâm. Qua sự giải thích này quý vị có thể hiểu rõ rằng là Phật Giáo có một chương trình giáo dục đào tạo những bậc Thánh vô lậu A La Hán mà chúng tôi cố gắng giải thích cho quý vị hiểu dễ dàng để không bị Đại Thừa và Thiền Tông lừa gạt đánh lộn pháp môn vào pháp môn của Phật Giáo.

Người tu tập theo Đạo Phật mà không biết sử dụng Tứ

Chánh Cần thì đâu dễ gì ngăn ác pháp bên ngoài được.

Người tu theo Đạo Phật mà không biết sử dụng Tứ Niệm

Xứ thì đâu dễ gì diệt ác pháp trong nội tâm được.

Tóm lại, tu học lớp Chánh Tinh Tấn là cách thức ngăn và diệt các ác pháp bên ngoài, còn tu học lớp Chánh Niệm thì tu học cách thức đoạn diệt các ác pháp bên trong.



LỚP THỨ TÁM: “CHÁNH ĐỊNH”

Chánh Định là lớp thứ tám của Bát Chánh Đạo, đây cũng là lớp cuối cùng của Đạo Đế. Vậy Chánh Định là gì?

Chánh Định ở đây có nghĩa là ngưng hoạt động, tịnh chỉ các hành trong thân và tâm. Đức Phật đã xác định Chánh Định là Bốn Thiền tức là Tứ Thánh Định. Trong Tứ Thánh Định này có bốn thiền như:

1/ Sơ Thiền

2/ Nhị Thiền

3/ Tam Thiền

4/ Tứ Thiền.

- Muốn nhập Sơ Thiền thì phải tịnh chỉ ngôn ngữ tức là ly dục ly ác pháp.

- Muốn nhập Nhị Thiền thì phải tịnh chỉ tầm tứ tức là lìa sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

- Muốn nhập Tam Thiên thì phải tịnh chỉ tưởng thức tức là ly hỷ dục tưởng.

- Muốn nhập Tứ Thiên thì phải tịnh chỉ hơi thở tức là xả lạc xả khổ xả niệm thanh tịnh. Khi giảng tới đây chúng tôi mới thấy rõ Đạo Đế của Đạo Phật thật là một chân lý giải thoát thực tế, cụ thể và rất rõ ràng, chỉ còn có quyết tâm tu tập hay không tu tập mà thôi, đều là do hành giả chứ không phải do pháp môn nữa, vì lớp học Chánh Định này chỉ dạy Bốn Thiên quá rõ ràng, không còn một điểm nào nghi ngờ lớp học này được nữa và cũng không còn một Tà Thiên, Tà Định nào lừa đảo, dối gạt chúng ta được nữa.

Bát Chánh Đạo đã xác định từ cách thức tu tập xả tâm ly dục ly ác pháp cho đến cách thức nhập các định cụ thể rõ ràng mà không còn có một pháp môn của ngoại đạo nào lồng vào giáo pháp của Đạo Phật được, lồng đến đâu người ta đều thấy bộ mặt giả của nó, vì Bát Chánh Đạo đã chỉ cho chúng ta biết rất rõ. Những bài vở học tu ở lớp nào ra lớp nấy, đâu đó rõ ràng, có mạch lạc, có thứ lớp từ thấp đến cao. Cho nên theo chương trình giáo dục đào tạo ở trên thì giáo pháp của Đại Thừa, Thiên Đông Độ và Mật Tông không còn gạt được ai nữa.

Nếu ai có đủ duyên học tập Tứ Diệu Đế, hiểu rõ bốn chân lý này thì không còn bị các pháp thiên của ngoại đạo lừa đảo được. Bởi vì, Đức Phật đã xác định nghĩa lý của thiên định rất rõ ràng. Từ xưa đến giờ người ta hiểu thiên định của Phật Giáo không đúng.

Đây, chúng ta nghe các nhà học giả xưa và nay định nghĩa Chánh Định: “Chánh Định có nghĩa là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chánh đáng, đúng với chân lý có lợi ích cho mình cho người. Người theo đúng Chánh Định, thường tập trung tư tưởng để quan sát những vấn đề chính sau đây như:

- 1- Quán thân bất tịnh.
- 2- Quán từ bi.
- 3- Quán nhân duyên.
- 4- Quán giới phân biệt.
- 5- Quán hơi thở.

Như vậy, ở đây quý vị thấy chữ “định” có đúng nghĩa hay không?

Đức Phật đã xác định nghĩa của chữ “định” rất rõ ràng “Tịnh chỉ, ngưng hoạt động”, còn các nhà học giả định nghĩa chữ “định” bằng cách “tập trung tư tưởng

rồi quán xét các pháp”. Ở trong Bát Chánh Đạo Chúng ta thấy rất rõ, tập trung tư tưởng quán xét các pháp là ở các lớp tu tập đầu tiên như: **“Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn và Chánh Niệm. Còn Chánh Định thì không còn tư duy quán xét mà chỉ có tịnh chỉ các hành trong thân ngũ uẩn”**.

So sánh như vậy chúng ta thấy rất rõ ràng, người tu thiền thời nay và thiền của Đạo Phật ngày xưa thì không giống nhau.

Tóm lại, Định Vô Lậu câu hữu với Tứ Thánh Đế tức là nhờ quán xét tu tập Tứ Thánh Đế mà thân tâm hoàn toàn vô lậu, vô lậu tức là giải thoát không còn khổ đau nữa.

Nếu được sanh làm người, được gặp Tứ Thánh Đế và được tu tập Đạo Đế thì sẽ làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi trong một kiếp này mà thôi.

VI- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

Định Vô Lậu câu hữu Tứ Vô Lượng Tâm tức là dùng Tứ Vô Lượng Tâm tu tập để đạt được vô lậu. Tứ Vô Lượng Tâm chúng tôi đã giảng dạy trong Giáo Án Tu Tập Đường Lối của Đạo Phật xin quý vị nghe lại những đoạn băng này.

Ở đây, chúng tôi xin nhắc sơ lược lại cách thức dùng Tứ Vô Lượng Tâm để tâm được vô lậu.

Ví dụ: Có người chửi mắng mình, mình bị chửi mắng tức là phải có nguyên nhân, như Đức Phật đã dạy mọi nguyên nhân đau khổ đều do lòng tham dục, tham dục của người hoặc tham dục của mình. Biết rõ lòng tham dục của mình tạo ra sự bất mãn, tự ái, tức giận của người, do đó ta nên xả lòng tham dục của ta không được ganh đua hơn thiệt với người.

Tự ái, bất mãn, tức giận là sự đau khổ của người nên ta khởi tâm thương yêu họ và cố gắng tìm mọi cách giúp đỡ tạo cho họ được an vui và không còn thù oán ta nữa, cho nên Đức Phật dạy: “Lấy ân trả oán chứ đừng lấy oán trả oán”.

Từ chỗ xả ly tâm tham dục đã giúp chúng ta an vui biết thương người khiến cho người không còn khổ, đó là làm mình vui và kẻ khác vui. Những việc làm như vậy gọi là tu tập từ, bi, hỷ, xả, tu tập từ, bi, hỷ, xả từ việc lớn đến việc nhỏ, không

bỏ sót một việc nào thì gọi là tu Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Vô Lượng Tâm còn có một cái tên nữa là Vô Lượng Tâm Hành, Vô Lượng Tâm hành sẽ diệt tận khổ đau, tức là diệt tận lậu hoặc cho nên gọi là Định Vô Lậu câu hữu Tứ Vô Lượng Tâm.

Tóm lại, dùng Tứ Vô Lượng Tâm để quét sạch lậu hoặc, khiến cho tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ.

VII- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU TỨ BẤT HOẠI TỊNH

Tứ Bất Hoại Tịnh chúng tôi đã giảng dạy trong Giáo Án Tu Tập Đường Lối của Đạo Phật xin quý vị vui lòng nghe lại đoạn băng đó.

Tứ Bất Hoại Tịnh là một pháp trợ đạo cho Đạo Đế, là một giáo trình tu học trong lớp Chánh Kiến nó cũng là một pháp môn trong 37 phẩm trợ đạo, nó lấy Tứ Niệm Xứ tức là lấy thân, thọ, tâm và pháp mà niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, và niệm Giới, nó thuộc về Tín Lực tức là nó lấy lòng tin mà tu. Vì tin Phật nên phải sống như Phật, vì tin Pháp nên Pháp dạy sao là tu tập như vậy, tu tập không sai; vì tin Tăng nên sống đúng như chư Tăng, vì tin Giới nên sống không phạm Giới. Phần nhiều tu sĩ và cư sĩ ngày nay họ không tin Phật, Pháp, Tăng và Giới vì thế họ tu theo Đạo Phật mà sống không giống Phật, không như pháp đã dạy, không giống hạnh các bậc Thánh Tăng, thường phạm giới phá giới nên thành sống theo tà đạo.

Mục đích của pháp môn này là sống như thế nào cho đúng và giống như Phật, như Pháp, như chúng Thánh Tăng, như Giới Luật đã dạy không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào thì thân tâm mới được gọi là Chánh Kiến, mới được gọi là thanh tịnh

Đó là một pháp độc lập tự nơi nó khiến cho thân tâm ly dục ly ác pháp hay nói một cách khác là pháp này sẽ giúp cho thân tâm thanh tịnh và đạt được kết quả tâm bất động trước các pháp ác.

Người tu Tứ Bất Hoại Tịnh tuy mới nhìn vào thì không hiểu pháp này có sự liên hệ chặt chẽ với Bát Chánh Đạo, nhưng chính người nào có lòng tin Phật, Pháp, Tăng và Giới thì tất cả mọi hành động tu tập Tứ Bất Hoại Tịnh tức là mọi hành động tu tập lớp Chánh Kiến trong Bát Chánh Đạo chứ không phải ngoài pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh mà còn có những pháp môn nào khác hơn, vì mỗi hành động trong Bát Chánh Đạo là mỗi hành động của Phật, Pháp, Tăng và Giới Luật,

nó luôn luôn tu học đầy đủ trong các lớp: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

Cho nên pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh là một pháp môn cần phải học hiểu cho thông suốt như Đức Phật đã dạy: “Những gì thông hiểu cần phải thông hiểu”. Nói đến người tu hành theo Phật Giáo mà không thông hiểu pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh, đó là một điều thiếu sót rất lớn cho con đường tu tập để đạt đến sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

VIII- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU ĐỊNH NIỆM HƠI THỞ

Định Niệm Hơi Thở là một loại định ngăn các pháp ác tuyệt vời, khiến cho tâm không còn phiền não, đau khổ, phiền toái, bất toại nguyện hoặc giận hờn, thương ghét, lo sợ, v.v... Nó khiến cho tâm vô lậu hoàn toàn nên gọi Định Vô Lậu câu hữu với hơi thở.

Định Niệm Hơi Thở chúng tôi đã giảng xong, trong chương trình Giáo An Đường Lối Tu Tập của Đạo Phật, xin quý vị nghe lại đoạn băng đó.

Chúng tôi xin tóm lược lại, để quý vị có một khái niệm về Định Vô Lậu câu hữu Định Niệm Hơi Thở, như trong kinh Xuất Túc Nhập Túc dạy:

“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”.

“Quán ly sân tôi biết tôi hít vô, quán ly sân tôi biết tôi thở ra”.

“Quán ly si tôi biết tôi hít vô, quán ly si tôi biết tôi thở ra”.

Vậy tham, sân, si là gì?

Tham, sân, si là lậu hoặc, nương vào hơi thở để lìa xa tham, sân, si tức là nương vào hơi thở để xa lìa lậu hoặc, vì thế do sự tu tập hai pháp kết hợp lại làm thành một pháp, nên gọi là câu hữu.

IX- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU VỚI PHÁP BẤT TỊNH

Pháp Bất Tịnh là gì?

Pháp bất tịnh là pháp cấu uế, ô trược, bẩn thỉu, hôi thúi, v.v...

Người chấp thân là ngã quá nặng, tâm ham mê sắc dục không bỏ được nên phải dùng những đề mục thiền quán như:

1- Quán tử thi.

2- Quán tử thi sinh hôi thúi.

3- Quán xương trắng.

4- Quán sự bài tiết bất tịnh bên ngoài thân.

5- Quán sự bất tịnh uế trược trong nội thân.

Nhờ quán tưởng như vậy nên diệt được ngã, xả được tâm sắc dục. Nếu là một người có chí bền tâm tu tập quán tưởng bất tịnh thì sẽ xa lìa được những lậu hoặc này, cho nên Định Vô Lậu câu hữu với Pháp Bất Tịnh là vậy.

X- ĐỊNH VÔ LẬU CÂU HỮU THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Thập Nhị Nhân Duyên là gì?

Thập Nhị Nhân Duyên là 12 duyên như:

1/ Duyên Vô Minh

2/ Duyên Hành

3/ Duyên Thức

4/ Duyên Danh Sắc

5/ Duyên Lục Nhập

6/ Duyên Xúc

7/ Duyên Thọ

8/ Duyên Ái

9/ Duyên Hữu

10/ Duyên Thủ

11/ Duyên Sanh

12/ Duyên Bệnh Tử Ưu Bi.

Mười hai duyên này, kết hợp lại thành một thể giới khổ đau, do duyên vô minh chỉ đạo, nói một cách khác cho dễ hiểu hơn, là một môi trường sống có 12 duyên hợp lại tạo thành một thể giới khổ đau của muôn loài sanh linh trên hành tinh này.

Quán 12 nhân duyên này, để phá tan cái thể giới đau khổ của chúng sanh nói chung và nói riêng là diệt lậu hoặc của con người. Trong Giáo Án Đường Lối Tu Tập của Đạo Phật chúng tôi đã giảng trạch đầy đủ, ở đây xin giảng để đi vào thực

hành ngắn gọn, nhưng sẽ giúp cho chúng ta biết được lộ trình đi đúng vào quỹ đạo giải thoát của Đạo Phật qua 12 duyên này.

Ở đây, chúng tôi xin nhắc nhở thêm, trong 12 nhân duyên, Vô Minh là duyên thứ nhất. Vậy muốn phá Vô Minh thì phải có Minh, muốn có Minh thì phải đi ngõ nào vào đây?

Nếu lấy sự học làm Minh thì đó là sở tri chướng, mà sở tri chướng thì không thể nào là Minh được.

Nếu lấy chỗ thiền định để phát triển trí tuệ làm Minh thì đó là không đúng, vì tâm chưa ly dục ly ác pháp làm sao có thiền định được, còn nếu ức chế tâm để hết vọng tưởng gọi đó là thiền định thì sai, đó chẳng qua chỉ là một trạng thái ức chế ý thức ngưng hoạt động để tưởng thức hoạt động và sự phát triển hiểu biết do ức chế đó gọi là tưởng tuệ, tưởng tuệ không thể nào gọi là Minh được. Trong kinh Sonananda Đức Phật đã xác định trí tuệ rất rõ ràng: “Trí tuệ ở đâu là giới luật ở đó, giới luật ở đâu là trí tuệ ở đó. Trí tuệ làm thanh tịnh giới luật, giới luật làm thanh tịnh trí tuệ”. Lời dạy trên đây rất rõ ràng.

Trí tuệ là giới luật, giới luật là trí tuệ, như vậy chúng ta chọn giới luật làm trí tuệ, chọn giới luật làm trí tuệ tức là chọn đời sống phạm hạnh, chọn đời sống phạm hạnh thì phải buông xả tất cả, buông xả tất cả thì duyên sanh không còn, duyên sanh không còn thì duyên Thủ diệt, duyên Thủ diệt thì duyên Hữu diệt; duyên Hữu diệt thì duyên Ái diệt; duyên Ái diệt thì duyên Thọ diệt; duyên Thọ diệt thì duyên Xúc diệt; duyên Xúc diệt thì duyên Lục Nhập diệt; duyên Lục Nhập diệt thì duyên Danh Sắc diệt; duyên Danh Sắc diệt thì duyên Thức diệt; duyên Thức diệt thì duyên Hành diệt; duyên Hành diệt thì duyên Vô Minh diệt; duyên Vô Minh diệt thì Minh sanh.

Như vậy, muốn có Minh thì chúng ta bắt đầu vào giới luật, sống đúng giới luật chứ không thể ngoài giới luật đi tìm Minh mà có được, cho nên đi tìm Minh bằng sự học, bằng thiền định thì không thể có được.

Nhờ có Minh mà chúng ta nhập được Chánh Định, nhờ có Chánh Định chúng ta mới thực hiện được Tam Minh, nhờ có Tam Minh chúng ta mới quét sạch lậu hoặc, do đó mới gọi là Định Vô Lậu câu hữu Thập Nhị Nhân Duyên.



CHÁNH NIỆM TRÊN TỨ NIỆM XỨ

LỜI PHẬT DẠY

“Trên thân quán sát thân để khắc phục tham ưu; trên tâm quán tâm để khắc phục tham ưu ở đời; trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu; trên pháp quán pháp để khắc phục tham ưu”.

CHÚ GIẢI:

Tứ Niệm Xứ là một pháp môn tu tập để làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người, đó là sanh, già, bệnh, chết. Tứ Niệm Xứ là giáo trình để học và tu tập ở lớp Chánh Niệm. Sau khi học và tu tập tốt nghiệp lớp Chánh Niệm này ra thì họ tiếp tục học và tu tập lớp Chánh Định và thực hiện Tam Minh. Khi tốt nghiệp lớp Chánh Định và thực hiện Tam Minh thì họ đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Pháp môn Tứ Niệm Xứ có lợi ích lớn như vậy, giúp cho con người có đủ bản lĩnh làm chủ mọi sự khổ đau của kiếp người. Vậy Tứ Niệm Xứ là gì?

Thưa các bạn! Các bạn muốn biết rõ pháp môn Tứ Niệm Xứ thì hãy lắng nghe Đức Phật dạy: “Một thời Thế Tôn ở Vesàli tại rừng Ambapàli. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỳ Kheo. Nay các Tỳ Kheo, Tỳ kheo cần phải trú Chánh Niệm Tỉnh Giác. Đây là lời giáo giới của Như Lai cho các Thầy.

“Và này các Tỳ Kheo, thế nào là Tỳ Kheo Chánh Niệm? Ở đây này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo trú; quán thân trên thân nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán thọ trên các thọ nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán tâm trên tâm nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán pháp trên các pháp nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỳ Kheo là Tỳ Kheo chánh niệm”. Đoạn kinh trên đây dạy chúng ta cách thức Chánh Niệm tức là học lớp Chánh Niệm. Vậy Chánh niệm là gì?

Theo đoạn kinh này thì Chánh Niệm là niệm thanh thân, an lạc và vô sự. Niệm thanh thân, an lạc và vô sự hiện tiền trên bốn chỗ Thân, Thọ, Tâm, Pháp thì tà niệm không bao giờ xen vào được, nếu tà niệm xen vào được thì tức khắc phải

niếp phục không được để chúng tác động vào thân, thọ, tâm và pháp. Vậy Tà niệm là gì?

Tà niệm được chia làm hai phần:

- Tà Niệm thuộc về tâm

- Tà Niệm thuộc về thân

+ Tà niệm thuộc về tâm, có nghĩa là tâm buồn rầu, lo sợ, giận hờn, ghen tức, căm thù, thương nhớ, phiền não, v.v...

+ Tà niệm thuộc về thân, có nghĩa là thân bị bệnh khổ, đau nhức chỗ này, đau nhức chỗ kia, ngứa ngái, mỏi mệt, chóng mặt, đau lưng, đi đứng không vững vàng, v.v...

Những tà niệm này thường xảy ra trong thân, thọ, tâm và pháp của chúng ta khiến cho cuộc sống của chúng ta bất an, vì thế chúng ta phải tập sống trong Chánh Niệm. Tập sống trong Chánh Niệm tức là tu tập Tứ Niệm Xứ. Muốn tu tập Tứ Niệm Xứ thì hằng ngày phải quan sát trên bốn chỗ: Thân, thọ, tâm và pháp, nếu thấy có tà niệm thì phải tu tập như sau: “Trên thân quán sát thân để khắc phục tham ưu; trên tâm quán tâm để khắc phục tham ưu ở đời; trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu; trên pháp quán pháp để khắc phục tham ưu”. Chữ khắc phục tham ưu có nghĩa là làm cho sự ưu phiền trên thân thọ, tâm và pháp không còn đau khổ, phiền não nữa. Do đây lui tất cả những sự đau khổ và phiền não trên thân tâm của chúng ta, nên gọi là làm chủ sanh, già, bệnh, chết.



TỈNH GIÁC TRÊN TỨ NIỆM XỨ

Thưa các bạn! Nếu muốn đạt được Chánh Niệm như vậy thì các bạn phải có sự tỉnh thức. Muốn tu tập tỉnh thức thì các bạn hãy lắng nghe Đức Phật dạy: “Và này các Tỷ Kheo, thế nào là Tỷ Kheo tỉnh giác? Ở đây này các Tỷ kheo, Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác. khi ngó tới, ngó lui, tỉnh giác, khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác, khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y tỉnh giác, khi ăn uống, khi nhai, khi nếm tỉnh giác, khi đại tiện, tiểu tiện tỉnh giác, khi đi, đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng, đều tỉnh giác. Này các Tỷ Kheo, như vậy Tỷ Kheo sống tỉnh giác”. Đoạn kinh trên đây, đã xác định sự tỉnh giác trên thân hành của chúng ta. Vậy, thân hành của chúng ta là gì?

Như đoạn kinh trên đã nói: “Khi đi tới, đi lui, tỉnh giác. khi ngó tới, ngó lui, tỉnh giác, khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác, khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y tỉnh giác, khi ăn uống, khi nhai, khi nếm tỉnh giác, khi đại tiện, tiểu tiện tỉnh giác, khi đi, đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng, đều tỉnh giác”. Đây chỉ là những hành động chung của thân, chứ chưa được rõ ràng và cụ thể. Vì vậy, chúng tôi xin xác định cho rõ ràng hơn để các bạn biết phản tỉnh lại các hành động nơi thân của mình.

Thân hành của mỗi người được chia ra làm hai phần:

- Thân hành nội (hơi thở)
- Thân hành ngoại (tất cả mọi sự hoạt động của thân). Thân hành hoạt động gồm có ba nơi:

- Thân
- Miệng
- Ý

Như vậy muốn tỉnh giác trên thân hành thì các bạn hãy phản tỉnh lại thân, miệng, ý của mình, khi phản tỉnh lại thân, miệng, ý của mình là các bạn hãy chủ động điều khiển thân hành, khẩu hành và ý hành, khiến cho thân hành, khẩu hành, ý hành của các bạn không có lỗi lầm. Thân hành, khẩu hành, ý hành của các bạn không có lỗi lầm tức là Chánh Niệm, còn có lỗi lầm là có Tà Niệm.

Rút ra kinh nghiệm tu tập của bài kinh này là phản tỉnh lại thân hành, khẩu hành và ý hành. Phản tỉnh lại thân hành, khẩu hành và ý hành là tỉnh giác, do đó đoạn kinh này nói chung chung là chú ý các hành động của thân như: “Khi đi tới, đi lui, tỉnh giác. khi ngó tới, ngó lui, tỉnh giác, khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác, khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y tỉnh giác, khi ăn uống, khi nhai, khi nếm tỉnh giác, khi đại tiện, tiểu tiện tỉnh giác, khi đi, đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng, đều tỉnh giác”. Đoạn kinh này nói như vậy, khiến các bạn sẽ hiểu sai lệch biến pháp xả tâm thành pháp ức chế tâm. Nếu chúng tôi không giải thích rõ ràng các bạn sẽ hiểu lầm, và tu tập là chỉ lo chú ý tập trung trên thân hành một cách ức chế tâm cho hết niệm khởi, đó là một điều tu sai lệch pháp hết sức. Đức Phật rất sợ chúng ta tu tập Tứ Niệm Xứ làm lạc thì tai hại không lường được về hậu quả. Bởi vì, pháp môn Tứ Niệm Xứ là một pháp môn độc nhất

để đưa con người có đủ năng lực làm chủ nhân quả tức là làm chủ mọi sự hoạt động của chúng ta hằng ngày.

Để kết luận đoạn kinh này các bạn hãy lắng nghe Đức Phật dạy: “Này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo phải sống an trú Chánh Niệm Tỉnh Giác. Đó là lời dạy của Như Lai cho các Tỳ kheo”. Vậy, chúng ta hãy hiểu cho rõ ràng để biết cách sống an trú Chánh Niệm Tỉnh Giác mà không sai lầm trên pháp môn Tứ Niệm Xứ.

Lần lượt chúng tôi sẽ hướng dẫn các bạn an trú Chánh Niệm Tỉnh Giác trong nhiều góc độ của pháp môn Tứ Niệm Xứ để đạt được sự làm chủ sự sống chết hoàn toàn chỉ trong một đời này mà thôi.



GIỚI LUẬT VÀ TRI KIẾN TRONG TỨ NIỆM XỨ

Kính thưa các bạn! Bài pháp trên đây đã dạy chúng ta cách thức sống an trú chánh niệm tỉnh giác trên thân hành, khẩu hành và ý hành để tu tập BỐN NIỆM XỨ. Còn bây giờ chúng ta lại sống an trú chánh niệm tỉnh giác trên giới luật để tu tập Tứ Niệm Xứ. Trước khi triển khai pháp hành này chúng tôi xin các bạn hãy lắng nghe Đức Phật dạy: “Vậy này các Tỳ Kheo, các Thầy phải gọi sạch hai pháp cơ bản về các thiện pháp và thế nào là hai pháp cơ bản về các thiện pháp? Chính là Giới khéo thanh tịnh và Tri kiến chánh trực. Này các Tỳ Kheo, khi nào các Thầy được giới khéo thanh tịnh và Tri kiến chánh trực, các Thầy hãy y cứ trên giới, an trú trên giới tu tập “BỐN NIỆM XỨ: Thân, thọ, tâm, pháp”. (Đại tạng kinh Việt Nam; kinh Tương Ưng tập 5 và Tăng Chi Bộ kinh tập 1).

Đoạn kinh trên đây dạy rất rõ ràng: **“Giới luật và tri kiến”**.

Vậy, muốn khắc phục những tham ưu trên thân, thọ, tâm và pháp thì phải y cứ trên giới luật sống không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào thì mới mong đẩy lui các chướng ngại pháp trên đó (khắc phục tham ưu).

Thưa các bạn! Trong kinh Ước Nguyện Đức Phật cũng đã nhắc nhở chúng ta rất nhiều về giới luật. Vì giới luật rất quan trọng trên con đường tu tập giải thoát. Muốn ước nguyện kết quả một điều gì trong sự tu tập thì giới luật phải nghiêm chỉnh. Ở đây, tu tập Tứ Niệm Xứ Đức Phật cũng dạy chúng ta lấy giới luật và tri kiến làm nền tảng cho sự nhiếp phục những tham ưu trên Tứ Niệm Xứ, nghĩa là muốn đẩy lui những sự khổ đau trên thân, thọ, tâm và pháp thì giới luật phải nghiêm chỉnh. Giới luật nghiêm chỉnh thì tri kiến thanh tịnh, tri kiến thanh tịnh thì

giới luật mới nghiêm chỉnh. Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật. Đó là nền tảng vững chắc để chúng ta tu tập Tứ Niệm Xứ. Vì thế các bạn hãy lưu ý đoạn kinh này: “các Thầy hãy y cứ trên giới, an trú trên giới tu tập “BỐN NIỆM XỨ: Thân, thọ, tâm, pháp” thì các bạn tu tập sẽ làm chủ bốn sự đau khổ; sanh, già, bệnh, chết.



TỨ NIỆM XỨ LÀ NGỌN ĐÈN SOI SÁNG LÀ CHỖ NƯƠNG TỰA VỮNG CHẮC

Pháp môn Tứ Niệm Xứ quan trọng như thế nào mà Đức Phật luôn nhắc nhở ông A Nan hãy lấy pháp môn Tứ Niệm Xứ làm ngọn đèn và làm chỗ nương tựa vững chắc trên đường tu tập cho chính mình. Vậy, các bạn hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ những lời Đức Phật dạy:

1) “*Này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác. Này Ananda, thế nào là Tỳ Kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác?*”. Đoạn kinh trên Đức Phật muốn giới thiệu một pháp môn rất quan trọng cho cuộc đời tu hành của các bạn, không phí công, phí sức, nên Ngài căn dặn ông A Nan rất kỹ lưỡng:

2) “*Ở đây, này Ananda Tỳ Kheo trú quán thân trên thân, nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán thọ trên các thọ nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán tâm trên tâm nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú quán pháp trên các pháp nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này Ananda Tỳ Kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác*”. Các bạn có nghe chẳng? Tứ Niệm Xứ là ngọn đèn chánh pháp, là chỗ nương tựa vững chắc cho các bạn. Như vậy, Tứ Niệm Xứ đúng là một pháp

môn rất quý báu nên Đức Phật lặp đi lặp lại nhiều lần để chúng ta đừng quên pháp môn Tứ Niệm Xứ.

Lời di chúc năm xưa của Đức Phật trước khi nhập Niết Bàn, Ngài bảo các thầy Tỳ Kheo như sau: “Này các Tỳ kheo, sau khi Ta đã Niết Bàn hãy lấy giới luật và giáo pháp của Ta làm thầy làm chỗ nương tựa vững chắc”. Đọc những đoạn kinh trên đây chúng ta mới nhận ra giới luật và giáo pháp của Ngài di chúc lại cho chúng ta là pháp môn Tứ Niệm Xứ. Như vậy các bạn đã rõ chưa?

Lấy mình làm ngọn đèn, làm chỗ nương tựa vững chắc là ý muốn dạy điều gì đây?

Xin thưa cùng các bạn! ***“Tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác”.*** Để thấu rõ và xác định ý nghĩa của câu này chúng tôi xin lặp lại: ***“Tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình”.*** Đó là tri kiến của chúng ta đây các bạn ạ!

Dùng chánh pháp làm ngọn đèn soi sáng, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác là ý Phật muốn dạy pháp môn gì đây?

Xin thưa cùng các bạn! Đó là giới đức, giới hạnh, giới hành và pháp môn Tứ Niệm Xứ. Đọc đến những đoạn kinh trên đây, chắc các bạn đã thấu hiểu và phân biệt chánh pháp của Phật là pháp nào, còn tà pháp của ngoại đạo là pháp nào? Nếu không có những lời xác định chánh pháp của Phật thì đứng trước rừng kinh sách hiện giờ các bạn dễ rơi vào kiến giải tưởng của ngoại đạo.

Tóm lại, khi tu hành theo Phật Giáo thì không nên tu tập bất cứ một pháp môn nào khác mà chỉ nên tu tập Tri Kiến, Giới Luật và Tứ Niệm Xứ.



NGƯỜI TU TẬP PHÁP TỨ NIỆM XỨ LÀ NHỮNG NGƯỜI

TỐI THƯỢNG TRONG HÀNG TỶ KHEO CỦA NHƯ LAI

Một lần nữa chúng ta hãy nghe Đức Phật ca ngợi tán thán pháp môn Tứ Niệm Xứ trước khi vào Niết Bàn:

3) “Này Ananda những ai hiện nay, hay sau khi ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ

nương tựa, không nương tựa một điều gì khác. Những vị ấy, này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỳ Kheo của Như Lai. Nếu những vị ấy nhiệt tâm tinh cần tha thiết học hỏi”. Xem thế, chúng ta mới thấy Tri Kiến, Giới Luật và pháp môn Tứ Niệm Xứ rất quan trọng trên đường tìm tu giải thoát.

Đúng vậy, một pháp môn tu tập làm chủ được những nỗi khổ đau của kiếp người: Sanh, già, bệnh, chết; một pháp môn tuyệt vời, với nền đạo đức không làm khổ mình khổ người, khổ chúng sanh.

Trên đời này nếu ai đủ duyên gặp được Giới Luật và pháp môn Tứ Niệm Xứ của Phật là người có phước báu đầy đủ mà Đức Phật đã xác định: “Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một điều gì khác. Những vị ấy, này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỳ Kheo của Như Lai”. Đức Phật dùng những danh từ “Tối Thượng” và xứng đáng “của Như Lai” này, tán thán rất đúng nghĩa, vì trên đời này không có pháp môn nào làm chủ được những sự đau khổ như vậy.

Những lời dạy trên đây là những lời sách tấn chân thật của Đức Phật thiết tha kêu gọi chúng ta hãy tin tưởng nỗ lực tu hành đừng sợ gian khổ, đừng chùng bước trước mọi sự gian nan thử thách.



NGƯỜI MỚI TU TẬP VẤN TU TẬP PHÁP MÔN TỨ NIỆM XỨ

Pháp môn Tứ Niệm Xứ có ba giai đoạn tu tập:

Tứ Chánh Cần tu tập trên Tứ Niệm Xứ. Tứ Niệm Xứ tu tập trên Tứ Niệm Xứ. Thân Hành Niệm tu tập trên Tứ Niệm Xứ.

Cho nên người mới xuất gia vẫn tu tập pháp môn Tứ Niệm Xứ, nhưng phải tu tập ở giai đoạn đầu Tứ Chánh Cần. Chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy: “Những Tỳ Kheo nào, này các Tỳ Kheo, mới xuất gia tu chẳng bao lâu, mới đến trong những pháp luật này, những Tỳ Kheo ấy, này các Tỳ Kheo, cần phải được khích lệ (samàdāpetabbā) cần phải được hướng dẫn, cần phải được an trú, tu tập Bốn Niệm Xứ (thân, thọ, tâm, pháp) hãy chuyên chú với tâm thanh tịnh, định tĩnh nhất tâm để có chánh trí như thật đối với các pháp”.

Tứ niệm Xứ là giáo trình tu học cho lớp Chánh Niệm mà lớp Chánh Niệm là lớp thứ bảy của tám lớp học (Bát Chánh Đạo). Vậy mà người mới tu sao lại được học lớp này?

Nếu một người không có tu tập thì không thể nào hiểu được pháp môn Tứ Niệm Xứ mà cũng không hiểu được Giới Luật. Như trên đã nói Tứ Niệm Xứ có ba giai đoạn tu tập:

1/ Tứ Chánh Cần tu tập trên Tứ Niệm Xứ. Giai đoạn này người mới tu vẫn tu tập được và tu tập như vậy mới có căn bản.

2/ Tứ niệm Xứ tu tập trên Tứ Niệm Xứ. Giai đoạn rất khó tu, nếu mất căn bản thì không nhiếp phục tham ưu trên thân, thọ, tâm và pháp.

3/ Thân Hành Niệm tu tập trên Tứ Niệm Xứ. Giai đoạn này là giai đoạn cuối cùng của Tứ Niệm Xứ, nó chuyên tu tập để rèn luyện ý thức lực cho mạnh mẽ truyền lệnh để thực hiện Tứ Như Ý Túc.

Còn giới luật cũng có ba động tác đạo đức phải thực hiện hằng ngày là: giới đức, giới hạnh, giới hành. Thực hiện giới luật là phải luôn luôn thực hiện với tri kiến, cho nên kinh dạy: “Giới luật ở đâu là tri kiến ở đó, tri kiến ở đâu là giới luật ở đó, giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”. Nếu người tu sĩ và người cư sĩ không thực hiện giới luật nghiêm chỉnh, còn vi phạm những lỗi nhỏ nhặt, không thấy xấu hổ và sợ hãi thì tu Tứ Niệm Xứ chẳng bao giờ có kết quả tốt ráo, chỉ hoài công vô ích mà thôi, uổng phí một đời tu.

Cho nên nhờ có kinh nghiệm tu tập các bạn mới hiểu được đoạn kinh trên đây nói tu tập Tứ Niệm Xứ nhưng kỳ thật là tu tập Tứ Chánh Cần trên Tứ Niệm Xứ.

Trong Tứ Chánh Cần, gồm có bốn pháp tu tập: Chánh Niệm Tỉnh Giác Định.

Định Vô Lậu. Định Sáng Suốt. Định Niệm Hơi Thở.

Những loại định này đều tu tập trên Tứ Niệm Xứ. Vì thế, người mới vào tu đều phải bắt đầu tu tập bốn loại định này. Nếu ai không tu tập bốn loại định này mà tu tập pháp nào khác thì không phải là tu tập Tứ Niệm Xứ. Không phải tu tập Tứ Niệm Xứ là tu tập sai pháp của Phật, tu theo ngoại đạo. Cho nên, đoạn kinh trên đã xác định rõ ràng, xin các bạn lưu ý.



TỨ THÁNH QUẢ ĐỀU DO TỨ NIỆM XỨ MÀ THÀNH

Chánh Niệm Tỉnh Giác là một tên khác của Tứ Niệm Xứ. Cho nên nói Chánh Niệm Tỉnh Giác là nói đến pháp môn Tứ Niệm Xứ.

Thưa các bạn! Chánh Niệm Tĩnh Giác (Tứ Niệm Xứ) còn đưa chúng ta đến chứng bốn quả Thánh: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Vậy, muốn tu chứng bốn Thánh quả này thì tu Tứ Niệm Xứ như thế nào để đạt được bốn Thánh quả.

Khi tu tập làm cho sung mãn Tứ Niệm Xứ thì nội tâm ta có mười thần lực, nhờ mười thần lực này chúng ta mới nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và mỗi Thiền tương ứng vào mỗi quả như dưới đây:

Nếu muốn tu tập để chứng bốn Thánh quả thì phải tu tập bốn Thiền, có tu tập bốn Thiền mới có chứng những quả theo thứ tự như sau đây:

Tu tập nhập “Sơ Thiền” là tu tập để chứng quả Thánh “Tu Đà Hoàn”. Ngoài pháp “Sơ Thiền” không thể tìm quả giải thoát “Tu Đà Hoàn” được.

Tu tập nhập “Nhị Thiền” là tu tập để chứng Thánh quả “Tư Đà Hàm”. Ngoài pháp “Nhị Thiền” không thể tìm quả giải thoát “Tư Đà Hàm” được.

Tu tập nhập “Tam Thiền” là tu tập để chứng Thánh quả “A Na Hàm”. Ngoài pháp “Tam Thiền” không thể tìm quả giải thoát “A Na Hàm” được.

Tu tập nhập “Tứ Thiền” là tu tập để chứng Thánh quả “A La Hán vô lậu và hướng tâm đến Tam Minh”. Ngoài pháp “Tứ Thiền” không thể tìm quả giải thoát “A La Hán” được.

Theo Đạo Phật, ai tu tập đâu là có kết quả ngay liền, bất cứ pháp môn nào, nếu không tu tập thì thôi, bằng hễ có tu tập là có kết quả của pháp đó. Kết quả của pháp đó gọi là chứng pháp. Giới luật cũng như vậy, ai giữ gìn được một giới là có kết quả là một ác pháp, là một tâm dục. Cho nên, có những người không hiểu về giới luật của Phật, họ không biết rằng: Giới luật Phật chính là nền đạo đức nhân bản – nhân quả, tức là đạo đức của loài người, họ cho rằng những giới luật của Phật hiện giờ không phù hợp với thời đại khoa học công nghệ hiện đại hóa xã hội. Điều này sai, vì khoa học kỹ nghệ hiện đại hóa xã hội thì giới luật (đạo đức) rất cần thiết cho mọi người để quân bình xã hội. Còn đời sống của Tăng, Ni và cư sĩ thì cũng không nên bỏ một giới luật nhỏ nhặt nào cả, giới luật là hành động đạo đức của đời sống tu sĩ và cư sĩ; giới luật là Phạm hạnh của người tu “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo”. Tại sao lại bỏ? Tất cả giới luật của Phật, dù giới lớn, giới nhỏ nhặt, giới trọng, giới khinh, v.v.. Giới nào nó cũng đều là những hành động đức hạnh làm Người, làm Thánh mà mọi người trên thế gian này, ai ai cũng cần

phải học tập để sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh, bằng giới luật đạo đức thương yêu, tha thứ để đem lại hạnh phúc, yên vui cho nhau mãi mãi trong cuộc đời này. Vì thế làm sao bỏ những giới nhỏ nhặt. Phải không các bạn?

Chỉ có những người vô minh sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, họ không hiểu giới luật là đạo đức làm Người, làm Thánh của những bậc tu hành chân chính; họ không biết giới luật là thiện pháp để chuyển hóa nhân quả đem lại đời sống an vui hạnh phúc cho họ. Vì thế, họ mới dám tuyên bố bỏ những giới nhỏ nhặt. chà đạp lên giới luật, xem thường người Phật tử chẳng hiểu biết gì về giới luật của Phật cả, nên quý Thầy mặc sức tung hoành ăn uống phi thời, ngồi quán, ngồi lều nhậu nhẹt rượu chè say sưa, chạy xe lạng lách, xem ca hát và tự ca hát, v.v... họ không còn xem Phật Giáo là một tôn giáo mà là một nghề mê tín khéo lừa người để sống.



ÁC NGHIỆP

LỜI PHẬT DẠY

“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm?

Này Mahàli, do nhân tham, do duyên tham, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.

Này Mahàli, do nhân sân, do duyên sân, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.

Này Mahàli, do nhân si, do duyên si, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.

Này Mahàli, do nhân phi như lý tác ý, do duyên phi như lý tác ý, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.

Này Mahàli, do nhân tà hướng, do duyên tà hướng, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Và ngược lại thì thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm”. (Tăng Chi Bộ Kinh tập IV trang 355).

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh này Đức Phật đã xác định hướng đi và pháp hành của chúng ta trên đường tu tập từ khởi đầu đi đến rốt ráo. ***“Do nhân gì, do duyên gì, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm? Và “do nhân gì, do duyên gì, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm?”***

Khi rõ được lời dạy này, chúng ta sống là tu, chúng ta tu là sống. Cho nên biết sống là tu, biết tu là sống thì cuộc sống này là Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn. Đã là Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn thì còn đến chùa tụng kinh, niệm Phật, ngồi Thiền để làm gì? Nếu để cầu về cõi Thiên Đàng, Cực Lạc và Niết Bàn thì chỉ là những người mất trí mà thôi! Cõi Thiên Đàng, Cực Lạc và Niết Bàn là cõi tưởng. Vậy, các bạn có nên cầu về đó chẳng? Có cõi đó đâu mà cầu. Phải không các bạn?

Cực Lạc, Thiên Đàng và Niết Bàn là ở tại tâm chúng ta. Khi chúng ta biết: “Do nhân tham, sân, si, do duyên tham, sân, si, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm? Và “do nhân vô tham, vô sân, vô si, do duyên vô tham, vô sân, vô si, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm?”

Khi chúng ta biết: Do nhân như lý tác ý, do duyên như lý tác ý, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm? Phật pháp rất thực tế, nó là nền đạo đức nhân bản - nhân quả giúp cho con người xây dựng hành tinh sống này trở thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng và Niết Bàn. Có đúng vậy không các bạn?

Nếu mọi người đều hiểu Phật Pháp một cách rất cụ thể như lời Phật đã dạy trên đây thì chúng tôi tin chắc rằng mọi người trên thế gian có một cuộc đời an lạc tuyệt vời.

Chúng tôi ước nguyện cho mọi người trên hành tinh sớm được gặp những lời dạy quý báu này để mọi loài sống và

được hưởng một mùa xuân vĩnh cửu.



KHIẾP ĐẢM VÀ SỢ HẠI

LỜI PHẬT DẠY

“Này Bà La Môn, xưa kia khi Ta chưa chứng ngộ chánh đẳng giác, khi còn là Bồ Tát, Ta nghĩ như sau: “Thật khó kham nhẫn những trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thường

thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng: Rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỳ Kheo chưa chứng thiền định!”

Này Bà La Môn, rồi Ta suy nghĩ: ***“Những Sa môn hay Bà La Môn nào, thân nghiệp không thanh tịnh, sống trong các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, thân nghiệp không thanh tịnh, những tôn giả Sa Môn hay Bà La Môn ấy làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Thân nghiệp ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh.***

Này Sa Môn hay Bà La Môn nào có khẩu nghiệp không thanh tịnh... Có ý nghiệp không thanh tịnh... Có mạng sống không thanh tịnh, sống trong các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, mạng sống không thanh tịnh, những tôn giả Sa Môn hay Bà La Môn ấy làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên...

Này Bà La Môn, Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.”

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh trên đây vừa trả lời và vừa xác chứng về câu hỏi thứ nhất của các bạn: “Thưa Thầy chúng con có tu chứng quả A La Hán trong đời này không?”

Thường đặt ra câu hỏi là có câu trả lời, nhưng câu hỏi này đã có câu trả lời rồi, các bạn không chú ý mà thôi. Câu hỏi này có bốn điều nghi ngờ và một điều thiếu lòng tin:

Một là nghi mình không đủ khả năng tu tập. Hai là nghi Thầy tu tập chưa tới nơi tới chốn. Ba là không tin pháp mình đang tu tập.

Bốn là thiếu lòng tin nơi mình, nơi Thầy.

Phần đông những tu sĩ hay cư sĩ về tu tập tại tu viện Chơn Như, hay hỏi Thầy trong đời này mình có tu chứng quả A La Hán hay không?

Nếu thẳng thắn trả lời câu hỏi này có hai điều bất lợi cho người hỏi:

Nếu nói rằng được thì người này sinh ra ngã mạn, cống cao, tham vọng tu tập quá sức khiến cho cơ thể thành bệnh, v.v...

Còn bảo rằng tu không được thì lại sinh ra lười biếng tu lấy có hình thức chứ tâm ý không còn nhiệt tâm, nhiệt huyết tu tập.

Còn riêng chúng tôi tu hành là để tìm sự giải thoát cho cuộc đời đầy đau khổ của mình chứ đâu phải để làm ông thầy bói mà nói chuyện vị lai cho mọi người. Thế mà mọi người không tự tin nơi mình, không lấy mình làm chỗ nương tựa vững chắc cho mình; không lấy mình làm hòn đảo cho chính mình, mới có những câu hỏi như vậy. Vì pháp Phật không có thời gian, đến để mà thấy...Không tu tập thì thôi mà đã tu tập thì có kết quả giải thoát ngay liền. Như vậy các bạn không đủ lòng tin hay sao?

Đã không tin nơi mình thì làm sao tu chứng quả A La Hán được. Phải không các bạn?

Để thay câu trả lời của chúng tôi bằng lời dạy của Đức Phật trong đoạn kinh dưới đây: “Ở nơi trú xứ xa vắng, trong rừng rú hoang vu mà chúng ta không sợ hãi, khiếp đảm. Đó là vì thân nghiệp của chúng ta thanh tịnh. Thân nghiệp của chúng ta thanh tịnh thì chúng ta là một bậc Thánh”. Đây lời xác chứng của Đức Phật, xin các bạn đọc lại trọn đoạn kinh trên thì sẽ biết rõ ràng, các bạn tu chứng hay không tu chứng quả A La Hán đều biết không cần phải hỏi Thầy.



CHỨNG QUẢ A LA HÁN

LỜI PHẬT DẠY

“Này Bà La Môn, rồi Ta suy nghĩ: “Những Sa môn hay Bà La Môn nào, có tâm sân hận ác ý, sống trong các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, có tâm sân hận ác ý, những tôn giả Sa Môn hay Bà La Môn ấy làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tâm sân hận ác ý, sống tại các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta có từ tâm. Ta là một trong những bậc Thánh có từ tâm, sống tại các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Này các Bà La Môn, Ta tự quán sát Ta có từ tâm như vậy, Ta cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống rừng núi”.

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh trên đây xác chứng khi tâm chúng ta còn “tham, sân, si (hôn trầm thù miên), mạn, nghi, tâm không an tịnh, dao động, do dự, khen mình, chê người, run rẩy, sợ hãi, ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, biếng nhác, kém tinh

tấn, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm bị tán loạn, liệt tuệ, đần độn, v.v... thì sẽ sợ hãi, khiếp đảm, sống tại các trụ xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu”.

Những người có một trong những tâm trạng trên đây là không thể tu chứng quả A La Hán trong đời này. Đó là lời xác định của Đức Phật. Vậy, trong đời này chúng ta có thể tu chứng quả A La Hán bằng cách cần phải tiêu diệt tâm trạng sợ hãi.

Vậy, bây giờ có một người hỏi bạn: *“Trong một đời này tôi có thể tu chứng quả A La Hán được không?”*

Bạn sẽ thành thật trả lời câu hỏi của chúng tôi: “Bạn có còn ham thích ăn, thích ngủ, thích hội họp, thích nói chuyện không?”

Nếu bạn trả lời không thì bạn có thể tu chứng quả A La Hán, còn nếu bạn trả lời có thì bạn không thể chứng quả A La Hán được. Chừng nào bạn tu tập sống đúng những Phạm hạnh trên thì tự bạn cũng xác định được sự tu tập của mình, chứ cần gì bạn phải hỏi. Phải không các bạn?

Theo lời Phật dạy trên đây lấy tiêu chuẩn sợ hãi và khiếp đảm để xác định sự tu chứng quả A La Hán hay không chứng quả A La Hán cũng không khó khăn.

Một người còn sợ hãi và khiếp đảm là còn vướng mắc những tâm trạng như: Thân, khẩu, ý không thanh tịnh, tâm chúng ta còn tham ăn, tham ngủ, không sống độc cư trọn vẹn, tham, sân, si (hôn trầm, thù miên), mạn, nghi hoặc, dao động, tâm không an tịnh, do dự, khen mình, chê người, run rẩy, sợ hãi, ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, biếng nhác, kém tinh tấn, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm bị toán loạn, liệt tuệ, đần độn, v.v... Đó là những điều khiến tâm sợ hãi và khiếp đảm. Tâm còn mang những trạng thái trên đây là không thể tu chứng quả A La Hán được. Cho nên khi đặt câu hỏi: Trong một đời này mình có tu chứng quả A La Hán hay không? Thì nên tự hỏi lại mình. Mình có sống và làm chủ tâm mình chưa, còn bị các ác pháp trên đây chi phối không?



CÂY GAI

LỜI PHẬT DẠY

“1/ Với người ưa thích viễn ly, ưa thích hội họp chúng là cây gai.

- 2/ Với người chuyên chú tu tập tướng bất tịnh, tu tịnh tướng là cây gai.
 - 3/ Với người phòng hộ các căn, đi xem diễn văn nghệ là cây gai.
 - 4/ Với người sống Phạm hạnh, thân cận với phụ nữ là cây gai.
 - 5/ Với người chứng Thiền Thứ Nhất, tiếng ồn là cây gai.
 - 6/ Với người chứng Thiền Thứ Hai, tầm tứ là cây gai.
 - 7/ Với người chứng Thiền Thứ Ba, hỷ là cây gai.
 - 8/ Với người chứng Thiền Thứ Tư, hơi thở ra hơi thở vô là cây gai.
 - 9/ Với người đã đạt được Diệt Thọ Tướng Định, tướng thọ là cây gai.
 - 10/ Tham là cây gai. Sân là cây gai. Si là cây gai.
 - 11/ Nay các Tỳ Kheo, hãy sống không phải là cây gai.
 - 12/ Nay các Tỳ Kheo, hãy sống rời khỏi cây gai.
 - 13/ Nay các Tỳ Kheo, hãy sống không phải là cây gai và rời khỏi cây gai.
 - 14/ Nay các Tỳ Kheo, không có cây gai là bậc A La Hán.
 - 15/ Nay các Tỳ Kheo, rời khỏi cây gai là bậc A La Hán.
 - 16/ Nay các Tỳ Kheo, vị không có cây gai và rời khỏi cây gai là bậc A La Hán.
- (Tăng Chi Kinh tập 4 trang 417–418).

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh trên đây đã xác định được những pháp chướng ngại trong những pháp tu tập của chúng ta.

Pháp chướng ngại thứ nhất: Là người ưa thích sống đời sống viển ly thì không ưa thích hội họp. Hội họp là pháp chướng ngại. Ngược lại, người ưa thích hội họp thì không ưa thích viển ly. Viển ly là pháp chướng ngại. Vì sống viển ly buồn tẻ và cô đơn, nên Đức Phật đưa ra hai pháp đối chiếu: “Với người ưa thích viển ly, ưa thích hội họp chúng là cây gai”, để chúng ta thấu rõ Pháp của Phật là pháp sống viển ly. Vì có viển ly thì tâm mới ly dục ly ác pháp được. Cho nên những tu sĩ và cư sĩ đến tu viện Chơn Như tu tập ưa thích hội họp là những cây gai đối với pháp Phật. Có đúng không thưa các bạn?

Vậy, khi muốn tu tập theo Phật Giáo, thì các bạn nên tránh hội họp mà phải giữ gìn nghiêm chỉnh lời dạy này, Các bạn có nhìn thấy những tu sĩ Phật Giáo hiện

giờ không? Chuyên môn hội họp nói chuyện như các tu sĩ Bà La Môn ngày xưa trong thời Đức Phật.

Pháp chương ngại thứ hai: Xin các bạn lưu ý lời dạy này: “Vớ người chuyên chú tu tập tướng bất tịnh, tu tịnh tướng là cây gai” Tu tập tướng bất tịnh là tu quán bất tịnh các bạn ạ! Vậy tu quán là gì? Tu quán là tư duy suy nghĩ về một đề tài gì. Ví dụ: Đưa ra đề tài quán thân bất tịnh. Có nghĩa là quán trong thân này như: máu, mủ, đờm, nhớt, phân phần, nước tiểu, ghèn, nước mũi, nước miếng, v.v... dơ bẩn, hôi thối, uế trược, bất tịnh. Khi quán tướng bất tịnh như vậy thì tướng, tướng bất tịnh xuất hiện, khi tướng, tướng bất tịnh xuất hiện thì tâm sanh nhàm chán sắc dục, thấy tướng nữ sắc thì ghê sợ. Còn tướng, tướng bất tịnh không xuất hiện thì chưa nhàm chán tâm sắc dục.

Khi quán như vậy thì tâm luôn luôn bị động, nên đối với tướng tịnh, có nghĩa là tướng thanh tịnh, tướng trong sạch, tướng không động là cây gai thì quá rõ nghĩa không còn cách nào khác đi được. Vì tướng động và tướng tịnh là hai tướng chống trái nhau, như hai cực của nam châm, không cùng ở chung nhau một chỗ.

Tướng tịnh chúng ta còn phải hiểu là tướng sạch sẽ, trong sạch, thanh khiết như người đời thường cho thân này sạch sẽ, không uế trược không bất tịnh, vì thế sanh tâm tham đắm sắc dục, ưa thích sắc dục, v.v...

Giai đoạn tu tập Giới Luật là giai đoạn tu quán: Dùng tri kiến giải thoát mà nhìn mọi sự vật tức là Chánh Tri Kiến; dùng tri kiến giải thoát tư duy suy nghĩ mọi sự vật, mọi pháp tức là Chánh Tư Duy.

Cho nên, khi tu tập quán sát, tư duy suy nghĩ và như lý tác ý là tu trong động để giúp tâm ly dục ly ác pháp. Khi tâm ly hết dục và ác pháp thì tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tâm bất động; tâm bất động là tịnh tướng của tâm.

Khi tâm chưa ly dục ly ác pháp mà tu tịnh tướng thì đó là ức chế tâm. Ức chế tâm làm sao ly dục ly ác pháp được.

Cấp 1 của Phật Giáo là tu tập Giới Luật. Giới luật tu tập thì phải dùng tri kiến. Kinh Sonadanda dạy: “Giới luật ở đâu là tri kiến ở đó, tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó, Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh Giới luật”. Như vậy, lời dạy trên đây là để tu quán tâm vô lậu, là tu tập tướng động. Tu tập tướng động, tức là tu giới luật. Có đúng như vậy không các bạn?

Nếu chúng ta không nhận xét kỹ về phương pháp tu tập thì chúng ta sẽ tu lầm lạc, cũng như học sinh cấp I mà lại trèo lên học cấp II. Học sinh học như vậy có học được không hỏi các bạn? Học như vậy, chỉ mất tiền, mất công sức mà chẳng được gì. Người tu sĩ và cư sĩ thời nay cũng vậy. Giới luật chưa nghiêm túc mà tu thiền thì chúng tôi nghĩ rằng thiền đó chỉ là thiền tưởng mà thôi.

Tóm lại, lời dạy trên đây là khuyên chúng ta nên tu tập xả tâm, chứ đừng tu tập ức chế tâm; diệt sạch vọng tưởng, đó là tu tập sai pháp. Tu theo Phật Giáo, các bạn nên lưu ý vấn đề này để bảo đảm con đường tu tập cho đến nơi đến chốn.

Pháp chương ngại thứ ba: Là phòng hộ sáu căn là pháp môn độc cư, nhờ có độc cư tâm chúng ta mới ly dục ly ác pháp. Nếu phòng hộ sáu căn mà hội họp nói chuyện này, chuyện khác, ca hát và đi xem ca hát thì làm sao mà phòng hộ sáu căn được. Phải không các bạn? Vì lý do này mà Đức Phật dạy: “Với người phòng hộ các căn, đi xem văn nghệ trình diễn là cây gai”. Lời dạy này rất đúng.

Thưa các bạn! Tu Viện Chơn Như mở cửa đón mọi người về đây tu tập, nhưng ít ai giữ gìn phòng hộ sáu căn cho trọn vẹn, cho nên họ tu tập để đi sâu vào thiền định thì rất khó khăn. Phòng hộ sáu căn để ly dục ly ác pháp mà còn chưa thực hiện được thì tu tập cái gì được. Rất tiếc cho những người này, một đời tu tập chỉ làm đá kê đường cho người khác đi. Thật là buồn tủi và xấu hổ. Sống tu hành là nhắm vào chỗ thoát ra bốn sự khổ đau của kiếp người: sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi mà lại bỏ cuộc giữa đường thật là uổng phí. Uổng phí một đời mà còn làm đá trải đường cho người khác, thật là nhục nhã.

Pháp chương ngại thứ tư: Là người tu theo Phật Giáo lấy đức hạnh sống của Phạm Thiên làm hạnh sống của mình. Sống đời sống Phạm hạnh thì không thân cận với người khác phái. Thân cận với người khác phái thì không thể nào sống đời sống Phạm hạnh được. Do đó Đức Phật dạy: “Với người sống Phạm hạnh, thân cận với người khác phái là cây gai”. Người tu sĩ Phật Giáo mà không sống đời sống Phạm hạnh thì không thể nào tu theo Phật Giáo được. Tại vì Phật Giáo lấy Phạm hạnh làm gốc ly dục ly ác pháp. Phạm hạnh tức là tâm đã lìa xa sắc dục. Phạm hạnh không thanh tịnh thì không ly dục ly ác pháp được.

Nếu một người sống Phạm hạnh mà còn thân cận với người khác phái thì không thể sống Phạm hạnh được. Khi tu tập chưa chứng đạo mà thân cận với người khác phái thì không Lời nhắc nhở trên đây “Với người sống Phạm hạnh,

thân cận với người khác phái là cây gai”, khiến cho chúng ta cần phải dè dặt, cảnh giác khi chúng ta thân cận với người khác phái.

Pháp chương ngại thứ năm: Là người tu thiền định để được nhập vào Sơ Thiền thì phải tìm nơi thanh vắng yên tĩnh, sống một mình. Cho nên nơi nào có tiếng ồn thì không nên tu thiền. Vì nơi đó không thể nhập thiền định được. Vì thế Đức Phật dạy: “Với người chứng thiền thứ nhất, tiếng ồn là cây gai”. Khi nhập vào Sơ Thiền mà luôn luôn bị tiếng ồn tác động vào tâm thì rất khó duy trì ở trong trạng thái Sơ thiền. Bởi vì trong Sơ Thiền sáu căn: Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý còn hoạt động đầy đủ, nên sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhất là thanh trần tác động làm cho hành giả khó duy trì ở trong trạng thái Sơ Thiền. Cho nên tiếng ồn là cây gai của Sơ Thiền.

Bởi, khi muốn nhập định Sơ Thiền thì điều cấm kỵ thứ nhất là tiếng ồn.

Pháp chương ngại thứ sáu: Là ý thức chưa dừng thì không bao giờ nhập được Thiền Thứ Hai, nói cho dễ hiểu là sáu thức phải dừng thì mới nhập được Thiền Thứ Hai, có nghĩa là mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều ngưng hoạt động, giống như người đang ngủ.

Nếu sáu thức dừng thì cái gì biết trong Thiền Thứ Hai? Cái biết trong Thiền Thứ Hai là cái biết của tướng thức các bạn ạ! Cái biết giống như cái biết trong giấc chiêm bao vậy.

Nếu trong giấc mộng mà còn có ý thức biết phân biệt, nhĩ thức nghe, nhãn thức thấy, v.v... thì người ấy không nhập được Thiền Thứ Hai. Cho nên Đức Phật xác định: “Với người chứng Thiền Thứ hai, tầm tứ là cây gai”. Đúng vậy, nhập Thiền Thứ Hai mà còn tầm tứ, còn nghe âm thanh, còn thấy sắc tướng là Thiền Thứ Hai gì? Thiền điên...

Như vậy, trong Thiền Thứ Hai khi nhập vào thì sáu thức không còn hoạt động. Lúc bây giờ, người nhập Thiền Thứ Hai đang ở trong một trạng thái khác mà người đời không hiểu cho là thế giới siêu hình. Trạng thái này, con người từ xưa đến nay cho rằng: “Sau khi chết còn có sự sống”. Sự sống đó chính là trạng thái này vậy.

Thưa các bạn! Trạng thái này là trạng thái của tướng uẩn, khi tướng uẩn diệt thì trạng thái này cũng diệt theo. Như vậy, khi người chết thì trạng thái này cũng không còn nữa. Thế sao người ta lại bảo: “Sau khi chết còn có sự sống”? Đó là vì

con người đang sống trong điên đảo tưởng mà thấy có thể giới linh hồn sau khi chết.

Tóm lại, khi nhập vào Thiền Thứ Hai là nhập vào thế giới siêu hình tưởng, cho nên còn có tầm tứ thì không thể nhập được. Vì vậy, mới gọi tầm tứ là cây gai của nó. Xin các bạn nên lưu ý cho điều này.

Khi đọc sách Đường Về Xứ Phật chúng tôi thường nhắc các bạn về xúc tưởng hỷ lạc. Vì xúc tưởng hỷ lạc là một trạng thái do tưởng uẩn sanh ra để làm cho các bạn thích thú hoan hỷ trong khi tọa thiền.

Người tu thiền khi tu sai pháp thường ức chế tâm, do ức chế tâm nên xúc tưởng hỷ lạc sanh ra, từ đó nếu không biết chặn đứng nó, cứ tiếp tục tu tập theo kiểu ức chế tâm, cho đến khi ý thức không còn hoạt động nữa thì người ấy đã trở thành người bệnh rối loạn thần kinh. Còn nếu ý thức còn hoạt động thì bị căng mặt, căng mũi, căng đầu, v.v... không thể nhiếp tâm được nữa.

Khi chúng ta nhập vào Thiền Thứ Hai thì lần lượt có 18 loại hỷ tưởng xuất hiện. Do muốn ra khỏi Thiền Thứ Hai thì phải xả 18 loại hỷ tưởng này, khi xả hết 18 loại hỷ tưởng này thì chúng ta ở trong một trạng thái mới nữa, đó là một trạng thái Thiền Thứ Ba. Nếu ở trạng thái Thiền Thứ Ba này còn có một chút hỷ của Thiền Thứ Hai thì không nhập vào được Thiền Thứ Ba. Vì thế Đức Phật đã xác định: “Với người chứng Thiền Thứ Ba, hỷ là cây gai”. Khi tu thiền định hành giả cần lưu ý điều này. Nếu không rõ mà tuyên bố nhập về Bốn Thiền, thì sẽ làm trò cười cho những ai đã nhập được Bốn Thiền, bởi vì họ biết các bạn nói dối, chưa nhập Bốn Thiền mà nói mình nhập Bốn Thiền như nhiều người khác nữa, v.v...

Tứ Thánh Định là một loại thiền của những bậc Thánh chứ không phải của những kẻ phàm phu, tâm còn tham, sân, si đầy đầy mà nói nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền. Rõ ràng là nói vọng ngữ. Chúng tôi xin lưu ý các bạn. Tứ Thánh Định là một loại thiền định dành cho những bậc Thánh. Cho nên nó đòi hỏi các bạn phải ly dục ly ác pháp cho thật sạch không còn một chút xíu tham, sân, si, mạn, nghi thì mới nhập nó được. Tâm còn ham ăn ham ngủ mà nói nhập Tứ Thánh Định là các bạn phỉ báng Phật pháp.

Tóm lại, muốn nhập Tam Thiền thì phải lìa xa các trạng thái hỷ tưởng của các bạn, nếu còn một chút xíu hỷ tưởng thì các bạn vẫn còn trong Nhị Thiền. Như vậy, hỷ là cây gai của Tam Thiền xin các bạn lưu ý cho điều này.

Pháp chương ngại thứ bảy: Là muốn chứng đạt Tứ Thiền thì hơi thở phải tịnh chỉ hoàn toàn, nếu còn một chút xíu hơi thở vô, hơi thở ra thì cũng không nhập được Tứ Thiền. Bởi mục đích của Tứ Thiền là các hành trong thân phải ngưng hoạt động. Cho nên hơi thở còn thở ra, thở vô, dù là hơi thở rất nhẹ và yếu thì cũng chưa nhập Tứ Thiền. Nhưng đôi khi ngồi thiền chúng ta không còn thấy hơi thở ra, vô mà sao không nhập Tứ Thiền được?

Không nhập Tứ Thiền là vì chúng ta đang nhập trong “tưởng không” nên không cảm nhận và không thấy hơi thở ra, vô. Khi nhập định Tứ Thiền là tâm chúng ta phải thật sự thanh tịnh, có nghĩa là tâm phải ly dục ly ác pháp hoàn toàn. Khi tâm thanh tịnh hoàn toàn thì tâm có bảy năng lực của Giác Chi, nhờ có năng lực của Giác Chi này mà chúng ta mới tịnh chỉ hơi thở nhập được Tứ Thiền. Tâm thanh tịnh tức là tâm định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, cho nên nhập Tứ Thiền rất dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc. Vì thế ở đây Đức Phật bảo cho chúng ta biết: “Với người chứng Thiền Thứ Tư, hơi thở ra hơi thở vô là cây gai”. Khi muốn nhập Tứ Thiền, các bạn nên lưu ý lời dạy này, nó là kim chỉ nam để các bạn nhận biết đúng là mình nhập Tứ Thiền hay chưa nhập được.

Pháp chương ngại thứ tám: Là Diệt Thọ Tưởng Định, đây là tầng định cao nhất trong các tầng định. Người nhập Diệt Thọ Tưởng Định là phải diệt sạch Thọ và Tưởng, nếu còn một chút xíu Thọ và Tưởng thì không thể nào nhập được Diệt Thọ Tưởng Định. Diệt Thọ Tưởng Định nhập để chơi chứ chẳng có ý nghĩa lợi ích gì cho cuộc sống, chỉ để chứng tỏ mình nhập được định cao nhất với mọi người. Ngược lại, định Tứ Thiền có công năng giúp chúng ta làm chủ được sự sống chết và giúp chúng ta triển khai trí tuệ Tam Minh bừng sáng sạch mầm tái sinh luân hồi. Nhưng ở đây, Đức Phật dạy cho chúng ta biết, cái gì đã khiến cho chúng ta nhập Diệt Thọ Tưởng Định không được: “Với người đã đạt được Diệt Thọ Tưởng Định, tưởng, thọ là cây gai”. Các bạn nên lưu ý: Còn một chút xíu cảm thọ và tưởng thì các bạn cũng chưa nhập được Diệt Thọ Tưởng Định. Vì tưởng và thọ là chương ngại pháp lớn của Diệt Thọ Tưởng Định.

Pháp chương ngại thứ chín: Trên đây Đức Phật đã xác định cây gai của Giới, của Định và của Tuệ. Nếu tâm bạn còn tham, sân, si thì tham, sân si là cây gai

của Giới luật và như vậy tâm bạn chưa ly dục ly ác pháp. Bởi vì tâm bạn còn những cây gai tham, sân, si...Cho nên Đức Phật nhắc nhở và khuyên các bạn hãy cố gắng tu tập đừng để có những cây gai trên đường tìm về bến giải thoát:

“Tham là cây gai. Sân là cây gai. Si là cây gai. Nay các Tỳ Kheo, hãy sống rời khỏi những cây gai.

Nay các Tỳ Kheo, hãy sống không phải là những cây gai”.

Đúng vậy các bạn ạ! Muốn đi trên con đường thoát khổ thì hằng ngày các bạn hãy siêng năng quét dọn cho thật sạch những cây gai, rời khỏi những cây gai và sống không phải là những cây gai các bạn ạ! Chính vì không hiểu lý vô thường của các pháp nên bạn là cây gai của bạn.

Pháp chương ngại thứ mười: Là muốn chứng quả A La Hán vô lậu giải thoát thì cuộc sống không bao giờ có những cây gai, nên Đức Phật dạy: “Nay các Tỳ Kheo, không có cây gai là bậc A La Hán”.

Nay các Tỳ Kheo, rời khỏi cây gai là bậc A La Hán.

Nay các Tỳ Kheo, vị không có cây gai và rời khỏi cây gai là bậc A La Hán”.

Xem thế, chúng ta mới biết bậc A La Hán của Phật Giáo không phải là khó, chỉ cần có một cuộc sống không làm cây gai, rời khỏi cây gai, không có cây gai, chứ đâu phải cần đắc thiền, đắc định gì cả. Phải không hỡi các bạn? Trên đây là lời dạy của Đức Phật đã xác định điều đó. Xin các bạn lưu ý cho.



LÒNG TIN

LỜI PHẬT DẠY

“Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa”.

CHÚ GIẢI:

Xưa, Đức Phật còn tại thế, chúng Tỳ Kheo nào tu tập chứng quả A La Hán đều tin vào Đức Phật, vào pháp của Đức Phật, còn ngược lại chúng Tỳ Kheo nào không tin vào Phật, Pháp thì quả A La Hán kia không bao giờ đến với họ được. Cho nên các vị Tỳ Kheo trong thời đó thường nói lên câu nói này trước Đức Phật: “Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế

Tôn làm chỗ nương tựa”. Lòng tin ấy đã giúp họ sống đúng Phạm hạnh và thực hành nghiêm chỉnh không sai lời dạy, mặc dù lúc bấy giờ pháp môn của Bà La Môn rất thịnh hành cũng giống như pháp môn của Đại Thừa hiện giờ vậy. Nhưng khi tin Phật họ đều ném bỏ giáo pháp Bà La Môn xuống như một chiếc giày rách, do đó họ mới tu chứng quả A La Hán. Nhưng dù sao thời đó cũng có nhiều người còn chấp chặt pháp môn của Bà La Môn. Đại diện như Đề Bà Đạt Đa chống lại Phật và tìm mọi cách giết Phật. Ảnh hưởng tư tưởng tinh thần diệt Phật Giáo từ khi Đức Phật còn tại thế, hôm nay, tinh thần tư tưởng đó đã thể hiện và thành hình một Phật Giáo kiểu mới “Phật Giáo Đại Thừa” mà hiện giờ mọi người đang tôn thờ, còn Phật Giáo nguyên gốc thì ít có người biết đến. Nếu tại Việt Nam không có Hòa Thượng Minh Châu dịch tạng kinh Nguyên Thủy thì giờ này tín đồ Phật Giáo sẽ ra sao? Còn biết Phật Giáo nữa không? Giáo lý Đại Thừa gần như phủ kín chánh pháp của Phật. Có phải không hỡi các bạn?

Đọc lại những lời Phật dạy và lòng tin của chúng Thánh Tăng ngày xưa và xét lại ngày nay chúng tôi dạy các bạn tu hành, bạn nào tin nơi chúng tôi thì bạn ấy có giải thoát; bạn nào không tin nơi chúng tôi, thường tin kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông, sống đời sống phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới, bạn ấy sẽ không có giải thoát và còn đi vào con đường bỉ thử danh lợi, nên thường chê bai, kích bác người khác thế này, thế kia. Nhưng cuối cùng bạn ấy tu hành chẳng tới đâu, chỉ có uốn ba tấc lưỡi lừa đảo những người khác chưa thông giáo lý của Phật, chứ không thể lừa đảo những người sống có Phạm hạnh, có Thiền định, có Tam Minh.

Khi đọc lại những lời hứa hẹn tin tưởng vào Đức Phật của chúng Thánh Tăng trên đây, so sánh những người đệ tử thời nay của mình, chúng tôi mới thấm thía. Khi bước ra khỏi cổng chùa hạt cơm còn dính kẻ răng, thế mà họ nói những lời vong ơn, phụ nghĩa, chẳng khác nào Đề Bà Đạt Đa ngày xưa đối với Đức Phật vậy.

Trong lúc chúng tôi Trích Lục cho in tập 2 này thì được đọc bài viết của một Tu Sinh ở tu viện Chơn Như nói về: “Niềm Tin Và Giới Đức” trong Tập Phụ Lục Đặc San Sinh Nhật Đức Thầy Thông Lạc năm 2004. Bài viết ấy nói lên những kinh nghiệm tu hành của mình trong những lời dạy của Đức Phật mà Thầy Thông Lạc đã triển khai. Chúng tôi nhận thấy rất phù hợp với sự tu tập của các bạn và làm sáng tỏ Niềm Tin đối với Phật Pháp, nên chúng tôi xin trích vào phần phụ Lục của tập sách nhỏ này.

PHỤ LỤC – NIỀM TIN VÀ GIỚI ĐỨC

(Bài Thích Nữ Hương Liên Phụ Lục Đặc San Sinh Nhật Thầy)

Xin Kính chào các bạn,

Quý bạn có biết Phật độ chúng sanh lấy gì làm gốc không?

Thưa các bạn! Phật lấy Tín Tâm làm gốc để độ chúng sanh. Thế nên trong kinh Phật dạy: "Tất cả chúng sanh dù nghiệp nặng đến đâu cũng có thể độ được nếu vị đó có lòng tin sâu sắc đối với Đạo Phật và đối với vị Đạo Sư khai đạo để độ chúng sanh tu". Lòng tin ấy cũng gọi là tâm chí thành. Nhờ tâm chí thành ấy mà tạo thành từ trường tương ứng cảm ứng đến Ba Ngôi Báu (Tam bảo) và cộng hưởng với Bốn Điều Bất Hoại Tịnh là Phật Pháp Tăng và Giới (Tứ bất hoại tịnh) cũng như máy thu thanh tiếp nhận làn sóng của đài phát thanh vậy.

Do đó, chỉ có người nào có đức tin, có lòng chí thành mới có đầy đủ phước duyên gặp được Chánh Pháp, thân cận Minh Sư hấp thụ nhiều pháp bảo quý giá có thể đưa mình từ bến mê sang bờ giác, từ chỗ tối tăm đến nơi sáng suốt, từ biển khổ đến Niết bàn thanh lương an lạc giải thoát.

Chính "NIỀM TIN" là điều kiện cốt yếu và trước tiên để chư Phật, chư vị Đạo Sư dẫn dắt chúng sanh vào nhà Chánh đạo. Nên trong Kinh Phật thường nói: "Đức Tin là mẹ của các công đức pháp lành vậy".

Thế gian thường nói "chứa đức hơn chứa vàng". Nhưng đức ấy không phải tự dưng mà có, "PHẢI CÓ TÍN TÂM MỚI DỤNG CÔNG TU HÀNH GIỚI ĐỨC" tích lũy lâu ngày mới có được. Nhưng có được sự dụng công tu tập ấy, trước tiên chúng ta phải có "NIỀM TIN". Phải tin vào Nhân Quả và Giới Đức nhiệm mầu của Phật – Giới Đức và Lòng Tin ấy có công năng chuyển họa thành phúc, đổi rủi thành may, chuyển xoay nhân quả, từ quả báo nặng thành nhẹ, chở che mình thoát những hiểm nạn bất ngờ là nhờ nơi Giới Đức và Lòng Tin.

Nhưng, vì người đời phần nhiều xét sự đời bằng cái trí hiểu biết phàm phu thiên cận, chỉ mê tín, tin theo những gì ảo tưởng mơ hồ, không thiết thực rõ ràng cụ thể. Như tin có thể giới siêu hình, có linh hồn người chết về báo mộng, v.v... Nên dễ đắm say theo cõi tưởng, xem rẽ đường tu, để tâm đạo mờ lu, giam mình trong ngục tù tội lỗi, cầu khẩn nơi tha lực Trời Phật Thánh Thần!... Lại có lắm kẻ chỉ mới biết tu chút ít mà muốn tóm thâu kết quả thật nhiều, chẳng khác chi rấn liu điu mà học đòi làm rồng phun nước. Họ nào có biết rằng nghiệp duyên nhiều đời

trước, chồng chất tội thái sơn, chỉ thấy quả mà không xét nhân thì khác chi khảy đòn mà không nắn phím!... Thế nên, người tu thì không hiếm mà chỉ hiếm kẻ tự lực chân tu, sống đúng với đạo đức nhân quả thì thật là hy hữu.

Lại nữa, cũng có đa số hàng Phật tử là những kẻ đã nhiễm pháp Đại thừa cho rằng Bồ Tát không chấp Giới – Tức là không cần giữ giới. Nhưng họ nào có biết rằng GIỚI LÀ HÀNG RÀO, ĐỂ VÀO TỨ THÁNH ĐỊNH, MỚI KHAI PHÁT ĐƯỢC TUỆ TAM MINH, MỚI LÀM CHỦ: TỬ, SINH, LÃO BỊNH; mới chấm dứt tái sinh luân hồi, mới sống đời thanh lương giải thoát. Cũng có lắm kẻ nghe kinh sách Đại Thừa nói không tu không chứng liền sa vào kiến chấp, chẳng tu hành chi cả và tự xưng là bậc vô tu vô đắc. Hạng ấy đã hơn Phật rất nhiều! Vì chưa từng có Đức Phật nào không tu mà thành Phật cả ?!...

Ngày xưa Đức Phật Thích Ca cũng đã nghiêm trì giới luật, độc cư khổ hạnh sáu năm, nhờ Giới trợ duyên, khi vào Chánh Định bốn chín ngày dưới cội Bồ Đề mới đắc Tuệ Tam Minh, mới làm chủ tử sinh thành Bậc Chánh Giác.

Giới là điều cần thiết không thể thiếu sót được. Do đó dù ở trình độ căn cơ nào, có tu hành lấy Giới Đức làm nhân thì sẽ có kết quả thành tựu giải thoát; đều được lợi lạc cho mình và tha nhân về cả hai phương diện phước và đức.

Vì Giới pháp của Phật lấy sự thanh tịnh làm gốc. Có thanh tịnh thì lậu hoặc mới diệt, phước mới sanh, căn lành mới tăng trưởng và nghiệp chướng mới tiêu trừ. Nếu tu mà không giữ độc cư, gìn tịnh giới tinh nghiêm, không phòng hộ sáu căn thì công phu tu hành sẽ bị ác pháp tác động không thể thành tựu đạo quả viên mãn được.

Do đó Phật mới từ bi mở rộng "Giới Bát Quan Trai" cho người Phật Tử tại gia có thể tùy duyên tu tập để đều được lợi ích lớn. Nếu được đầy đủ thiện duyên Thọ trì Tịnh tu giữ gìn Bát Quan Trai Giới 24 giờ thì càng quý, không đủ

24 giờ cũng được không sao. Có giữ Tám Giới của Phật dù chỉ 1 ngày để gieo duyên làm Phật vẫn còn hơn người không giữ giới ngày nào vậy.

Chúng ta là cư sĩ tại gia còn lẫn lộn giữa đời phức tạp, đầy dẫy sự ác trước khổ đau, không đủ duyên lành để xuất gia tu đạo như tu sĩ. Nhưng nhờ tu Bát Quan Trai Giới một ngày kết duyên với đạo giải thoát, tháo gỡ lần hồi nghiệp chướng oan gia, để trong kiếp này hoặc kiếp sau sẽ được bước lên bờ giải thoát an vui không còn chôn vùi thân tâm trong thất tình lục dục. Hai mươi bốn giờ giữ

tròn Bát Quan Trai Giới Tịnh Tu, chính là 24 giờ chúng ta đã xuất gia tập làm Phật một ngày một đêm rồi vậy.

Nhờ giữ gìn Tịnh Giới, tuy kiếp này chúng ta chưa thoát ly được ngục tù trần thế nhưng nhờ Giới Đức đã gieo được nhiều thiện chủng trong tâm điền, thì kiếp sau sẽ sớm gặp được bạn hiền thầy sáng để hướng dẫn chúng ta trong cuộc hành trình giải thoát còn bỏ dở. Do đó dù tái sinh ở bất cứ cảnh giới nào chúng ta vẫn có đủ duyên lành để tu theo Bát Chánh Đạo đặng chóng đạt đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn.

Giờ đây chúng ta đã gặp được Chánh Phật Pháp gặp được Bạc Minh Sư Trưởng Lão Thích Thông Lạc đã Tu Chứng Thánh Quả Alahán để chúng ta học đạo tiến tu, không phải là sự tình cờ ngẫu nhiên mà thật ra là do tiền duyên trong quá khứ, chúng ta đã trồng sâu căn lành trong Chánh Phật Pháp rồi vậy. Nếu giờ đây lại tiếp tục Giữ Giới Tịnh Tu, một lòng hướng về đạo pháp thì không chóng thì chầy chúng ta cũng sẽ được mãn nguyện trên đường giải thoát của Đạo Phật mà Ngài đã triển khai.

Con đường tu tập của chúng ta không phải dài lâu vô tận kiếp như kinh điển Đại thừa mô tả mà chỉ trong kiếp này hoặc kiếp sau. Vì chúng ta đã tu hành đúng với Chánh Pháp và đang có Bạc Minh Sư tu chứng Thánh Quả hướng dẫn sách tấn dắt dìu chúng ta từng bước.

Để giữ vững niềm tin đối với Minh Sư và Đạo Pháp, không thối chuyển trên bước đường Tịnh Tu Giới-Định-Tuệ thì những lúc gặp điều bất như ý đưa đến, chúng ta nên ý thức điều này: "Công đức Tịnh Tu giữ gìn Tịnh Giới không thể dùng con mắt phàm mà trông thấy được và nghiệp chướng lâu đời cũng không tướng, không hình, không thể nhìn bằng nhục nhãn!...Giả sử gặp một tai nạn như té xe, hoặc bị mất trộm, hay hoả hoạn cháy nhà, v,v...thì hãy tin vào nhân quả - Vì nhờ có tu tập Tịnh Giới nên mới chuyển nghiệp chướng hậu báo thành hiện báo".

Chúng ta nên nghĩ rằng nếu không nhờ công đức Thọ Giới Tịnh Tu Bát Quan Trai thì có thể sẽ bị bỏ mạng, chính nhờ tu hành Tịnh Giới mà chuyển nhân quả nghiệp lực từ đại nạn qua tiểu nạn vậy.

Vả lại Phật còn mang tám nạn người sao khỏi tai ba, những chúng sanh nào tu mà cầu vạn sự như ý thì thật là nông nổi đại khờ, sẽ dễ thối thất mất niềm tin

vào “Đạo đức nhân quả” của nhà Phật và bỏ phế sự tu hành khi gặp việc chẳng lành đưa tới!...

Ngược lại nếu chúng ta nhận thức được những điều kể trên thì càng gặp thử thách hoạn nạn càng lo năng nỗ tiến tu và luôn nhìn vào nhân quả, vui lòng trả dứt món nợ tiền khiên, để thân tâm sớm được bình yên thể nhập vào trạng thái Niết Bàn là thanh thản an lạc và vô sự.

Chúng ta còn là Cư Sĩ tại gia, giữ gìn Tịnh Giới Tu hành không phải là phế bỏ sự đời nhưng phải nhận chân đời là tạm bợ, như cảnh chợ sớm hợp chiều tan... Vạn sự ở thế gian đều là mộng ảo... Thậm chí xác thân mà hằng ngày chúng ta đi đứng nói năng uống ăn ngủ nghỉ... Cũng chỉ là nhà hoang làng trống – Sự đời tồn sanh mỏng manh như sợi chỉ mảnh treo chuông nặng vậy. Một hơi thở ngưng rồi thì thân này hoá ra thực phẩm của ruồi nhặng, dòi tửa, sinh chương hôi thối chớ nào đâu có nghĩa lý gì?!!!

Thế mà! Thế nhân cứ mãi chạy theo vật chất văn minh lầu cao xe tốt, vợ đẹp chồng sang, sơn hào hải vị, say ngủ li bì, chẳng sớm nương về đạo từ bi để thoát ly vô thường thống khổ lão bệnh tử sinh thì thật là vô minh hết chỗ nói !!!...

- Biết tu hành giữ gìn Tịnh Giới là tìm về bến đỗ, nhưng ít ai tỉnh ngộ tấn tu.
- Giữ gìn Tịnh Giới là quang lộ dẫn đến nẻo thiện chơn, thoát cơn trầm mộng.
- Giữ gìn Tịnh Giới lại rất cần, rất khẩn thiết trong thời đại nhân tâm xuống cấp, đạo đức suy đồi, người tu phá giới, chùa chiền vật chất dục lạc lầy lùnh!... Vì Nhơn sanh trót đã tạo gây nhân ác nên giờ đây phải đồng lãnh phần gặt chia ác duyên quả khổ:

Biết bao cảnh, sắc màu cám dỗ Đã diễn ra khắp chỗ cùng nơi Ngày lẫn đêm
quyên rũ đón mời Để đáp ứng lòng ham dục lạc Của ác nhân trên quả địa cầu Mới
gây ra lăm cảnh thâm sâu Đồng chung chịu! Biết đâu lối thoát?

Nếu chẳng sớm làm lành lánh ác

Thì nhân sanh mất mát đạo lành

Sống giữ gìn Giới Phật tu hành

Mới hưởng cảnh thanh bình an lạc.

Làm lành lánh ác

Như Hạt bay cao

Giới Phật nhiệm mầu

Không sao nói hết!...

(Sài Gòn 20-10-2004 – Phật tử Hương Liên - Kính bái)

(HẾT TẬP HAI – XIN QUÍ VỊ ĐỌC TIẾP TẬP BA)